

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẬP-CHÍ

PHÁP-DU HÀNH-TRÌNH NHẬT-KÝ

Tôi đi Tây chuyến này định quan-sát được điều gì hay, khi trở về sẽ biên-tập thành sách để cống - hiến các đồng-bào. Song đợi đến khi về nhà thời lâu lắm; vậy trong khi đi, tôi có giữ quyển nhật-ký, ngày ngày ghi-chép, được tờ nào gửi về báo đăng trước, toàn là những lời kỷ-thực, không có văn-chương nghị - luận gì; chẳng qua là những tài-liệu để đến khi về nhà làm sách vậy.

Ph. Q

Giữa bẻ, trên tàu *Armand Béhic*, ngày 16 Mars 1922.

Tôi được quan Thống-sứ Bắc-kỳ cử sang Đại-Pháp thay mặt cho Hội Khai-trí - tiến-dức để dự cuộc Đấu-xảo Marseille, lại được quan Toàn-quyền đặc-phái sang diễn - thuyết tại mấy trường lớn ở Paris, ngày 9 tháng 3 tây năm 1922, (tức là ngày 11 tháng 2 ta) xuống Hải-phòng để đón tàu *Armand Béhic* về Pháp.

4 giờ chiều ngày 10 tháng 3, tàu mới cất neo chạy, Trong khi đợi tàu ở Hải-phòng, các ngài thân-hào tỉnh ấy tiếp đón khoản-dãi một cách rất ân-cần. Số cá: phái-viên Bắc-kỳ đi dự Đấu-xảo Marseille cả thầy có bảy người: quan Tuần Cao-bằng Vi Văn-Định, quan huyện Phong-doanh Trần Lưu-Vị, thay mặt cho quan-trưởng Bắc-kỳ; ông Nguyễn Văn-Vĩnh, ông Phạm Duy-Tồn, thay mặt cho Tư-vấn-nghị-viện; ông Hoàng Kim-Bảng, thay mặt cho các nhà thương-mại; ông Nguyễn Hữu-Tiếp, thay mặt cho các nhà canh-nông, và tôi là đại-biểu của Hội Khai-trí-tiến-dức. Trong bảy ông phái-viên ấy, chỉ có bốn ông đi chuyến tàu *Armand Béhic*, là quan Tuần Vi Văn-

Định, quan huyện Trần Lưu - Vị, ông Nguyễn Văn-Vĩnh và tôi; còn ba ông nữa thì xin ở lại đi chuyến tàu sau.

10 giờ ngày mồng 9 tháng 3 tới Hải-phòng, được đích tin rằng tàu *Armand Béhic* ở Hương-cảng lại đến: trưa mới tới bến và chiều ngày mai mới chạy. Ông nghị-trưởng Nguyễn Hữu-Thu mời ăn cơm trưa ở nhà *Hôtel du commerce*. Buổi chiều đi lấy giấy thông-hành (*passport*) và đổi giấy đi tàu của Nhà-nước (*réquisition de passage*) lấy vé tàu của công-ti. Theo lệ mới thi-hành trong một năm nay thì phạm người dân Đông-Pháp muốn đi lại trong bản-xứ hay là xuất-dương sang Đại-Pháp cùng những xứ thuộc về quyền-chính của Đại-Pháp, chỉ phải đem theo một cái thẻ căn-cước (*titre d'identité*) là đủ; thẻ căn-cước ấy do các quan hành-chính các địa-phương phát, như ai ở tỉnh nào thì xin quan Sứ tỉnh ấy, phải có lý-trưởng làng mình nhận - thực. Thẻ căn - cước ấy không những dùng để xuất - hành mà thôi, chính là một cái chứng-chỉ về bản-thân mỗi người, dùng được nhiều việc lắm: lĩnh tiền ở các kho các sở, ký nhận thơ - từ hàng-hóa của nhà Giấy-

thép, v. v. Duy khi nào muốn xuất-bành ra ngoài địa-phận Đông-Pháp thời phải đem thẻ căn-cước đến lấy chữ quan chánh Sở Cảnh-sát ký nhận. Ấy theo lệ hiện-bành thời chỉ có thể là đủ, và người An-nam đi sang Đại-Pháp không cần phải giấy thông-hành khác nữa. Nhưng từ Đông-Pháp về Đại-Pháp, tàu phải đỗ ở mấy nơi của bề thuộc về người Anh cai-trị: Singapore, Colombo, Port Said. Muốn xuống chơi những cửa bể ấy — ba mươi ngày trên tàu, tới đâu mà chẳng muốn xuống, — thì một cái thẻ căn-cước của ta không đủ, vì người Anh không công-nhận. Bởi thế nên ai đi sang Pháp ngoài thẻ căn - cước của mình, xuống đến Hải-phòng cũng phải lấy một cái giấy thông-hành nữa. Giấy này do Tòa Đốc-ly Hải-phòng phát, không lấy tiền. Được giấy thông-hành ở tòa Đốc-ly rồi, phải đem ra sở Cảnh-sát để ghi vào sổ. Đoạn rồi lại phải đem ra sở Lãnh-sự nước Anh ký-nhận cho phép lên các cửa bể thuộc quyền cai-trị nước Anh. Lãnh-sự nước Anh là ông quản-ly chi-điểm công-ti (*Denisfrères*) ở Hải-phòng. Lấy chữ ký này phải mất 0\$40 lệ-phí; nghe nói trong khi chiến-tranh, tiền lệ-phí ấy tới bốn năm đồng bạc.

Các phái-viên An-nam đi Đẩu-xảo Marseille, được Chánh-phủ chịu tiền tàu, và đi tàu thời được đi hạng nhì. Trước khi đi, sở Tài-chánh ở Hà-nội đã phát cho mỗi ông phái-viên một cái giấy đi tàu, gọi là «tổng-phiếu» (*réquisition*), nghĩa là giấy của Nhà-nước tổng đòi công-ti tàu bề phải chở không, rồi sẽ tính tiền với Nhà-nước sau. Giấy «tổng-phiếu» ấy, tới Hải-phòng phải đem lại công - ti hàng-hải *Messageries maritimes* là công-ti có tàu *Armand Béhic*, để đòi lấy vé tàu. Ông Nguyễn Văn-Vinh ông Trần Lưu-Vị và tôi cũng lấy vé một phòng thuộc về hạng nhì; quan Tuần Vi Văn-Định thời chịu trả thêm tiền để đi hạng nhất. Theo lệ thường các quan

Tuần-phủ Tổng-đốc đều được đi hạng nhất cả; sở hữu-ti lần này đặt quan Tuần vào hạng nhì cùng với các phái-viên khác, cũng là một sự sơ-y; bởi thế nên ngài phải trả thêm tiền để đi hạng nhất cho rõ sự sơ-y ấy.

Tối ngày mồng 9, ông Bach Thái-Bưởi, ông Nguyễn Hữu-Thu, cùng mấy ông thân-hào ở Hải-phòng đặt tiệc ở nhà *Hôtel de la marine* để đãi các phái-viên đi Pháp. Tiệc có nhà trò hát, bát-âm kèm, vui-vẻ lắm.

Trưa ngày mồng 10 lại dự tiệc ở nhà ông Hàn Hình, là nghị-viên Hải-phòng.

2 giờ chiều ngày mồng 10, đem hành-lý xuống tàu. Hạng nhì của chúng tôi có sáu giường, hiện đã có ba người đi tự Hương-cảng lại, chiếm mất ba giường, là hai ông cố và một đứa con nít mười tuổi. Hai cố là cố Robert, phó-quản-ly Hội Truyền-giáo Viễn-đông ở Hương-cảng, người danh-giá và đạo-đức lắm, mới được Chánh-phủ Đại-Pháp thưởng Bắc-dầu bội-tinh, và cố Perreaux, trước giảng-đạo ở Bình-định (Trung-kỳ), gần đây sang Hương-cảng, nay đổi về Sài-gòn. Đứa con nít là con một nhà kỹ-sư ở Hương-cảng, theo cố Robert, về Pháp để sang học bên Ti-lợi-thì (Belgique). Đi bề xa khơi, gặp được hai bậc đạo-nhân làm bạn, cũng là một sự may.

Kể trong các tàu của Công-ty *Messageries maritimes* thời tàu *Armand Béhic* này là vào bậc trung-bình, không được lịch-sự như các tàu *Porthos*, *André Lebon* hay là *Paul Lecat*, nhưng cũng không bé-nhỏ chật-hẹp như nhiều tàu khác. Nói về sức chạy thời có lẽ vào bậc nhất nhì, tốc-độ thường là 13 hải-lí (*nœuds*). Nhưng phải một cái tật, là chạy sóc lắm: ra tới bề bể hơi có sóng gió một chút thời mở cuộc «*Khiên-vũ*» ngay, nào nhảy, nào múa, nào nghiêng, nào lượn, uốn-éo trên mặt sóng, chẳng hay người đứng

ngoài trông có đẹp mắt không, chớ người ở trong thời thật là khó chịu. Lần này tôi mới biết say sóng là cái gì. Trước đi Sài-gòn cũng đã từng say sóng mất nửa ngày, nhưng chưa thấm vào đâu với lần này. Tàu ra chưa khỏi Đồ-sơn đã bắt đầu « múa » rồi : bấy giờ thấy đầu lão-đảo, bụng xôn-xao, rồi ọe, rồi nôn, có gì trong bụng nôn ra hết. Từ Hải-phòng tới Sài-gòn, tàu chạy có 3 đêm hai ngày, mà phải mất hai đêm một ngày say sóng, nằm di trong phòng, không cất đầu lên nổi, và ba bữa không ăn uống một tí gì. Nhưng bệnh say sóng này cũng lạ : đương lúc say thời tưởng không gì khổ bằng ; qua lúc say thấy người tỉnh-táo, khỏe-mạnh và ngon miệng muốn ăn ngay ; bấy giờ như quên hẳn, không nhớ gì đến những nỗi khó chịu lúc trước nữa.

Say sóng dữ nhất là vào quãng ngang Tourane, Qui-nhơn. Gần tới Sài-gòn thời bề yên, tàu vững, người lại bình-bao như thường.

5 giờ sáng ngày 13, tàu tới Sài-gòn, yết-bảng đến 4 giờ sáng ngày 15 chạy về Singapore, đỗ ở Sài-gòn 48 giờ.

Thừa được thời giờ dài rộng như thế, bên bờ tàu xuống bộ, dạo chơi thành-phố và thăm hỏi bạn-bè. Nhưng trước khi đi chơi, anh em nhủ nhau vào chào quan Thống-đốc Nam-kỳ Dr Cognacq, ngài chính là quan đại-lý trông coi về việc Đấu-xảo ở bên Đông-Pháp; ngài tiếp tử-tế lắm, và chúc cho các phái-viên vượt bể được bình-yên mạnh-khỏe. Nhân quan Toàn-quyền Long cũng ở Sài-gòn, các phái-viên muốn xin vào chào ngài, nhưng bữa ấy ngài bận nhiều khách lắm, không thể tiếp được, có hẹn đến 11 giờ hôm sau là ngày 14 lại. Hôm sau, đúng giờ ấy, các phái-viên vào chào ngài, ngài hỏi-ban và nói chuyện an-cần-lắm, nói rằng ngài sẽ gặp các phái-

viên ở bên Pháp, vì cách vài tuần nữa ngài cũng xuống tàu về Pháp.

Trưa ngày 13, anh em cùng nhau về Chợ-lớn, trước là xem phố-phương, sau là thử vào ăn cơm một hiệu cao-lâu ở đấy xem cách người khách ở Nam-kỳ tiếp người An-nam thế nào. Cách đó thật là lãnh-dạm vô-cùng. Người khách ở Chợ-lớn tựa hồ như không cần gì người An-nam cả ; mà những hàng trí-thức trong Lục-tỉnh ngày nay, đối lại với họ cũng lạnh-nhạt như thế. Coi đó thời biết hai giống người ác-cảm nhau đã sâu lắm ; cái ác-cảm ấy có lẽ cũng là một sự hay cho đường kinh-tế nước ta sau này.

Chiều ngày 13, các ông Bắc-kỳ buôn bán ở Sài-gòn, đặt tiệc tại nhà ông Đắc là đại-lý của Hiệu Đào Huống-Mai ở Sài-gòn để đãi các phái-viên. Ông Đắc mới ra Hà-nội vắng, nhưng các bạn Bắc-kỳ đến dự tiệc cũng đông, thật là tỏ ra cái cảm-tình người đồng-quận.

Tiệc đoạn ở hiệu Đào Huống-Mai, thời các bạn Nam-kỳ cho xe hơi đến đón đi xem trò « xiếc » (*cirque*) của người đồng-bào mình mới mở tại Sài-gòn được vài bữa. Bọn xiếc này đặt tên là « xiếc Tân Nam Việt » (*cirque du jeune An-nam*), tài-tử toàn là người An-nam cả, mà đứng chủ là ông André Thận, năm trước đã sung phái-bộ ra xem Hội-chợ ở Hà-nội. Bọn này mới tập có mấy tháng mà làm trò đã tài lắm, leo dây, múa đối, chẳng kém gì các bọn xiếc của người Mỹ người Ý đã sang làm trò ở bên ta. Có mấy vai tài-tử xuất-sắc nhất, tưởng sánh với người các nước cũng không thua, nhất là vai thầy Hào và vai cô Mão. Đàn-bà An-nam ta mà làm trò xiếc trước nhất ; chắc là cô Mão này.

Xong trò xiếc tại diễn thêm một bài tân-kịch đề là « Vợ ngoan làm quan cho chồng » của ông Hồ Văn-Lang đặt

để giúp cho việc cổ-dộng cuộc công-thải 6 triệu đồng. Bài kịch soạn khéo, người diễn cũng giỏi. Trước tôi vẫn biết trong Nam-kỳ mấy năm nay mới xuất-hiện một lối kịch mới gọi là « tuồng cải-lương » thịnh-hành lắm, nhưng chưa hiểu cải-lương ra thế nào. Nay được xem bài kịch này mới rõ. Tuồng « cải-lương » là một lối kịch đặt theo kiểu mới của Âu-Tây, nhưng vẫn giữ cái phong-vị cũ của tuồng ta, là đương khi các vai nói chuyện như thường, lại pha thêm mấy đoạn hát theo điệu dân, thành ra vừa là kịch, vừa là ca bản dân, bản cự, tuồng cũng là một lối tuồng hợp với trình-độ người mình hiện bây giờ. Ngoài Bắc ta có muốn cải-lương diễn-kịch, có lẽ cũng phải theo một lối ấy trong ít lâu, rồi mới mong tìm được một cái thể khác thích-dáng hơn. Nếu thể thi đồng-bào ta trong Nam-kỳ đã thí-nghiệm rồi, ta cứ việc nhân đây mà châm-chước,

Trưa Ngày 14, ông Nguyễn Phú-Khai, nguyên quân-lý báo *Tribune indigène*, hiện làm chủ hiệu buôn nhập-cảng Thuận-hóa, mới ăn cơm ở nhà riêng ông đường Pellerin. Ông Nguyễn cũng có thể cho là một tay lãnh-tụ trong đảng « Tân Nam-việt » ta ở Nam-kỳ, người thông-minh, linh-lợi, lại có cái tư-tưởng cao về quốc-gia, về xã-hội, cách giao-thiệp ôn-hòa nhã-nhận, rõ ra một người có tư-cách khác thường, Tân-học mà được như ông cả, ấy mới thật là xứng-dáng.

3 giờ chiều, ông Trương Văn-Bền là một nhà công-nghiệp to ở Chợ-lớn, năm trước cũng có ra xem Hội-chợ ở Hà-nội, đem xe hơi ra đón các phái-viên Bắc-kỳ về xem nhà máy dầu và máy gạo của ông ở Chợ-lớn. Xem qua cái công-cuộc ông gây dựng lên đã to tát như thế, mà chúng tôi thấy hưng-khởi trong lòng, mong mỗi cho đồng-bào ta ngày một nhiều người như ông ngõ hầu chiếm được phần to trong

trường kinh-lẽ nước nhà và thoát-li được cái ách người Tàu về đường công-nghệ thương-nghiệp.

5 giờ chiều cùng mấy ông ngoài ta đi xem vườn Bắc-kỳ-nghĩa-trang, cách thành-phố Sài-gòn 6, 7 cây lô-mét. Đó là nơi nghĩa-địa của người Bắc ở Sài-gòn. Số người ngoài ta vào lập-nghiệp trong ấy mỗi ngày một nhiều, mà hương-lai không có một khu đất nào riêng để chôn những người bất-hạnh mất đi. Nay nhờ có mấy ông hữu-tâm xướng-suất lên, mua được một khu đất chừng mười mẫu, kinh-doanh làm thành một vườn nghĩa-địa, hiện nay đã có vài ba cái mộ mới chôn. Tinh đồng-quận, nghĩa tử-sinh, thật là một việc đáng khen lắm.

7 giờ tối thời các bạn Nam-kỳ đặt tiệc tại nhà *Saigon-palace-Hôtel* để đãi phái-viên Bắc-kỳ. Dự tiệc bữa ấy, ngoài mấy anh em chúng tôi, có những vị như sau này : ông Nguyễn Phú-Khai, ông Trương Văn-Bền, ông Lương Văn-Mỹ công-chính kỹ-sư ở Chợ-lớn, quan Đốc-phủ Chợ-lớn Nguyễn Tấn-Sử, ông Nguyễn Phan-Long, ông Nguyễn Chánh-Sắt, ông Lê Hoàng-Mừ, ông Nguyễn Tử-Thức, ông Lê-Đức, ông Nguyễn Văn-Thường, ông Hồ Văn-Lang, ông Tự-An (ở báo *Tribune indigène*), ông Nghiêm. Tiệc thật là vui vẻ lắm, rõ hiệu cái tình liên-lạc kẻ Bắc người Nam. Khi uống champagne, ông Nguyễn Phú-Khai thay mặt các bạn Nam-kỳ chúc phái-bộ Bắc-kỳ vượt bể bình-yên và sang bên Đại-Pháp quan-sát được nhiều điều ích-lợi cho đồng-bào. Ông Nguyễn Văn-Vĩnh thay mặt các phái-viên Bắc-kỳ cảm ơn các bạn Nam-kỳ.

Tiệc xong, ông Trương Văn-Bền và ông Nguyễn Phú-Khai đem xe hơi riêng đưa các phái-viên đi chơi phố-phường, về Chợ-lớn, rồi ra Sài-gòn theo đường bờ sông cho đến nơi gọi là Lang-thò, một bên thuyền bè đậu,

một bên dãy đèn điện dài nhấp-nhánh như sao sa, trên trời mặt trăng chiếu rọi, thật là một cảnh ngoạn-mục.

Buổi tối này là buổi tối cuối cùng của anh em chúng tôi còn đề chân trên đất nước nhà, trước khi dời mình sang những phương xa cõi lạ. Từ Hải-phòng đến Sài-gòn, tuy lệnh-dệnh trên mặt bể, nhưng vẫn chưa ra khỏi hải-phận nước nhà; từ đây trở đi mới thật là băng miền dị-vực. Cho nên trước khi từ-biệt các bạn Nam-kỳ để xuống tàu, ai nấy cũng thấy có chút cảm-dộng trong lòng, cảm-dộng vì cái thịnh-tinh của các bạn, cảm-dộng vì cái tư-tưởng cố-quốc tha-hương.

4 giờ sáng ngày 15, tàu cất neo chạy về Singapore (Tân-gia-ba). Ra khỏi Vũng Tàu (Cap Saint-Jacques), lại gặp sóng to, say sóng mất non một ngày, mãi đến hôm nay 16, mới tỉnh dậy, ăn được một bữa, thấy người hơi khoan-khoái, vào trong phòng khách, viết mấy dòng này.

II

Giữa bể, ngày 18 Mars 1922
(khỏi Singapore, gần Penang)

4 giờ sáng ngày 15 Mars, tàu rời bến Sài-gòn chạy về Singapore (Tân-gia-ba). Từ Sài-gòn ra đến bể có sáu chục cây-lô-mét tàu đi khúc-khuỷu theo con sông Sài-gòn; đến 8 giờ sáng thì vừa tới Cap Saint-Jacques (Vũng tàu), địa-thế chỗ này cũng hiểm-trở và cảnh-trí cũng ngoạn-mục: hai bên núi bao-bọc như cái tay ngai, giữa một cái vũng to, nước nửa xanh, nửa đỏ, nước đỏ là nước sông chảy ra, nước xanh là nước bể dồn vào; ngoài xa là bể khơi man-mác. Trên núi trông xa-xa thấy những nhà lầu trắng xóa ở giữa đám cây xanh um-tùm: đó là nhà biệt-thự (Villas) của các qui-quan mùa nóng ra nghỉ mát, vì nơi Vũng-tàu này chính là một sở nghỉ

hè như Đồ-sơn Sầm-sơn ở Bắc-kỳ vậy. Trong Nam-kỳ nói di chơi « Ô-Cấp » (Au Cap) cũng là một cách phong-lưu lịch-sự như ngoài Bắc nói di tắm Đồ-sơn vậy.

Ô-Cấp không những là một nơi nghỉ chơi, lại là một cái chiến-cảng để giữ cửa Sài-gòn và cả miền hải-phận Nam-kỳ, và là nơi sở-tại của một quan đại-ly thuộc về tỉnh Bà-rija. Nên ngoài những nhà mát của các qui-quan, lại còn những tòa sở khác nhiều lắm, và thường khi có tàu chiến đậu. Đi ngoài trông vào, không khác gì một nơi tỉnh-thành lớn.

Từ Sài-gòn ra Tân-gia-ba có đi ngang qua quần-dảo Côn-lôn (Poulo Condore) nhưng đi tận ngoài xa, không trông rõ.

Mới ở Vũng tàu ra, bể hơi có sóng gió, lại say sóng mất quá nửa ngày nữa, nhưng ra quá bên ngoài thời yên ngay, và cho đến tận Singapore đều được bình-tĩnh như thường.

8 giờ sáng ngày 17 Mars, tàu tới Singapore. Đàng lẽ tới từ 4 giờ đêm, vì từ Sài-gòn đến Singapore đi có hai ngày tròn, nhưng nghe dấu người Anh có lệ không cho tàu ngoại-quốc xuất-nhập dương đêm. Cho nên tàu đến trước cửa Singapore từ nửa đêm mà còn phải đậu ở ngoài xa, đến sáng rõ mới quay mũi vào bến.

Mặt trời mới mọc, trông vào bến Singapore, không cảnh gì đẹp bằng, như một bức tranh sơn-thủy vậy. Lần này mới được trông thấy một nơi hải-cảng là lần thứ nhất, thật là một cái cảnh-tượng to-tát. Cửa Hải-phòng, cửa Sài-gòn của ta kể cũng khá to, nhưng sánh với cửa Singapore này còn kém xa nhiều. Bến liền nhau với bể, chạy dài đến mấy nghìn thước, tàu đỗ không biết cơ-man nào mà kể, tàu của khắp các nước đi tự Á-đông sang Ấn-độ và Âu-tây đều phải qua đây.

Cửa Singapore này là đặt ở trên một cái đảo ở cuối bán-đảo Malacca, ngay đầu eo biển Malacca, địa-thế thật là tiện-lợi cho đường buôn-bán, và cũng tiện-lợi cho sự quá-lại. Người Anh ở Á-đông, phía trên giữ được cửa Hong-kong (Hương-cảng), phía dưới giữ cửa Singapore, thật là chiếm được hai nơi then chốt ở cõi Á-đông này, địa-thế hiểm-yếu không đâu bằng. Mà hai nơi ấy trước kia là hai cái đảo nhỏ cứng-tịch, bỏ hoang không ai đi đến bao giờ; nhất-đến vào tay người Anh kinh-doanh trong mấy chục năm, trở nên hai nơi hải-cảng và thương-phụ nhất nhì trong thế-gới: cái nghị-lục của giống người Anh cũng khá-khinh vậy.

Bây giờ bao nhiêu tàu bè của các nước đi qua lại bên Á-đông này, tất phải đi qua hai cửa Singapore và Hong-kong; hai cửa ấy lại theo cái chế-độ « tự-do mậu-dịch » của nước Anh, đồ hàng-hóa các nước đem vào không phải thuế-thương-chánh, nên cái phong-trào buôn bán thật là có vẻ phồn-thịnh hơn các cửa biển khác nhiều.

Trước khi tàu ghé bến, phải đợi cho quan thầy thuốc Anh xuống khám xem hành-khách có ai mắc bệnh truyền-nhiễm không. Đến khi tới nơi, hành-khách chưa được xuống vội, phải đợi cho quan cảnh sát lên khám giấy thông-hành. Trong khi chiến-tranh thì ai muốn xuống bến cũng phải trình giấy thông-hành cả, nhưng bây giờ thì chỉ người nào đỗ hải ở Singapore mới phải trình giấy mà thôi; còn các hành-khách khác xuống chơi vài bốn giờ rồi lại về tàu thời được tự-do đi lại; lệ có khoan hơn trước nhiều.

Trên bến thấy mấy viên quan cảnh-sát Anh và lính cảnh-sát toàn là người Mã-lai và người Á-độ cả. Còn những phu chở hàng và mang đồ hành-lý thì phần nhiều là người Tàu và người Mã-lai.

Vào đến trong phố thời nghiêm-niên là một nơi đô-hội của người Tàu, chẳng kém gì thành-phố Chợ-lớn, Phố xá đông đúc, xan-xát những hiệu khách cả; có mấy dãy phố toàn những nhà lầu-lầu khách-sạn, ngày đêm tấp-nập những khách ăn-chơi, người đi lại. Đi lại trong phố-phường, có xe kéo và xe hơi, xe kéo người khách kéo, xe hơi người khách cầm lái. Đại-đề, công-việc gì cũng là người khách làm cả, từ bán cháo giông cho đến làm chủ hiệu, tựa-hồ như người Anh mở-mang đất này riêng cho người Tàu đến sinh-lý, còn thổ-dân là giống Mã-lai thời bị khu-trục ra ngoài cái sinh-hoạt giới-tuyến vậy. Coi đó cũng đủ biết cái nghị-lục của người Tàu, kẻ không kém gì người Anh vậy. Người Anh có cái tài sáng-tạo kinh-doanh, người Tàu có cái sức thừa-hành lao-động, người Anh là cái óc sắp-đặt, người Tàu là cái tay làm lụng, hễ đâu có hai giống người ấy tất là nơi sinh-hoạt phồn-thịnh.

Singapore có thể chia ra hai phần: một phần là phố khách, một phần là phố Tây; phố tây cũng sầm-uất bằng phố khách mà lại có cái vẻ nguy-ngha hơn. Phố tây ở Singapore này có khác phố tây ở các nơi khác, nhất là khác các phố tây của người Pháp ở, như trong các thành phố ta; người Pháp ở đâu thì những nhà lầu to lớn phần nhiều là các dinh-thự công-sở của nhà nước; người Anh ở đâu thì những nhà lầu to lớn là các cửa hàng, các hội buôn, các công-ti, các ngân-hàng. Những hàng buôn của người Anh ở Singapore thật là những lầu-đài vĩ-dại, có khi chiếm từng dãy phố dài.

Ngoài các phố-phường buôn bán, đến những nơi nhà ở riêng, làm theo lối « biệt-thự » (villas) của người Anh, nhà xây ở chỗ đất cao, chung quanh vườn rộng, xe hơi chạy lùnh khấp được. Những nhà ấy phần nhiều của người

Anh, nhưng cũng có nhà của các chủ hiệu khách lớn ; ban ngày xuống phố làm việc, chiều tối về nhà riêng nghỉ.

Xe hơi ở Singapore, thật không biết cơ-man nào mà kể, nào xe riêng, nào xe thuê, cả ngày chạy như mắc cửi. Vào đến Sài-gòn, thấy xe hơi chạy đường Catinat đã lấy làm nhiều, nhưng xe hơi ở Singapore lại còn nhiều hơn nữa, và ở Singapore đường phố nào cũng như đường Catinat hết thấy.

Ở trên tàu xuống, anh em đi dạo qua mấy phố gần bến, mỗi người đổi mấy đồng bạc Đông-Pháp lấy tiền Singapore để tiêu-dùng cho dễ. Bạc Đông-Pháp, nhất là bạc đồng, ở đây chuộng lắm; mỗi đồng bạc của ta, trừ tiền cấp còn được một đồng năm xu bạc Singapore; coi đó thời biết rằng bạc ta có giá-trị, vì lẽ thường đem tiền mình đi dùng ở xứ khác, chỉ có thiệt, không có lợi bao giờ.

Đi chơi vừa đến trưa, không trở về tàu ăn cơm, nhủ nhau vào một hiệu cao-lâu khách, gọi là *Shanghai Hôtel*; cách bày-bien tiếp-dãi ở trong các cao-lâu khách đây có ý lịch-sự hơn các cao-lâu ở Chợ-lớn nhiều. Khách trong cao-lâu là người Quảng-dông cả; nhân trong bọn chúng tôi có quan Tuần Vi thông tiếng Quảng-dông, nên nói-năng giao-thiệp cũng dễ. Người khách không biết chúng tôi là người An-nam, vì trước khi xuống bến anh em đã nhất-luật cải áu-phục cả. Họ hỏi có phải là khách Thượng-hải mới ở Mỹ về không. Chúng tôi cũng đáp rằng phải, và hiện nay đi du-lịch sang nước Pháp. Coi đó thời biết rằng người Tàu hề khác tính thời không nhận biết được nhau nữa, vì ngôn-ngữ bất đồng, người Quảng-dông với người Thượng-hải đối với nhau cũng bỡ-ngờ như người nước khác vậy.

Người khách ở Singapore chỉ có người Quảng-dông buôn-bán to và người Phúc-kiến Triều-châu làm các nghề-nghiệp nhỏ; còn người Thượng-hải ít lắm; cho nên trong khi đi dạo chơi các phố khách, người khách nào cũng cho bọn chúng tôi là người Thượng-hải cả.

Ăn cơm xong, anh em thuê hai cạ xe hơi để đi dạo quanh khắp tỉnh-thành một lượt trước khi tàu chạy. Xe hơi chạy thuê ở đây nhiều và rẻ lắm: ở các đầu phố thường đỗ hàng chục cái, giá thuê giờ thứ nhất là ba đồng, giờ thứ nhì hai đồng, đi hai giờ thời chạy vòng quanh được thành Singapore một lượt, đi từ dưới bến, qua các phố Khách phố Tây, men các đồi cao ở sau bến, vào xem vườn hoa, rồi lại quay về bến, vừa đúng ba giờ, xuống tàu nghỉ-chơi một lúc thời tàu chạy.

Từ Singapore đến Penang tàu chạy phải 36 giờ, chừng sớm mai thì tới nơi. Penang cũng là một cái cửa bể ở về phía tây bắc-dảo Malacca. Người ta nói rằng từ Singapore ra Penang có đường xe lửa liền, đi mất chừng 10, 12 giờ. Hành-khách xuống chơi Singapore, có lẽ không về tàu kịp thời cứ đi xe lửa ra Penang, rồi đợi tàu ở đấy cũng được. Người làm trong tàu có khuyên chúng tôi nên làm như thế, cũng là một cách du-lịch hay, nhưng nghĩ đến ngồi trong xe lửa 10, 12 giờ ở một xứ xa lạ mình không biết tiếng, tưởng cũng không có thú gì, nên anh em đứng giờ trở về tàu cả.

III

Chủ nhật, 19 Mars 1922.

8 giờ sáng hôm nay tàu đến Penang, đỗ 6 giờ, đến 2 giờ chiều lại chạy. Tàu không ghé áp tạt bến, đứng cách xa ngoài chừng một nghìn thước, hành-

khách muốn vào bến phải đi bằng cái « Sà-lúp » của công-ti, hay là thuê thuyền chở vào. Khách lên xuống ở bến này cũng ít, phần nhiều là người Chà-và (Ấn-độ).

Pinang là một cái cửa bể ở trên một hòn đảo về phía tây bắc đảo Malacca, tức đất-danh là Poulo Pinang. Poulo Pinang là tiếng Mã-lai : poulo nghĩa là cù-lao, pinang nghĩa là cây cau, Poulo Pinang là « cù-lao cây cau », vì ở đây có nhiều cau lắm. Tên đất này cũng có quan-hệ chút đỉnh với lịch-sử nước ta : chính đây là chỗ Đức-cha Bách-da-lộc hồi sang giúp dức Cao-Hoàng-ta thường đi lại ở đó, và chính đây là chỗ có trường đại-tập của giòng truyền-giáo Gia-tô ở Á-dông, phần nhiều các cố-đạo sang giảng giáo bên ta từ xưa đến nay và các thầy giảng ta đều học qua ở đây.

Pinang bây giờ thuộc quyền cai-trị của người Anh. Kể là một nơi thương-phụ thì kém không bằng Singapore, phố phường không có đông đúc dộn-dịp, sinh-hoạt không có sầm-uất phồn-thịnh bằng. Nhưng kể là một chỗ đô-hội thì cũng là một chốn đô-hội to, mà lại có một cái vẻ phong thú riêng khác với Singapore. Singapore là chỗ làm lung, Pinang là chỗ nghỉ-ngơi. Đi ra ngoài mấy phố buôn-bán, toàn là những nhà ở riêng của các phú-thương người Anh người Khách, cũng làm theo một lối « biệt thự » như ở Singapore, nhà giữa, vườn cây chung-quanh, nhưng rộng-rãi mát-mẻ hơn nhiều. Vườn nào cũng đặt đường chạy quanh cho ô-tô đi được. Có nhiều cái vườn rộng mênh-mông, trồng toàn cau và dừa, như vô-số những cột thẳng một dòng cau, trên lá xòe như cái tán trông đẹp lắm. Các biệt-thự của người Tàu có những hoành-phi, câu-đối, chậu hoa, ghế đá, dòn sứ, núi giả, nghiêm-nhiên ra cái vẻ phong-lưu của người Đông-Á. Người Tàu lại còn có những

nhà hội-quán riêng, làm theo kiểu các « câu-lạc-bộ » (clubs) của người Anh, có câu-lạc-bộ cho đàn ông, lại có câu-lạc-bộ cho đàn bà. Nói tóm lại, người Tàu ở đây có cái vẻ phong-phú, khác các nơi đô-hội tàu khác, là không ồn-ào dộn-dịp, mà bình-tĩnh êm-dềm, ra cái phong-vị các nhà phú-ông điền chủ nước Anh. Các nhà biệt-thự ở đây có lẽ là của những tay phú-thương ở Singapore, ngoài thì giờ làm việc về đây để hưởng cái thú thanh-nhàn bình-tĩnh.

Đến Pinang có một nơi thắng-cảnh tuyệt-thú, khách du-lịch ai cũng phải đến xem. Đến xem một nơi ấy cũng đáng công tự trên tàu xuống bộ. Nơi ấy là chùa « Cực-lạc » 極樂寺 của người Tàu đặt ở trên một ngọn núi, cảnh-trí đã đẹp, đứng trên núi cao trông xuống dưới biển, kiến-chúc lại công-phu và có một cái vẻ cực-kỳ tráng-lệ. Tự dưới đi lên, xẻ thành đợt đá, như cái thang rộng, càng bước lên càng thấy những lầu những gác, những đình những tạ, chồng-chất lên nhau, trông thật là nguy-nga. Ngoài những nhà thờ Phật, thờ Tồ, thờ các vong-linh lại có những nhà khách, nhà mát, chỗ thưởng-ngoạn phong-cảnh, cùng những núi giả, vườn hoa, cầu bắc ngang, suối nước chảy. Chỗ nào có mảnh đá lớn lại có những chữ đề-vinh của các văn-nhân du-khách đã qua đây. Có mảnh đá đề bốn chữ lớn : 勿忘故國 (Vật vong cố quốc), thật là tỏ được cái chí của những người Hoa-kiều đã xây dựng ra cõi chùa này. Người khách dờn bỏ nước nhà mà đến lập-nghiệp ở đây, may làm nên giàu có, không có quên tổ-quốc, muốn gây nên một nơi cảnh-trí phảng-phất có cái phong-vị nước nhà để làm chỗ du-ngoạn cho di-dưỡng tính-tình. Vào đến cảnh chùa này không thể không cảm-phục nghị-lực khác thường của người

Tàu, đi đến đâu cũng gây nên sự-nghiệp cơ-đỡ lớn, nghiêm-nhiên làm chủ-nhân-ông trong đất nước người ta, mà giữa cái cảnh phong-lưu phú-quí ấy không hề bao giờ quên cố-quốc, đến đâu cũng cố giữ lấy cái phong-vị cũ của nước nhà.

Ở Pinang còn có một cái đền Ấn-độ của người Chá thờ các thần Siva, Vishne. Trong đền cũng không có cái gì lạ, chỉ thấy trên trần cheo lủng-liếng những đèn cốc bằng thủy-tinh nhuộm xanh nhuộm đỏ, và ở giữa thì có một cái buồng kín, đóng đóng sít như một cái chuồng, trong có cái tượng thần bằng vàng.

Đến Pinang, mấy anh em cũng cùng nhau thuê một cái ô-tô đi chơi khắp mọi nơi như ở Singapore. Giá ô-tô đây cũng giống như ở Singapore và tiền tiêu cũng một thứ như Singapore (*Straits Settlements money*), có điều lạ là ô-tô ở đây đều chạy về tay trái cả không chạy tay phải như bên ta, mới trông cũng lạ mắt.

Vừa đi quanh đảo Pinang được một lượt thời vừa đến giờ tàu chạy, vội vàng thuê một cái thuyền của người Chá để chở từ bến ra tàu. Ra đến nơi tàu vừa cất thang, đúng 2 giờ chạy về Colombo.

Quãng đường từ Pinang đến Colombo dài lắm, phải bốn ngày ròng rã mới tới nơi. Bốn ngày đêm nằm trong tàu, bồng bênh giữa bể Ấn-độ-đương, chung quanh không trông thấy mảnh đất nào, thật cũng chồn thay! Ấy là không biết bể có yên-lặng

cho hay không, hay lại sóng gió mà say sóng nữa thời khổ quá!

Trên tàu, thứ tư, 22 Mars

Bể không sóng gió, nước vẫn phẳng-lặng, thế mà tàu lúc-lắc, đầu đảo điên, thế mới lạ. Ở bể Ấn-độ-đương này, tuy trên mặt không có sóng, mà ở dưới có những «sóng đáy» (*lames de fond*), tự dưới đáy bể lên, sức lại càng mạnh lắm, làm cho cái tàu khi thì chổng chênh bên này sang bên kia, khi thì nhẩy chồm đằng sau ra đằng trước, chỉ lung lay có một phía thì còn chịu được, nếu vừa chổng chênh hai bên lại vừa nhẩy chồm hai đầu thì người toành đến đâu cũng phải say sóng. Nhà thuyền-viên có tiếng riêng để chỉ những khi sóng dữ như thế: gọi là *casserole*, nghĩa là tàu nghiêng lộn như cái chảo đương đun nấu ở trên lò. Từ bữa nọ tới nay, tuy chưa hôm nào phải «lâm chảo» như thế, nhưng mà bể có sóng đáy cũng khó chịu lắm; phải nằm luôn trên ghế dài, hề ngồi dậy thời đầu lão đảo ngay, thành ra mấy hôm nay không cầm bút viết được một dòng nào cả.

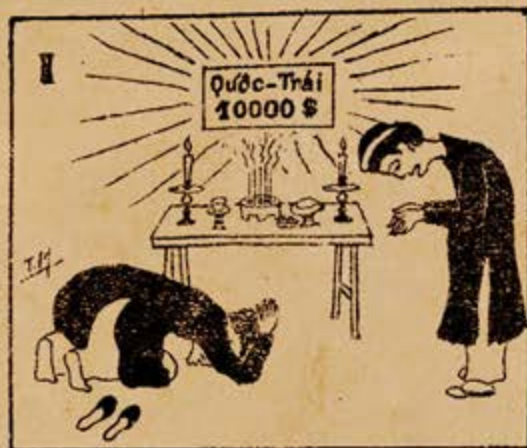
Cứ như thế mà nằm bốn ngày luôn ở trên tàu, lại từ Colombo đến Djibouti, nghe đâu còn phải tám ngày nữa, chà chà! Nghĩ mà dài ghê! Mấy ngày đầu ở trên tàu còn thấy vui rồi sau chán quá!

Ngày nào cũng ăn rồi lại nằm, nằm rồi lại ăn, bể lặng còn có thể đi bánh bộ quanh tàu được, bể sóng thời đành nằm di trên ghế, nói chuyện mãi rồi cũng đến hết chuyện, đọc sách thời nhiều khi vàng đầu không đọc được, cứ thế luôn trong một tháng trời, phỏng có chán không?

(Còn nữa)

PHẠM QUYNH

Sự vui trong cuộc công-thải



Nam mô a di đà phật...!



Mau đóng cửa lại...!



Bao nhiêu tiền ta cũng mua...!



Mau may đồ cho họ đi điện...!



Mô máy mau lên máy...!



Hủy a! nóng quá!

LƯỢC-KHAO VỀ BỘ LUẬT MỚI BẮC-KỲ (1)

II

PHÁP-VIÊN BIÊN-CHẾ

CHƯƠNG THỨ HAI

Nói về thẩm-quyền

Chương này nói về thẩm-quyền. — Thuộc về vấn-đề thẩm-quyền, luật mới hoạch-định một cách rất rõ ràng. Cứ xem các điều khoản trong luật mới thì bây giờ việc hình-sự phải phân biệt với việc dân-sự (đây nói dân-sự là gồm cả thương-sự, vì về việc Nam-án chưa có tòa án thương-sự), khi trước luật cũ không định rõ về vấn-đề này, nên cứ lẫn dân-sự với hình-sự. Việc kiện thuộc về dân-sự, thì phải xử theo dân-luật (bây giờ dân luật chưa làm xong, thì vẫn xử theo phong-tục và luật Gia-long) chỉ xử bồi-thường, bồi-tồn-hại mà thôi; còn việc kiện thuộc về hình-sự thì phải chiếu theo luật Hình, mà nghĩ xử hình phạt. Luật mới lại chỉ-định rõ ràng việc nào được sơ-thẩm, việc nào được chung-thẩm, là sơ-đĩ để giữ cho dân được biết đích xác rằng quan thẩm-phán xử mình có những quyền-hạn thế nào để khỏi bị ức hiếp và những lối lạm-quyền, khỏi bị oan-uổng vì những lòng hiểm ác.

Thuộc về sơ-cấp thì cốt-tử trong luật mới là muốn mở rộng việc giải-hòa. Thủ-tục ấy cũng là nơi trong luật cũ. — Chiếu theo luật cũ thì khi xưa phạm việc tạp-tụng về dân-sự trước phải do người gia-trưởng, kỳ-dịch trong làng, chánh phó tổng điều-đinh, nếu điều-đinh mà không xong, thì đem lên quan phủ quan huyện để

cũng xử giải-hòa, nếu quan phủ quan huyện trần-tình thuyết-lý cho hai bên, mà có một bên không nghe, thì việc dân-sự dời ra việc hình-sự. Lại có khi nguyên bị hai bên có một bên nào không phục-tình, không theo lời phân giải của quan, thì bên đối-thủ tìm cách buộc ngay là phạm luật để cho người ta bị tội. Vậy thì trong luật cũ cốt lấy việc giải-hòa là cái cơ-sở cho tất cả các việc kiện, nhưng chưa hoạch-định phân-minh, nên luật mới cũng trọng về cái tôn-chỉ ấy mà định lại rõ ràng: Thuộc về việc định thẩm-quyền cho quan thẩm-phán sơ-cấp, luật mới định rằng phạm việc dân-sự bao giờ cũng phải thử làm giải-hòa, dầu thuộc về đệ-nhi-cấp cũng thế. Ngoài những việc kiện có tang chứng hiển-nhiên không kể, lại còn nhiều việc kiện chỉ là bớ mớ vu-vơ, gặp những việc ấy quan sơ-cấp cũng có thể xét cái tâm-lý kẻ đi kiện xem thực có việc bị oan bị hại hay là chỉ vì hiềm nhau mà sinh sự, rồi tùy-nghĩ mà giải-hòa cho ổn việc để đỡ phiền đến đệ-nhi-cấp. — Lại nếu giải-hòa mà không làm cho biến-bản giải-hòa có giá-trị, thì không buộc được người đương-sự, bởi thế luật mới lại định rõ ràng biến-bản giải-hòa được tin dùng như công-chánh chứng-thư. Vì dân ta xưa nay vẫn tin rằng phạm giấy phải có lý-dịch nhận thực, phải có dấn-bạ, phải có chữ quan mới có hiệu-lực. — Về cái giá-nghịch thẩm-quyền của tòa sơ-cấp,

(1) Xem Nam-Phong từ kỳ 57.

việc nào được chung-thẩm, việc nào được sơ-thẩm, thì trước khi thảo luật Chánh-phủ đã hỏi ý-kiến các quan đại-thần An-nam rồi mới nhất-định. Luật mới lại định nếu giải-hoà không xong, mà việc kiện thuộc về thẩm-quyền toà đệ-nhi-cấp thì phải làm một tờ biên-bản sơ-lược và làm một tờ bẩm bày tỏ ý-kiến đệ cả lên đệ-nhi-cấp. Vậy thì luật có ý lấy ý-kiến của quan sơ-cấp làm trọng, vì quan sơ-cấp gần người đương-sự, biết rõ tình-trạng, cho nên không những đệ-nhi-cấp cả đệ-tam-cấp cũng có khi phải cần ý-kiến quan sơ-cấp.

Thuộc về đệ-nhi-cấp, cứ chiếu luật Dân-sự-thương-sự tổ-tụng, thì phạm việc ở sơ-cấp bẩm lên, trước hết cũng phải thử làm giải-hoà, như thế thì biết luật mới rất trọng về sự giải-hoà. Xét về phương-diện khác thì toà đệ-nhi-cấp đối với sơ-cấp là toà kháng-cáo; đối với đệ-tam-cấp là toà sơ-thẩm. Toà đệ-nhi-cấp lại vừa là toà xử dân-sự, thương-sự, vừa là toà xử khinh-tội trọng-tội; cùng một toà vừa xử khinh-tội trọng-tội, sánh với luật Đại-Pháp thì không hợp, song toà đệ-nhi-cấp nguyên là thay vào niết-ti, nên vẫn giữ nguyên các quyền-ban định trong luật cũ. Thuộc về cách hoạch-dịch thẩm-quyền, thì luật mới thi-hành từ năm nay trở đi, đối với luật tuyên-bố năm 1917 không thay đổi mấy, chỉ định rõ ra mà thôi. Như luật 1917 nói xử chung-thẩm những việc mà giá-ngạch từ một trăm đồng trở xuống và xử sơ-thẩm những việc quá một trăm đồng. Vậy thì việc kiện giá ngạch đúng một trăm đồng thì xử thế nào? về vấn đề này cũng như về vấn đề có quan-hệ đến thân-phận căn-cước, cách định giá bất-động-sản, cùng là những việc kiện tuy thuộc về thẩm-quyền toà đệ-nhi-cấp mà chưa do toà sơ-cấp giải-hoà thì luật mới định lại một cách rõ ràng hơn luật năm 1917.

Thuộc về đệ-tam-cấp thì cách định thẩm-quyền trước hết chiếu trong sắc-lệnh ngày 31 tháng tám năm 1905. Chiếu trong sắc - lệnh ấy thì nguyên trước phòng thứ tư toà Thượng-thẩm (bây giờ là phòng thứ hai mà tức là toà đệ-tam-cấp) là toà cao nhất trong các toà coi về Nam-án; nhưng vì có kháng-cáo thì phòng ấy mới thụ-lý, thành thử việc nào xử oan về sự lầm lỗi của tư-pháp mà hết hạn kháng-cáo, thì không có cách gì khiếu-oan được nữa, chỉ có thể xin quan Toàn-quyền ân-xá mà thôi. Thế mà xét trong luật Gia-long điều 375 lại có lệ tấu-ván đề truy-sát oan-uổng. Vì lẽ ấy nên luật năm 1917, đã giao cho toà đệ-tam-cấp được quyền tái-thẩm và thủ-tiêu nguyên - án. Nay luật mới lại giao quyền cho đệ tam cấp về việc phán-định thẩm - quyền, di-giao án-vụ và thẩm-phán các thủ-tục đặc-biệt (xem luật Dân-sự thương-sự tổ-tụng, Hình-sự tổ-tụng). Cứ xem như thế thì toà đệ-tam-cấp cũng như bộ Hình, vì rằng các Nam-quan thẩm-nghị ở toà ấy do Triều-đình khám-sai, mà cuối điều 16 Pháp-viện biên-chế lại định rằng: Vặng-sách đệ-ký hằng năm thuộc về việc Nam-án Bắc-kỳ thì do quan Chương-ly giao quan Nam-án thủ-hiến đệ trình lên quan Toàn-quyền và sao riêng một bản gửi vào viện Cơ-mật duyệt tấu.

Vậy luật mới Bắc-kỳ bề ngoài tuy là đổi lại mà bề trong nhiều chỗ vẫn là « do cựu-chương, tuân thành-hiến » vẫn giữ một chủ-nghĩa tôn-quân đối với Triều-đình.

...

Thẩm-quyền (*compétence*) là gì? là quyền của một nha-môn được xét về việc kiện đã thụ-lý, nghĩa là đã chấp-đơn hoặc đã tiếp-trình về việc kiện ấy, nếu nha-môn nào không có quyền xét-xử là vô-thẩm-quyền (*incompétence*). Muốn định thẩm-quyền, thì khi gặp

việc trước hết nên biết người đương-sự thụ-trị theo luật nào, như ở Bắc-kỳ; nếu thụ-trị theo luật Đại-Pháp, thuộc về thẩm-quyền tòa-án Đại-Pháp, nếu thụ-trị theo luật Hoàng-Việt thì thuộc về thẩm-quyền tòa Nam-án. Thứ phải biết đến việc kiện ấy thuộc về sơ-cấp, đệ-nhi-cấp hay là đệ-tam-cấp; sau lại phải biết trong các tòa sơ-cấp đệ-nhi-cấp ấy (không kể đệ-tam-cấp vì chỉ có một tòa ở Hà-nội), thì nên đem việc kiện đến nha-môn sở-tại nào. Muốn giải quyết ba vấn-đề ấy nên chia thẩm-quyền làm ba thứ: 1^o thẩm-quyền tùy theo hạng người; 2^o thẩm-quyền tùy theo việc kiện; 3^o thẩm-quyền tùy theo địa-bạt.

TẾT THỨ I

Thẩm-quyền tùy theo hạng người

Bắc-kỳ ta là đất Bảo-hộ, ngoài người bản-xứ quốc-dân An-nam không kể, lại có người Đại-Pháp, người ngoại-quốc, sau nữa lại có một hạng người như người bố Khách mẹ An-nam ngụ ở đất ta đã lâu, gần lẫn với người ta, bởi thế nên có cái vấn-đề thẩm-quyền phải tùy theo hạng người mà phân-biệt. Một là thuộc về tòa án Đại-Pháp; hai là thuộc về tòa Nam-án. Thuộc về thẩm-quyền tòa Nam-án, điều thứ nhất Pháp-viện-biên-chế nói: « Trong xứ Bắc-kỳ trừ ra thành-phố Hà-nội và Hải-phòng, bao nhiêu quốc-dân An-nam không phải sở-thuộc tòa-án Đại-Pháp, thì thuộc về quyền tư-pháp của các tòa Nam-án. »

« Bất cứ thuộc về dân-sự thương-sự hay là hình-sự về việc kiện mà có một người quốc-dân An-nam đồng-thời quan-thiệp với một sở công Nhà-nước Bảo-hộ, với một người Âu-tây hay là một người coi như hạng người Âu-tây, với một người ngoại-quốc không cứ là người nước nào, với một người thuộc-dân Đại-Pháp và đại-khai những

người bản-xứ không thuộc về quốc-tịch An-nam, thì tòa Nam-án không có quyền thẩm-phán.

« Những trường-hợp ấy chỉ có tòa án Đại-Pháp có quyền thẩm-phán; vậy nên thuộc về hình-sự, nếu tội phạm phát-sinh ra có tổn-hại đến một người trong các hạng người đã nói ở trên, dầu người ấy không có tự đứng làm người nguyên-cáo bị-hại, mà người quốc-dân An-nam can-thiệp về việc kiện, cũng thành ra sở-thuộc tòa án Đại-Pháp.

« Các qui-định về thẩm-quyền trong điều này không can-ngại đến các qui-định ở điều 109 trong sắc-lệnh quan Tổng-thống Đại-Pháp ngày 16 tháng hai năm 1921 ».

Chiếu theo các khoản trong điều thứ 1 kể trên này, thì có thể chia làm một trường-hợp tòa Nam-án có thẩm-quyền, và một trường-hợp tòa Nam-án không có thẩm-quyền :

A) *Trường-hợp tòa Nam-án có thẩm-quyền.* — Muốn cho tòa Nam-án có thẩm-quyền, phải có đủ hai nguyên-lý sau này :

1^o) Là các người đương-sự phải là quốc-dân An-nam; — Quốc-dân An-nam là ai? Trong quyền Hộ-luật giải-nghĩa của ông Lê Văn-Hiến giải rõ rằng: « 1^o Những người bắt câu rằng đẻ ở nước Nam hay ở ngoại-quốc, nhưng cha là người An-nam, hay mẹ là người An-nam mà không biết cha là ai hay là người dân nước nào; 2^o Những người về nơi giống Á-châu đẻ ở nước Nam mà không biết cha mẹ là ai, hay không biết cha mẹ là người nước nào »

2^o) là các người đương-sự chỉ là quốc-dân An-nam với nhau mà phải chính quán ở Bắc-kỳ mà thôi, nghĩa là việc kiện không quan-thiệp đến người dân An-nam ở khác xứ hay là quan-thiệp đến thuộc-dân Đại-Pháp.

(như người Nam-kỳ) hay là quán ở nhượng-địa Đại-Pháp.

B) *Trường-hợp toà Nam-án không thẩm-quyền.*— Gặp những khi như sau này, thì toà Nam-án không có thẩm-quyền :

10) Là trong các người đương-sự tuy là quốc-dân An-nam mà có người quán ở nhượng-địa Đại-Pháp (Hà-nội, Hải-phòng, Tourane) hay là không phải quán ở Bắc-kỳ.

20) Là trong việc kiện tuy có một người quốc-dân An-nam nhưng đồng-thời lại quan-thiệp đến một sở công Nhà-nước Bảo-hộ, hay là quan-thiệp đến một người không phải quốc-dân An-nam (như người Âu-tây, hạng người coi như người Âu-tây, người ngoại-quốc không cứ là người nước nào, người thuộc-dân Đại-Pháp và nhất-thiết những người không thuộc về quốc-tịch An-nam (ví dụ người Khách).

Lược Pháp-viện biên-chế chỉ hạn định như thế, nhưng chiếu các sắc-lệnh của quan Giám-Quốc Đại-Pháp thì lại nên thêm hai trường-hợp này :

10) Một là khi nào về việc kiện dân-sự thương-sự các người đương-sự tình-nguyện xin đem thưa trước tòa án Đại-Pháp hay là khi làm hợp đồng các người đương-sự đã kết-ước theo luật Đại-Pháp. (Sắc-lệnh ngày 16 tháng 2 năm 1921).

20) Hai là những người bản-xứ làm quân lính thuộc về ngạch quân thuộc-địa (*militaires indigènes des troupes coloniales*) mà hiện tại-ngũ (sắc-lệnh ngày 9 tháng ba năm 1909).

Những trường-hợp ấy (không thẩm-quyền) chỉ có tòa án Đại-Pháp có quyền thẩm-phán mà thôi.

TIỆT THỨ II

Thẩm-quyền tùy theo việc kiện

Thẩm-quyền tùy theo việc kiện, nghĩa là phải chiếu luật mà xem việc

kiện thuộc về sơ-cấp đệ-nhi-cấp hay là đệ-tam-cấp.

§ 1 Sơ-cấp

Dân-sự thương-sự

Thuộc về dân-sự thương-sự, quan sơ-cấp vừa là quan thẩm-phán (thẩm-phán đây nói nghĩa hẹp là chiếu luật phân xử được thua) vừa là quan giải-hòa.

A) *Thẩm-phán.* — Điều thứ 6 số 3 Pháp-viện biên-chế định rằng :

« Phạm việc tạp-tụng thuộc về cáo khoản sau này mà giá-ngạch không quá ba mươi đồng bạc, thì tòa sơ-cấp có quyền sơ-thẩm và chung-thẩm :

a) Việc kiện dân-sự thương-sự về động-sản và đối với người ;

b) Việc kiện đòi tiền thuê hay là đòi phần rẽ hoa-lợi và các tạp-tụng khác của người cho thuê và người đứng thuê ;

c) Việc xin tiêu tờ hợp-dồng về sự thuê mướn hay là thuê rẽ, vì tại không trả tiền thuê, phần rẽ, hoặc là tại không đủ ngu-súc, khi-cụ cần dùng, hoặc là tại vật-hạng cho thuê đã bị phá-hoại mất tất cả hay là một phần ;

d) Việc kiện thuộc về khế-trước của chủ đứng thuê và người làm thuê công ngày, công tháng công năm ;

e) Việc kiện xin bồi-tồn-hại về vườn ruộng hoa quả và nông-vụ tại người hay là súc-vật làm ra, nhưng trong sự tổn-hại hoặc có phạm đến luật Hình, thì cũng không cau-ngại đến việc kiện về hình-sự ;

f) Việc kiện của khách đi đường với chủ hàng cơm hay là với người bao-linh vận-tải đường thủy đường bộ.

Điều thứ 7 lại định thêm rằng quan sơ-cấp cũng có quyền sơ-thẩm các chung-thẩm những việc kiện về

khoản lệ-phí đã phát-sinh ra ở trước bản-nha.

Luật lại định rộng: « Nếu ngoài những trường-hợp định trong luật này lại có những trường-hợp khác về dân-sự thương-sự nên giao thẩm-quyền cho quan thẩm-phán sơ-cấp thì sẽ định trong Dân-luật và luật Dân-sự thương-sự-tổ-tụng hay là trong Chỉ-dụ hoặc Pháp-lệnh riêng. »

Vậy muốn biết hết các chức-quyền quan sơ-cấp cần phải xem các luật dẫn ở trên này. Song cứ chiếu hai điều 6 và 7 Ph. V. B. Ch. thì nên biết rằng :

10) Nội các trường-hợp kể ở trên, đều xử sơ-thẩm và chung-thẩm nghĩa là về các trường-hợp ấy phải do quan sơ-cấp xử trước và xử rồi không được kháng-cáo, nhưng cứ như sau này sẽ nói, thì được xin thu-hồi và thủ-tiêu, hay là nếu xử khuyết-tịch, thì được kháng-án (xem luật Dân-sự-thương-sự tổ-tụng).

20) Thuộc về cùng các trường-hợp đã kể ở trên, về điều thứ 6 nếu giá ngạch việc kiện quá ba mươi đồng bạc thì lại thuộc về thẩm-quyền đệ-nhi-cấp. Thuộc về trường-hợp trong điều thứ 7 thì luật không định rõ giá-ngạch, vậy là ý luật định rằng quá 30 đồng cũng thuộc về quyền toà sơ-cấp, vì lệ-phí phát-sinh ở toà sơ-cấp nào, thì toà sơ-cấp ấy tất phải am-hiểu hơn toà án khác, và lệ-phí thường xử luôn với việc kiện, luật định cho sơ-cấp xử là muốn cho mau việc.

...

Cách tính giá-ngạch thẩm-quyền sơ-cấp.

Điều thứ 8 Ph. V. B. Ch. định rằng :

« Khi nào một bên nguyên-cáo kiện một bên bị-cáo mà cùng trong việc kiện có nhiều sự thỉnh-cầu, nếu giá-ngạch những sự thỉnh-cầu ấy cộng lại quá ba

mươi đồng bạc, thì quan thẩm-phán sơ-cấp không có quyền thẩm-phán.

« Khi nào các giá của vật bị-kiện không có nói rõ trong đơn, mà xét ra là quá số ba mươi đồng bạc, thì quan thẩm-phán sơ-cấp phải đệ giao việc ấy lên toà-án có quyền thẩm-phán. »

B) *Giải-hòa*. — Chức-vụ quan sơ-cấp không phải là cốt ở sự thẩm-phán, cốt nhất là phải giải-hòa. Điều thứ 6 định rằng :

« Thuộc về dân-sự thương-sự thì chức-quyền và thẩm-quyền các toà án sơ-cấp định như sau này :

10) Phạm các tổng-lý có trình lên những tờ giải-hòa đã làm theo chương-thứ VI luật Dân-sự-thương-sự-tổ-tụng, thì quan thẩm-phán sơ-cấp phải chiếu nguyên-văn mà đăng-ký vào trong quyển sổ của bản-nha dùng về việc ấy.

Tờ giải-hòa đã đăng-ký rồi, tức là cái công-chánh-chứng-thư của hai bên. Nguyên-bản tờ giải-hòa ấy thì lưu lại trong văn-khố phòng lục-sự.

20) Phạm các đơn kiện do quan thẩm-phán sơ-cấp nhận được, hay là do quan thẩm-phán đệ-nhi-cấp chiếu theo điều thứ 13 mà giao lại, thì quan thẩm-phán sơ-cấp chỉ bằng chức-vụ mình mà thử làm giải hòa trong hạn rất chóng. Nếu giải-hòa xong, thì chiếu theo cách thức chương thứ VI trong luật Dân-sự-tổ-tụng mà làm biên-bản.

Tờ biên-bản ấy đã đăng-bạ rồi tức là cái công-chánh-chứng-thư của hai bên. Một bản sao tờ biên-bản ấy sẽ gửi trình quan chánh-án tòa đệ-nhi-cấp để lưu-nha, có cần đến sẽ chiếu dùng.

Nếu giải-hòa không xong, thì làm một tờ biên-bản sơ-lược do quan thẩm-phán và hai bên ký tên, hoặc vì có gì trở-ngại, mà hai bên không ký tên, cũng phải biên có trở-ngại ấy vào biên-bản.

Gặp trường hợp ấy, nếu việc kiện mà thuộc về quyền sơ-thẩm và chung-thẩm của tòa sơ-cấp, thì phải lưu lấy đơn kiện để mà xét xử, còn tờ biên-bản về sự giải-hòa không xong, cũng đính vào với đơn kiện; nếu việc kiện thuộc về thẩm-quyền tòa đệ-nhi-cấp, thì phải lập tức trình cái đơn kiện có đính theo tờ biên - bản và một tờ bầy bày tỏ ý lên quan chánh-án tòa đệ-nhi-cấp có quyền thẩm-phán.

Việc kiện đã trình bầy rồi, quan thẩm-phán sơ-cấp không can-dự đến nữa, chỉ khi nào tòa đệ-nhi-cấp có mệnh-lệnh gì về việc ấy mới phải thừa-hành mà thôi.

Chiếu như điều thứ 6 dẫn ở trên này thì về sự giải-hòa có thể chia ra làm 3 thủ-tục :

a) Khi nào hai bên đã do tổng lý giải-hòa làm thành biên-bản giải-hòa rồi, thì quan sơ-cấp chỉ phải đăng-bạ để làm cho cái biên-bản ấy thành ra công-chánh-chứng-thư nghĩa là gần có giá-trị như cái án-văn không thể can-hải được nữa.

b) Khi nào quan sơ-cấp tiếp đơn kiện, mà việc kiện thuộc về thẩm-quyền mình thì tiên-tương thử làm giải-hòa; nếu giải-hòa không xong sẽ làm sang sự thẩm-phán.

c) Khi nào quan sơ-cấp tiếp được đơn kiện mà việc kiện thuộc về thẩm-quyền đệ-nhi-cấp, hay là tiếp được đơn kiện của đệ-nhi-cấp giao lại, thì chỉ bằng chức-vụ mình (nghĩa là không đợi người đương-sự thỉnh-cầu) mà thử làm giải-hòa; nếu giải-hòa không xong sẽ chiếu-biên theo chương thứ VI luật D. S. TH. S. T. T.

C) Thừa-hành mệnh-lệnh tòa đệ-nhi-cấp. — Trên kia vừa nói rằng : « Việc kiện đã trình bầy rồi, quan thẩm-phán sơ-cấp không can-dự đến

nữa chỉ khi nào tòa đệ-nhi-cấp có mệnh-lệnh gì về việc ấy mới phải thừa-hành mà thôi ». Đây tức là cùng một ý với điều 31 D. S. H. S. T. T. : Chiếu điều 31 ấy, thì khi nào cần phải làm những phương-pháp thẩm-cử như hỏi chứng, giám-định, lý-khám, v. v. Tòa đệ-nhi-cấp có thể phái-ủy quan phủ, quan huyện sở-tại đứng làm khi chịu làm sự phái-ủy phải làm cẩn-thận và thực nhanh, làm xong phải giao lại giấy phái-ủy và cả các bản chánh tờ cung khai, tờ củ-vấn . . của mình đã chiếu lệ làm ra về sự phái-ủy.

Hình-sự

A) Thẩm-phán. — Luật chỉ giao cho quan sơ-cấp được thẩm - phán (nghĩa là làm án nghĩ tội) về tội vi-cảnh mà thôi. Điều thứ 4 Ph. V. B. Ch. định rằng :

« Quyền xét xử tội vi-cảnh giao cho tòa án sơ-cấp; những án của tòa ấy kết mà không phải án phạt giam, là án chung-thẩm.

Các hình phạt về vi-cảnh là phạt giam từ 1 ngày đến 5 ngày, phạt bạc từ 0\$20 đến 6\$00. Luật Hình dạy rằng cũng có thứ tội phạm chỉ nên ughĩ phạt giam, hay là phạt bạc, cũng có thứ tội phạm nên nghĩ cả hai. (D. 323 luật hình) Luật không nhất-định cách thì hình như thế là để tùy quan thẩm-phán chiếu-tội nặng-nhẹ mà nghĩ phạt, nhưng hễ có tái - phạm thì bao giờ cũng phải xử phạt giam (Điều 46 luật Hình). Chiếu điều thứ 4 Ph. V. B. Ch. thì án vi-cảnh chỉ có xử phạt giam mới có thể bị kháng-cáo, còn ngoại-giả là chung-thẩm. Nhưng án chung-thẩm lại có thể bị thủ-tiêu (xem tiết thứ III luật Hình-sự-tổ-tụng).

B. — Bỏ-trợ cho đệ - nhi - cấp. — Xem luật Hình - sự - tổ - tụng thì biết tường, đây chỉ nên biết rằng quan sơ-cấp vừa có chức-vụ đối với pháp-

luật, vừa có chức-vụ đối với quan chánh-án đệ-nhi-cấp :

A) Chức - vụ đối với pháp-luật. — Điều 11 Hình-sự-tổ-tụng nói : « Khi nào quan thẩm-phán sơ-cấp đã thụ-lý về một việc khinh-tội hoặc trọng-tội, thì quan ấy phải lập-tức báo-tri với quan Chánh-thẩm - phán tòa án tỉnh ; và bằng chức-vụ mình mà lập-tức cứu-vấn để cho biết quả có trọng-tội hoặc khinh-tội ; và lập tức thu lấy các chứng-cứ có ích để cho phát ra sự thật. Gặp trường-hợp có án nhân-mạng thì quan thẩm-phán sơ-cấp phải lập-tức đi đến chỗ phạm-tội đốc-sức bảo-đồn cái cảnh-trang chỗ phạm-tội, không cho di-dịch phải để y-nguyên cho đến khi chiếu luật khám-nghiệm xong ; trừ khi nào có người bị-thương còn sống, cần phải cấp - cứu thì khác.

Công-việc làm xong, quan thẩm-phán sơ-cấp phải làm một tờ bẩm nói kỹ càng thuật cái kết-quả về sự cứu-vấn và khám-nghiệm mà đệ-trình lên quan chánh-thẩm-phán tòa án tỉnh.

B) Chức vụ đối với quan chánh án đệ-nhi-cấp. — Luật Hình-sự-tổ-tụng dạy rằng, quan chánh-án đệ-nhi-cấp là quan thẩm-cứu về việc khinh-tội và trọng-tội, có thể phải-ủy quan sơ-cấp để làm tất cả các công việc thẩm-cứu có ích. Quan sơ-cấp đã chịu phải-ủy phải chiếu luật mà làm y như là quan đệ-nhi-cấp tự làm. Chỉ quan đệ-nhi-cấp mệnh-lệnh việc gì thì làm việc ấy, chứ không có quyền được thẩm-phán về việc khinh-tội trọng-tội ; việc ấy là thuộc về quyền của đệ-nhi-cấp. Quan sơ-cấp chịu phải-ủy đã làm xong công việc rồi thì đệ cả giấy-má trả lại đệ-nhi-cấp.

§ II Đệ-nhi-cấp

Toà đệ-nhi-cấp vừa làm công việc thẩm-phán, vừa làm công việc thẩm-cứu.

A) THẨM-PHÁN

I Chung-thẩm

1^o Các việc kiện như điều thứ 6 đã kể ở trên mà giá-ngạch quá ba mươi đồng bạc và không tới một trăm đồng bạc ;

2^o Các việc kiện về bất-dộng-sản mà của tư-bản hay là bất-dộng-sản trị giá không quá ba mươi đồng bạc ;

3^o Các việc kháng-cáo án toà sơ-cấp kết-ngĩ về tội vi-cảnh.

II Sơ-thẩm

1^o Tất cả các việc kiện đã kể ở trên thuộc về khoản thứ 1 mà giá-ngạch tới một trăm đồng bạc và trên một trăm đồng bạc ; thuộc về khoản thứ 2, mà giá-ngạch quá ba mươi đồng bạc ;

2^o Các việc kiện mà không thể định được giá-ngạch ;

3^o Các việc kiện không có giá-ngạch là bao nhiêu, mà phải có án nghĩ về thẩm-quyền ; hoặc về vấn-đề tử-tự ;

4^o Các việc kiện mà có quan-hệ đến thân-phận và căn-cước của người ;

5^o Các khinh-tội về trừng-trị ;

6^o Các trọng-tội.

Vậy thì : 1^o về Việc động-sản hề giá-ngạch không quá 30 đồng thì phải giao lại sơ-cấp. 2^o Về án sơ-thẩm thì được kháng-cáo trước đệ-tam-cấp. — Còn các án của đệ-nhi-cấp chung-thẩm thì thuộc về dân-sự thương-sự có thể bị thu-bồi và thủ-tiêu, thuộc về hình sự cơ thể bị thủ-tiêu.

Luật lại định rằng : « Nếu ngoại những trường-hợp định trong luật này lại còn những trường - hợp khác nên giao thẩm-quyền cho toà đệ-nhi-cấp thì sẽ định trong Dân-luật, luật

Dân-sự-thương-sự-tổ-tụng, luật Hình-sự-tổ-tụng hay là trong Chỉ-dụ hoặc Pháp-lệnh riêng. »

B) THẨM-CỬU

Công-việc thẩm-cửu về khinh - tội trọng-tội là thuộc về quyền tòa đệ-nhi-cấp. Chính quan chánh-án đệ-nhi-cấp là quan thẩm-cửu (juge d'instruction) mà có quyền phái-ủy rất rộng, bởi vậy nên có thể phái-ủy quan bồi-thẩm, quan trợ-thẩm, nếu có quan-án thì phái-ủy quan án hay là quan sơ-cấp. Nhưng vô luận trường-hợp nào bao giờ quan chánh-án cũng phải giữ quyền đốc-biên và chịu trách-nhiệm, về việc thẩm-cửu xong thì hoặc làm mệnh-lệnh miễn-tổ hoặc làm mệnh-lệnh đề-nghĩ (xem luật Hình-sự tổ-tụng, tiết III).

§ III Tòa đệ-tam-cấp

Tòa đệ-tam-cấp có những quyền thẩm-phán sau này :

1^o Xét-xử những việc kháng-cáo án sơ-thẩm của các tòa đệ-nhi-cấp ;

2^o Xét-xử những việc xin thủ-tiên án chung-thẩm của các tòa sơ-cấp và đệ-nhi-cấp ;

3^o Xét-xử những việc xin tái-thẩm chiếu như thể-thức trong luật Hình-sự tổ-tụng đã định ;

4^o Xét-xử những việc phán-dịnh thẩm-quyền di-giao án-vụ và những thủ-tục đặc-biệt khác của dân-luật, luật Dân-sự-thương-sự-tổ-tụng Hình-sự-tổ-tụng hay là Chỉ-dụ và Pháp-lệnh riêng giao cho tòa ấy được quyền thẩm-phán.

5^o chung-thẩm về những khi các quan thẩm - phán, quan bồi - thẩm, quan trợ-thẩm trong các tòa Nam-án Bắc-kỳ, can phạm khinh-tội trọng-tội.

6^o thẩm-dịnh về những việc cáo-tí

và hồi-tí quan-hệ đến quan thẩm-phán tòa đệ-nhi và đệ-tam-cấp .

TIẾT THỨ III

Thẩm-quyền tùy theo địa-hạt

Các việc tổ-tụng nói ở tiết trên, việc nào thuộc về thẩm-quyền sơ-cấp, việc nào về đệ-nhi-cấp, việc nào về đệ-tam-cấp, là phải *nhất-định* không di-dịch được. Nhưng tòa đệ-tam-cấp chỉ có một, tòa đệ - nhị - cấp, sơ-cấp thì có nhiều, phải xem thuộc về tòa đệ-nhi-cấp nào hay là tòa sơ-cấp nào, định thẩm-quyền về phương-diện ấy tức là định thẩm-quyền tùy theo địa-hạt.

A. — Hình-sự

Pháp-viện-biên-chế **đ**ều thứ 20 nói: « Thuộc về Hình-sự, tòa-án có quyền thẩm-phán là tòa-án sở-tại chỗ trọng-tội khinh-tội hay là tội vi-cảnh đã phát-sinh, trừ cái đặc-lệ về thẩm-quyền định ở điều trên thì khác ».

Luật Hoàng-Việt định như thế thì giản hơn luật Đại-Pháp : Bất-cứ người phạm quán ở đâu hay là bắt được người phạm ở đâu chỉ lấy chỗ người ấy phạm-tội mà định thẩm-quyền, vì luật Hoàng-Việt lấy lẽ rằng chỉ có tòa-sở-tại là tiện làm việc thẩm-cử. Vậy thì nếu người phạm về trọng-tội khinh-tội, thì phải đòi đến tòa đệ-nhi-cấp sở-tại chỗ phát-sinh ra trọng-tội khinh-tội ấy; nếu phạm về vi-cảnh thì đòi đến tòa sơ-cấp sở-tại chỗ phát-sinh ra tội vi-cảnh ấy.

B. — Dân-sự thương-sự

Thuộc về dân - sự thương - sự thì điều 22 Ph. V. B. Ch. đã định rõ ràng; đây chỉ tóm lại rằng chiếu điều ấy có thể phân-biệt như sau này :

1^o Nếu vật bị kiện là bất-dộng sản tui thuộc về thẩm - quyền tòa - án sở-tại chỗ bất-dộng-sản ấy.

20 Nếu là động-sản thì thuộc về tòa án sở-tại chỗ trú-quán người bị-cáo.

30 Nếu vừa là động-sản vừa là bất-động-sản thì được tùy chọn chỗ trú-quán người bị-cáo hay là chỗ sở-tại bất-động-sản.

40 Nếu kiện về thừa-kế thì thuộc về tòa án sở-tại chỗ thừa-kế.

50 Nếu hai bên đồng-ý thì thuộc ở tòa nào cũng được.

60 Nếu khi làm khế-trước đã định chỗ trú-quán tam, thì thuộc về tòa án chỗ trú-quá tam ấy.

Đặc-lệ

Luật Pháp-viện-biên-chế điều 22 lại định một trường-hợp đặc-biệt là thuộc về dân-sự thương-sự, mà người nguyên-cáo hay là người bị-cáo lại chính là quan thẩm-phán An-nam thì phải theo lệ riêng tóm lại như sau này :

A) Nếu việc kiện thuộc về sơ-cấp thì đem thưa ở đệ-nhất-cấp.

B) Nếu việc kiện thuộc về đệ-nhi-cấp, thì cũng do đệ-nhi-cấp xử, nhưng phải chọn quan bồi-thẩm khác thay.

C) Nếu việc thuộc về đệ-tam-cấp, thì cũng do tòa ấy xử nhưng phải chọn quan An-nam khác thay.

CHƯƠNG THỨ BA

Nói về lệ chấp-hành riêng

Chấp-hành là một thủ-tục phải cần đến sau khi án đã xử xong : việc kiện đã xử rồi, nếu người thua kiện bằng lòng tuân án chịu làm các khoản bị-nghĩ thì không cần gì phải thủ-tục nghĩa là không cần phải theo thể-lệ nào, quí hồ người được kiện cùng người thua kiện điều-định với nhau thể nào xong thì thôi ; song nhiều khi người

thua kiện cố-ý liệu không chịu thừa-hành các khoản bị-nghĩ cho nên luật phải đặt ra thủ-tục chấp-hành để có thể bắt người thua kiện phải làm nghĩa-vụ hoặc theo cách sai-áp (tục thường gọi là tịch-ký) tài sản ; hoặc theo cách cầu-thúc thân-thể, (tục thường gọi là bỏ tù nợ). Đáng lẽ ra chương này tiếp vào luật Dân-sự-tổ-tụng mới phải, song đây là thủ-tục thông-dụng riêng cho những án các tòa Nam-án Trung-kỳ đem chấp-hành ở Bắc-kỳ và những án các tòa Nam-án Bắc-kỳ đem chấp-hành trong nhượng-địa Đại-Pháp, chứ không phải thông-dụng cho những án các tòa Nam-án Bắc-kỳ chấp-hành ngay ở Bắc-kỳ, nên chỉ nhà làm luật xếp ngay vào cuối luật Pháp-viện-biên-chế để xem cho tiện. Luật mới là chỉ thi hành cho trong xứ Bắc-kỳ mà lại định rằng những án các tòa Nam-án Trung-kỳ được đem chấp-hành ở Bắc-kỳ là sao ? là vì lẽ rằng Trung-kỳ với Bắc-kỳ cùng là đất của nước Nam mà lại cùng là thuộc về quyền Bảo-hộ, và hai xứ tuy luật lệ nhiều chỗ không giống nhau, song việc tư-pháp đều là vâng quyền Đại-Nam Hoàng-đế, còn về cách thức chấp-hành, vì cách tổ-tụng các nha-môn Trung-kỳ Bắc-kỳ khác nhau, mà chấp-hành ở Bắc-kỳ thì tất-nhiên phải theo thể lệ trong luật Bắc-kỳ. — Thuộc về những án các tòa Nam-án Bắc-kỳ đem chấp-hành trong nhượng-địa Đại-Pháp, thì đáng lẽ chiếu điều 546 luật Dân-sự-tổ-tụng Đại-Pháp, thì những án của các tòa Nam-án phải do tòa-án Đại-Pháp xét lại về tinh-lý việc kiện rồi mới chuẩn cho chấp-hành (vì chiếu riêng điều này tòa Nam-án đối với tòa án Đại-Pháp cũng coi như tòa án ngoại-quốc). Song Bắc-kỳ là đất Bảo-hộ, gia-dĩ luật Bắc-kỳ lại do Chánh-phủ Bảo-hộ tuyên-bố thi-hành, vậy thì tòa Nam-án đối với tòa án Đại-Pháp cũng có một địa-vị riêng, mà án của các tòa Nam-án xử ra không cần phải

do tòa án Đại-pháp thẩm lại về tính-lý, nhưng chỉ xét về hình-thức cho đích-thực rồi phê chuẩn cho chấp-hành mà thôi.

TIẾT THỨ I

Lệ chấp-hành ở Bắc-kỳ, những án các tòa Nam-án Bắc-kỳ

Phạm án của tòa Nam-án Trung-kỳ muốn đem chấp-hành ở trong đất Bảo-hộ Bắc-kỳ thì trước hết do quan Khâm-sứ Trung-kỳ, từ một bản trích-lục cái án ấy cho quan Bắc-kỳ Nam-án-thủ-hiến, đề quan thủ-hiến sức truyền-giao cho quan chánh-án sở-tại chỗ chấp-hành. Quan chánh-án đệ-nhi-cấp ấy sẽ chiếu luật Bắc-kỳ mà phê chuẩn cho chấp-hành. Thẻ-lệ chấp-hành đều chiếu luật Bắc-kỳ.

TIẾT THỨ II

Lệ chấp-hành trong nhượng-địa Đại-Pháp những án các tòa Nam-án Bắc-kỳ

Phạm án của tòa Nam-án Bắc-kỳ muốn đem chấp-hành ở nhượng-địa Đại-Pháp ở Trung-Bắc lương-kỳ, thì nên phân-biệt thuộc về dân-sự thương-sự hay là thuộc về hình-sự mà định thủ-tục.

Nếu án xử về dân-sự thương-sự thì người đương-sự xin lãnh một bản

toàn-sao án ấy có chữ phê « chuẩn cho chấp-hành », rồi đem theo các giấy căn-cước mà trình bản toàn-sao ấy tên quan chánh-án tòa án Đại-Pháp sở-tại chỗ chấp-hành. Quan chánh-án ấy không cần phải xét lại việc kiện trong án, chỉ xét giấy-má đích-thực là phê chuẩn cho chấp-hành. Thẻ-lệ chấp-hành thì theo thủ-tục thường dùng quán-hạt tòa án Đại-Pháp.

Nếu án xử về hình-sự thì lại phải phân biệt :

A) khi nào trong án có nghĩ-xử bồi-thường cho một người đương-sự bị-bại, thì người đương-sự ấy xin lãnh một bản toàn-sao có chữ phê chuẩn cho chấp-hành, rồi cũng xin chiếu-biên theo như thủ-tục đã nói ở trên.

B) khi nào án xử về hình-sự mà chỉ do quan chức có quyền đem một bản trích-lục có chữ phê chuẩn cho chấp-hành gửi lên quan Bắc-kỳ Nam-án thủ-hiến đề sức truyền-giao cho quan chánh-án tòa án Đại-Pháp sở-tại chỗ chấp-hành. Thẻ-lệ chấp-hành cũng chiếu thủ-tục thường dùng trong quán-hạt tòa án Đại-Pháp; gặp trường-hợp nào có phạt bạc hoặc tịch-một tài-sản, thì số tiền sở-đắc sẽ sung vào công-khố Bảo-hộ Bắc-kỳ.

(Còn nữa)

H. T.

VĂN-HỌC-SỬ NƯỚC TÀU (1)

III

CHƯƠNG THỨ V

Lối văn biên-lệ thành-lập

TIẾT THỨ 29

Thời-kỳ thành-lập thứ nhất. — Là vào đời Đông-Tấn. Lúc mới thời Lưu Côn 劉琨 chấn-hưng lối văn biên-lệ ấy ở phía Bắc, như hai bài biểu khuyên đem quân đi Bắc-phạt, lời lẽ nói thẳng mà khí-phách hùng-kinh. Sau đến Quách-Phác 郭璞 lại truyền-bá lối này ở phương Nam, như bài *Giang-hú* 江賦 và hai bài phú *Nam-giao*, thời rộng rãi thâm-trầm mỹ-lệ, có thể sánh với văn họ Ban họ Mã, hãy còn có cái di-ý văn chương đời Hán đời Ngụy. Còn như Cát Hồng 葛洪 thời lễ-danh với Cảnh-Thuần, mà sở-trường về văn thí-dụ, như thiê: *Bác-dụ* thiên *Quảng-thi* thời lại càng xuy-hư mãi lối văn liên-châu của Sĩ Hành. Tuy rằng lời văn về không bằng Sĩ Hành, song mô-phỏng cái thể-cách thời thực giống như hết, đó thực là hết sức cố-xúy lối văn biên-lệ. Tuy vậy, đời Đông-Tấn từ họ Quách họ Cát trở về sau, văn-học suy dần, nguyên-nhân vì có ba điều như sau này :

1^o Là *quan-hệ về quốc-thể.* — Từ khi loạn Ngũ-hồ dậy lên, nhà Tấn phải dời sang phương đông, kẻ sĩ-phu ở đất trung-nguyên, phải lắm nỗi lưu-ly thiên-tử. Và lại thêm các nước phiên-chấn lộng quyền, đem lòng ghen ghét, như là Tôn Sước bị Hoàn Ôn ghen ghét; Tạ Hổn phải Lưu Dụ không dung, sĩ-khi bị ức-toả, cho nên văn-học cũng chịu cái ảnh-hưởng ấy mà kém dần đi.

2^o là *quan-hệ về học-thuật.* — Tôn Hưng-Công 孫興公 thường nói rằng: Văn từ-phú như bài *Tam-đô*, *Lưỡng-kinh* thực là cố-xúy lối văn lục-kinh; từ đời nhà Tấn dời sang bên đông, không có giảng-bản gì đến kinh-học nữa, kẻ sĩ-phu chỉ đua nhau chuyên-tâm về lối học Lão Trang. Trước kia cha con Ngụy-Võ vẫn sùng-thượng văn-từ, đến Hà Yển 何晏, Vương Bật 王弼 thời chỉ đua nhau chuộng thói thanh-dâm, cùng-cứu cái lý-thuyết Lão Trang, càng về phần hư-không quá thời hai đến phần trước-thực, cho nên những lời văn từ-kinh diêm-lệ không thấy truyền ở đời nữa.

3^o là *quan-hệ về tập-thương.* — Từ đời Ngụy Võ chuộng thói phóng-dật, kinh-rẻ lễ-giáo, cho nên Trúc-lâm bảy kẻ hiền cũng đều nổi tiếng phóng-dật, kẻ sĩ-phu chỉ quen thói vui sướng, còn ai chịu khổ-tâm nghiên-nghâm đến mười năm như Trương Hoàn làm ra bài phú *Lưỡng-kinh*, Tả-Tư làm ra bài phú *Tam-đô* nữa. Và lại từ đời Tam-quốc trở về sau, Phật-giáo càng ngày càng thịnh, kẻ sĩ-phu đời Đông-Tấn, lại thích theo chơi với chư-tăng, cũng là cái thói quen phóng-dãng hư-vô, không trách được về đàng văn-học phải chịu thiệt thời là phải lắm.

Thế cho nên từ họ Quách họ Cát trở về sau, những người văn-học chỉ có mấy người như là: Dữu Siễn 庾阐, Tào Ti 曹毗, Tôn Sước 孫綽, Hứa Tuấn 許詢, Viên Hoảng 袁宏, song văn-từ khi-cực cũng nhỏ-nhen yếu-ớt, tư-văn gặp cái ách-vận, từ đời Hán trở lại chưa có khi nào thế bao giờ.

(1) Dịch theo q quyền *Trung-quốc văn-học-sử* của ông Vương Mộng Tăng 王夢曾 xem Nam-phong từ số 56

TIẾT THỨ 30

Thời kỳ thành-lập thứ hai. — Là cuối đời Đông-Tấn đến đời Lưu-Tống. Bởi vì từ khi ông Vương Thản-chi 王坦之 làm ra bài luận *Phế Trang* là bỏ lối văn Trang-tử; Phạm Ninh 范甯 làm ra bài luận kể tội Vương Bật, Hà Yến sùng-thượng văn-học Lão-tử, từ bấy giờ sĩ-khí mới dần dần chấn-hưng lên được, mà văn-phong cũng biến đổi dần đi. Từ năm Nghĩa-hi đời Tấn trở về sau, có Ân Trọng-Văn 殷仲文 mới biến-cải cái lối văn yếu-ớt của Hứa Tuân, Tôn Sước đi; Tạ Hồn 謝混 thời biến bỏ cái lối văn thái-huyền đi. Song Trọng Văn thời chưa trừ hết cái văn-khí hư-huyền, mà văn Tạ Hồn thời mới nổi tiếng là thanh-tản mà thôi; đến Đào Uyên-minh làm ra bài *Qui-khứ từ-lai*, lời văn thật là siêu-nhiên vật-ngoại, không thể lấy phong khí mà cầu-thục được. Đến đời Lưu Tống, họ Nhan họ Tạ nổi lên, đều khen là bậc văn-chương đệ-nhất ở đất Giang-tả, văn Tạ Linh-Vận 謝靈運 thời hứng-thú phiêu-dật, văn Nhan Diên-Niên 顏延年 thời thể-tài mật-thiết, xem những bài văn hai ông ấy như những câu biên-lệ từ-lục lại công-chỉnh hơn văn Quách Phác, Cát Hồng, mà dựng nên cốt-cách, khu-khiến từ khí, vẫn còn có cái di-y lối văn đời Hán, đời Ngụy. Đến như văn Pháo-Minh-Viên 鮑明遠 thời luẩn-dật, văn Tạ Huệ-Liên 謝惠連 thời thanh-tú, mỗi người hay mỗi vẻ; còn như Viên Thục 袁淑 làm ra bài luận *Ngũ-lổ禦虜*, thời thực là chạm vẽ lăm vẽ văn hoa vậy.

TIẾT THỨ 31

Thể văn Ký-sự biến đổi. — Tự Vương Bao, Phùng Diễn xướng ra lối văn biên-ngẫu, mới biến mất thể văn luận-lý đi, song các nhà văn-nhân làm sử, vẫn hãy còn

theo cái lối cũ của họ Tả họ Mã. Người đời Tấn thấy Gia Cát-Lương không đặt sử-quan là một sự khuyết-diêm, vì thế mới nhiều nhà làm sử, từ đời Tấn trở về sau hơn mười nhà làm sách sử Hậu-Hán, Phạm Việp 范曄 đời Tống biên lập thành 99 quyển; người đời sau lại lấy 30 quyển Hán-thư-chí của Tư-Mã Bưu 司馬彪 đời Tấn phụ-thêm vào thành ra bản Hán-sử bấy giờ. Nhưng mà sách của họ Phạm làm ra cũng chưa được hoàn-toàn, chép truyện thời nhất lấy của các sách người trước, như là chép nhất những truyện Ngổ Ngao, Công-Tôn Thuật, Mã-Viên, Ban Cố chép ra, chỉ có những bài tựa bài luận bài tán là tự tay Phạm Việp làm ra, song hay làm lối văn bài-ngẫu, không thể kể xiết được, mà thời ấy những thể văn ký-sự và văn bi-ký hành-trạng, thường hay làm những câu biên-từ lệ-lục đối nhau, bởi vì phong-khí đã khai dần, nên những nhà làm văn cũng theo cái ảnh-hưởng như vậy.

TIẾT THỨ 32

Thời-kỳ thành-lập thứ ba. — Là về đời Tề, Lương, Trần, thể-cách văn biên-ngẫu đến đây mới thực là hoàn-toàn thành-lập bởi có ba cái nguyên-nhân như sau này:

1^o là *quan-hệ về vận-hội.* — Tự đời Vương Bao, Phùng Diễn trở về sau, trải hơn sáu trăm năm, lúc mới còn làm những lối văn bài-diễn, sau mới làm đối nhau thành ra thể biên-lệ, song vẫn thúc-phộc về cốt-cách lối văn đời Hán, nên chưa thành-lập lên được. Tự đời Đông-Tấn, Nam-Tống trở về sau, văn cốt-cách suy dần đi, đời Tề đời Lương mới chuyên-công sửa chương gọt câu làm lời văn cho đẹp-đẽ, lối văn biên-lệ mới có cái vẻ hoàn bị từ bấy giờ.

2^o Là vì có công nghiên-cứn. — Từ khi lối văn biên-ngẫu thịnh-hành, học

giả mỗi người chuộng một tôn-phái ; Chiêu-minh 昭明 thái-tử nước Lương mới lập ra thư-lầu để tuyển các bài văn tự đời Chu, Hán trở lại, làm ra bộ *văn - tuyển* 30 quyển. Lưu Hiệp 劉勰 lại cũng dò xét u-ân, làm ra bộ *văn-tâm-diên-long* 文心雕龍 50 thiên, và lập ra chuẩn đích nói rõ phép tắc ra cho kẻ học-giả biết lấy điều hay bỏ điều dở mà làm cho rõ công-chính, từ bấy giờ văn-cách mới thành.

30 là quan-hệ về học thuật — Tự cuối đời Hán, Tôn Viêm 孫炎 mới phát-minh ra lối học *thiết-âm* để đánh vần chữ. Ngụy Lý Đăng 魏李登 lại lấy *Cung Thương ngũ-thanh* để hiệp vần chữ, làm ra một quyển sách *thanh-loại*. Tề Chu Ngung 齊周顒 lại lấy *bình thượng kỳ nhập* bốn thanh để thay vào *ngũ-thanh*, làm ra *thiết-vận* bốn âm để chính-định tiếng chữ cho đúng. Đến năm Vĩnh-minh đời nhà Tề lại có Thẩm Ước 沈約, Tạ Diêu 謝朓, Vương Dung 王融 mới xướng lên cái thuyết bảo làm văn-chương phải giảng-cứu *lữ-thanh* cho đúng, vì thế những âm-liệt trong câu văn mới hoà-hài vậy.

仕昉, Thẩm Ước. Đến đời Lương, Trần thời lại suy tôn Dữu Tín 庾信, Từ Lăng 徐陵, song Nhâm thời sở-trường về bút-pháp kỹ-thuật; mà Thẩm thời sở-trường về văn; Dữu thời sở-trường về văn bi-chí; mà Từ thời sở-trường về văn thư-ký; xét những bài văn làm ra đều là trang-sức chương-cú, hoà-hiệp cung-thương, tổng-hợp cả các lối văn tiền-hiền, mà lao-lung cả bách - đại. Thử đến các vua đời nhà Lương chế-lắc ra bài văn nào đều công-xảo cả. Lại như bài văn bia của Vương Kiệm 王儉 thời có vẻ tuấn-tú; bài phú của Giang Yêm 江淹 thời có ý chiều-miền; bài luật của Lưu Tuấn 劉峻 thời lời văn

siêu-việt nghe rất hay; bài minh của Lục Thủy 陸倕 thời nền văn nghiêm-chỉnh tự-nhiên lắm; đó đều đáng là một tay văn-chương trước-tác, đời sau dẫu có khinh-bĩ, nhưng không thể bỏ đi được.

TIẾT THƠ 33

Cách thơ biến đổi. -- Buổi đầu đời Đông-lấn văn thơ Việt-Thạch thời thanh-tạo cổ-kích; Cảnh-Thuần thời ủy-uỷen đẹp dễ; người ta vẫn khen là sánh cùng với Tả Tư có thể đứng chia ba chân vạc được. Từ đó trở về sau thời vắng hẳn đi không thấy nảy ra một nhà tác-giả rào cả. Đến cuối đời Tấn có ông Đào Tiềm 陶潛 nổi lên, hùng-thú tự-nhiên, dung-duong thanh-dạm, nên lời văn cũng siêu-việt ra ngoài phong-khí, cho nên thơ từ đời Tấn đời Tống trở về sau, thực là mở đường trước cho các thi-nhân đời nhà Đường. Xem như thơ họ Tạ họ Nhan thời điều-trắc, mà thơ Linh - Vận lại riêng một lối tự - nhiên, sánh với thơ Đào Tiềm thời tuy rằng khác điệu mà cũng đều là công-xảo. Cùng với họ Tạ tên-danh lại có Pháo Tam-quân (Pháo Chiếu), thể thơ ngũ-ngôn của họ Pháo thời điều-khắc giống họ Tạ, nhưng tự-nhiên thể - hông bằng; còn như điệu *hạc-phủ* 又 lại hay sáng-thủy ra lắm điệu tân-kỳ như những bài *Hành-lộ-nam*, *Mai-hoa-lạc*, thực là khai mào điệu văn *hạc-phủ* cho Lý Bạch đời Đường vậy. Nay dịch bài *Mai-hoa-lạc* như sau này :

Trước sân bao nhiêu cây,

Thương thay hoa mai này !

Hỏi hoa sao khéo nhĩ ?

Trong đám sương mù mà cũng trước
hoa sau quả đua tươi !

Gió xuân lay động ngày xuân vắng,

Thương hoa linh-lạc theo gió bay,

Vóc sương tro đó nào ai hay ?

Ngoài Tạ Pháo ra lại có Tạ Trang 謝莊, Tạ Chiêm 謝瞻, Tạ Huệ-Liên 謝惠連, văn thơ cũng thanh-nhã. người ta đem sánh với Tạ Linh-Vận 謝靈運. Tạ-Điều 謝眺, gọi là ba họ Tạ. Song văn Tạ Linh-Vận thời trăm-trọng, văn Tạ-Điều thời lưu-lợi, mỗi người sở-đắc có khác nhau. Về lại thơ ba họ Tạ đã có giọng Đường-thi, mà thơ Tạ-Điều lại sáng-thủy ra lối thơ tứ-tuyệt đời Đường, như bài *Ngọc-giai-oán* 玉階怨 rằng :

Trước đèn rủ rèm châu,
Thấp thoáng con đom-đóm.
Canh khuya may áo là,
Nhớ chàng tình ngao ngán !

Đương thời ấy có Thẩm Ân-hầu 沈隱侯 đã đề-xướng ra cái thuyết làm thơ văn phải hiệp bốn thanh, kiêng tám bệnh, cho nên thanh-luật đã hơi hòa-hải, song thơ Tạ-Điều vẫn còn có vẻ cổ-phong. Các vua đời Lương ngấm vịnh cũng nhiều, song chẳng qua là lối văn diễm-tinh mà thôi. Thẩm Ước, Giang Yêm cũng đã biết lập-dị ; Hà Tồn, Dữu Kiền-Ngô thời đã làm ra lối thơ Đường-luật, song khi-cối hảy còn yếu-ớt lắm. Đến Kiền-Ngô Tử-Tin lại càng lưu-truyền lối luật-thi, như bài *Yên-ca-hành* 歌行 thời là khai mào ra lối thất-ngôn cổ-thi đời Đường ; bài *Ô-đạ-đề* 烏夜啼 thời khai mào ra lối thất-ngôn luật-thi đời Đường ; lại còn họa bài thơ ngôn-chỉ của Vĩnh-phong điện-hạ mười bài, và 25 bài vịnh bức bình-phong vẽ, thời chính là lối Đường-thi ngũ-gôn-luật ; ba bài thơ họa của ông Pháp-sư và một bài vịnh nghe hát thời chính là lối thơ ngũ-ngôn tuyệt-cử đời Đường. Song chỉ có khác là nhiều câu gian-sáp. Trần Âm-Khanh, Từ Lăng không vì được bằng thơ Giang Yêm, Thẩm Ước ; Giang Tông thời khéo làm lối thơ diễm-thể, song xem ra cách-diệu thời

cũng như thơ Tử-Sơn. Đó là thơ đời Nam-bắc-triều muốn biến lối thơ đời Hán đời Ngụy mà chữa thành, dở lờ dở ngựa, tỉ với văn còn kém xa.

TIẾT THƯ 34

Dại khái văn-học đời Bắc-triều. — Tự đời Tấn suy đi rồi, đất trung-nguyên chia đôi, tự phía sông Hà sông Hoài trở về bắc, năm rợ Hồ quấy rối, văn-chương sự-nghiệp không được bằng phía nam, đại-thể phạm đến ba lần biến : Tự hai đời Triệu đến năm Thái-hòa đời Ngụy là thời-kỳ thứ nhất, khi bấy giờ binh-quá rối bời, không có người đề-xướng đến sự văn học, song những bài chương-tán phù-hịch hảy còn sán-nhiên khả quan, còn đến như văn thề-xét được sự-vật miêu-tả, được tính-tình, thời vắng hẳn không thấy có. Tự năm Thái-hòa đến đời Bắc-Tề là thời-kỳ thứ hai, vua Hiếu-Văn thiên-đồ ở đất Lạc, chủ-ý về việc văn-từ, lúc ấy có Viên-Phiên 袁翻 là người có văn-tài nhã-đam, Thường Cảnh 常景 là người có văn-từ trăm-uất. Phiên có làm bài phú *Tư-qui* ; Cảnh có làm bài tán *Tứ-hiến*, từ đấy lối văn thề-vật duyên-tình mới chấn-khởi lên. Rồi lại đến Ôn Tử-Thăng 溫子昇, Hinh Thiệu 邢詵, Ngụy Thu 魏收 nối theo lên sau, ba người đều là tay văn-chương giỏi thời ấy, song Hà-bắc thời văn chất-thực, mà Giang-lã thời văn thanh-tạo đẹp-đẽ, hai đảng khác nhau hẳn. Đời Bắc-Chu là thời-kỳ thứ ba, Vũ-Văn Thái tin dùng Tô Sước 蘇綽, mà văn Tô Sước lại xuất-nhập như lối văn đời Chu Tần và văn họ Giả họ Đồng. Thái ghét lối văn thời bấy giờ phù-bạc, nhân khi ấy có việc tế nhà miếu, bèn sai Tô Sước phỏng thề văn kinh Thượng-thư làm ra bài văn đại-cáo. Từ bấy giờ văn-pháp các nhà đều y theo thề văn ấy cả, cho nên những bài chiếu bài cáo của đời vua Mẫn-đế,

Minh-đế, Võ-đế, đều là một lối văn cò-phác nguyên-thâm cả.

Chương thứ VI

Lối văn biên-lệ chuyển-biến ra lối cò-văn.

Tiết thứ 35

Thời kỳ thứ nhất. — Là từ đời Tùy đến đời Đường Vũ - hậu. Đời Tùy nối sau đời nhà Chu, cho nên lối văn Vương Bao, Dữu Tồn hãy còn thịnh lắm. Duy vua Văn - đế không ưa lối văn ấy, năm Khai-hoàng thứ tư, vua hạ tờ chiếu hạn định: Phàm những công-tư văn-hàn phải làm theo lối thực-lục, nếu ai làm biền-lậu mà dùng lời hoa-mĩ, thời giao cho quan hữu-tư trị-tội. Bởi thế trong khoảng năm Khai-hoàng, Nhân thọ, khắp cả kẻ trên người dưới hễ làm văn đều bỏ lối điêu-trác mà làm lối phác-thực, thể-cách dấu theo lối cũ đời Lương, Trần; mà văn-từ thời chuộng theo nếp cũ đời Tần, Hán, kỳ-thực không ra văn kim không ra văn cò, biến ra thành lối tục-văn, những nhà làm văn thời ấy cũng chịu cái ảnh-hưởng ấy, như là Lư Tư-Đạo làm ra bài luận *Lao-sinh*; Lý Đức-Lâm làm ra bài luận *Thiên-mệnh*; và bài tụng *Thần-tước* của Hứa Thiện-Tâm; bài bia *Lão-thị* của Tiết Đạo-Hành, những thể văn ấy đều phàm-tục mà lời văn quê-khếch thiên-cận. Cho nên đến đời Đường đẩy lên lại tức-theo lối văn Từ Dữu. Lúc mới thời có Ngưu Thệ-Nam, Lý Bạch-Dược, Sầm Văn-Bản, Hứa Kinh-Tôn, hãy còn theo lối văn đời Tùy. Đến vua Đường Văn-Hoàng chấn-hưng văn-nghe, theo bất-chước lối văn Từ Dữu, chuộng làm ra lời văn tiêm-tế đẹp đẽ, phong-khi nó biến-cải đi dần khi đó mới có tứ-kiệt nổi lên là: Vương Bột 王勃, Dương Quỳnh 楊炯, Lư Chiếu-Lân 盧照鄰, Lạc Tân-Vương 駱賓王.

bốn người đều văn-chương hoa-diễm, dấu-mĩ tranh-kỳ, thực là thời-dại cực-thịnh. Song văn Vương-Bột thời rộng rãi phóng-khoảng; văn-từ họ Dương thời trôi chảy như nước sông, họ Dương tự xấu hổ rằng phải chịu kém ở sau họ Vương, mà ở trước họ Lư thời lại lấy làm thẹn. Nhưng xét ra thì văn Dương Quỳnh không địch bằng Vương Bột được, mà tài-khi họ Lư, họ Lạc cũng không bằng được họ Vương họ Dương. Sau tứ-kiệt lại có tứ-hữu là Thôi Dung 崔融, Lý Kiệu 李嶠, Tô Vị-dạo 蘇味 道, Đỗ Thâm-ngôn 杜審言, Vị-Đạo là người dờ-mò ba phải, Thâm Ngôn là người ngông - cuồng phóng - dãn, cho nên làm văn cũng giống như người. Thôi Dung làm bài-văn viếng Vũ-hậu rất cao-kỳ diễm-lệ; văn Lý Kiệu thời tài-từ dư - dự. Nói tóm lại văn đời Đường đều theo khuôn-phép văn Từ Dữu, mà cội rễ từ lối Văn-tuyên mà ra.

Tiết thứ 36

Sử học lại thịnh lên. — Từ đời Tấn, Ngụy trở về sau, sử-học suy kém, *Sử-chi* của Trần Thọ thời giản-lược quá; Thâm Ước làm ra sách *Tổng-thư phủ-thụy liệt-chi* thời sai cả thể-tài; Ngụy Thu làm ra sách *Ngụy-thư*, thời ai cũng chê là uế-sử, lại còn những sử đời Tấn, đời Lương, đời Trần đều không được hoàn - thiện cả. Đến đời Đường đẩy lên, sử-học mới lại chấn-hưng, thời ấy có nhà đại-sử - học là Lệnh-Hồ 令狐 và Đức Phần 德 芬, bởi thế đời Đường làm sử mới không cầu-thả, mà vượt hơn cả đời trước đời sau. Khoảng năm Vũ-đức, Đức Phần bắt đầu sưu-xin sửa-linh-sử ngũ-dại là: Lương, Trần, Tề, Chu, Tùy, mãi đến năm Trinh-quán sửa lại mới xong, tổng-tài việc tu-sử ấy là Đức Phần, Ngụy Trưng. Năm thứ 18 lại sai Phòng Huyền Linh 房玄齡 sửa sách *Tấn-sử*, thể-chế cũng theo Đức Phần quyết-

định, Lý Diên-Tạ làm Nam-Bắc-sử cũng chất - chính theo sách ấy. Sách Nam-Bắc-sử thực là một bộ giai-lác, tự sách ấy thì-hàn thời những sách sử đời Tống, Tề, Lương, Trần, Ngụy, Chu Tùy mới ít người xem đến nữa. Bởi sách Nam-bắc-sử là sáng-thủy ra tự thái-sư là cha Diên-Tạ, trải đã lâu năm, cóp nhặt các sách sử mà bỏ những nhời rườm rà, chỉ chuyên chép sự thực, cái quát cả mà cực-kỳ giản-dị minh-bạch dễ xem. Các sách sử đều có sở-trường cả, như sách sử đời Lương, Trần là tự Diên-Tạ-Liêm 姚思廉 nhân bản sử của cha làm từ đời Trần chữa xong, bèn biên-tập các sử mà chỉnh-định lại, cho nên sách ấy cũng giản-nghiêm hoàn-thiện. Sử Bắc-tề thời tàn-khuyết lắm, người đời sau mới cóp-nhặt Bắc-sử để bổ thêm vào, cho nên chân-tướng không được thực. Sách Chu-sử thời giản-kính, mà Tùy-sử thời lại càng nghiêm-lĩnh, so với sử Nam-Bắc-triều cũng có sinh-sắc hơn. Sách Thập-chí 十志 là tự năm Trinh-quân thứ 15, vua Thái-tôn sai Vu Tri-Ninh 于志寧, Lý Thuần-Phong 李淳風 Vi-An-Nhân 韋安仁, Lý Diên-Tạ 李延壽 soạn ra, thống-quát cả năm đời, trên có thể nổi được họ Ban họ Mã. Còn như làm ra sách Tấn-sử ấy đều là tay văn-học đời bấy giờ, nhưng hay hốt-lược mất đi nhiều chi tiết, mà chỉ nhặt lấy những lời tiền-thuyết, song thời ấy cũng khéo là kỹ-càng bác-hợp. Lý Thuần-Phong làm ra sách Thiên-vũ-chí, Luật-lịch-chí, Ngũ-hành-chí cũng tinh-vi kỹ-càng. Còn như sách sử-luận thời bắt chước làm thể diễm lệ, cũng là duyên-tập những sách sử của họ Pạ n, họ Tồn n; vì phong - khí thời ấy tập - thượng như thế vậy. Ôn Đại-Nhã làm ra sách Đại - Đường sáng-nghiệp khởi-cư chú, Lưu Cơ-Tri làm sách sử-thống, cũng còn làm theo lối văn biên-lệ cả. Chỉ có hai bộ sử đời Trần, Lương, là nguyên tự thân-phụ Tư Liêm sáng-thủy trước-thuật

ra, dụng thuần lối tản-văn chớ không chuộng lối văn biên ngẫu; Tư Liêm bèn làm nối theo mà tự-thuật nghị-luận thêm vào, lối văn chép cổ-kinh khúc-chiết rõ ràng, thực là một thể lịch-sử ít có.

TIẾT THỨ 37

Thơ cổ-thể, kim thể thành lập. - Đến đầu đời nhà Đường, cách thơ cổ-thể, kim-thể mới rõ, như bài thơ Tích-tích-diêm của Tiết Đạo-Hành đời nhà Tùy; bài thơ du Lương thành của Lưu Tư-Đạo, đều là theo thể thơ của Từ-Dữu, đó tức là khai mào ra lối thơ bài-luật kim-thể. Bài hành Am-mã Trường-thành và thiên Bạch-mã của Tùy Dương-đế; bài thơ Sơn-trai độc tọa và những bài tặng Tiết Bà-Châu của Dương Tổ, những thể thơ ấy khi phách rộng xa, đều có cái di-y thơ đời Ngụy đời Tấn, Đường-thi cổ-thể là nguyên-nguyên ra từ đó. Lúc đầu đời Đường thời thơ của Ngũ Thế-Nam, Ngụy Trưng đều có phong-cốt rất giỏi. Đến như thơ của bốn họ: Vương, Dương, Lưu, Lạc, thời lại từ-hoa mỹ-lệ, hãy còn khí vị thơ đời Trần đời Tùy, nhưng phong-cách đã hơi chỉnh-khiết. Song những bài thơ ấy sao không gọi là cổ-thi mà lại cho là bài-luật, là vì từ bài Tích-tích-diêm hãy còn chưa hợp điệu thơ cho lắm, đến đây điệu thơ mới chỉnh-khiết, đọc nghe mới êm ái. Thể Tích-tích-diêm trước kia không hạn-định dài ngắn; đến thể bài-luật mới dụng 6 vần, sau lại dụng đến 8 vần, cũng là thói thoảng mà thôi. Đời ấy lại theo lối thơ của Từ-Dữu mà làm cho chỉnh-đốn, gọi là thơ ngũ - ngôn - luật, như bài thơ chơi chùa Tam-giác của Vương-Bột dịch như sau này:

Đá tía dài Dao trước,
Rêu xanh gác Hạnh sau.
Lá chen đường núi hẹp,
Hoa rủ ngõ đàn sâu.

Màn Cọ người tăng đó,
Chùa Thông tiếng phạm đâu ?
Dầu thơm nay gặp gỡ,
Vui thú dễ quên sầu.

Bài thơ trên này xem ra từ-y tiêm-lệ, dầu đã khai cách-diệu luật-thi, nhưng phong-khi vẫn còn chưa thoát cái dư-tập đời Trần, đời Tùy, cho đến những bài cổ-thi ngũ-ngôn thất-ngôn cũng đều thế cả. Tự khi Trần Tử-Ngang 陳子昂 nổi họ Ngu họ Ngụy mà khởi lên, theo lối văn đời Tấn đời Ngụy, tẩy-trừ bỏ lối văn yếu ớt đời Tề đời Lương, Tử-Ngang có vịnh thơ cảm-ngộ 38 bài, phong-cốt tuấn-tiểu, phảng-phất như lối thơ năm Hoảng-sơ đời Ngụy, dịch như sau này :

Sườn bề gió hiu-hiu,
Tiêu điều cảnh-sắc thu.
Bên đình ai đó tá ?
Ngao-ngán nguyệt trên lầu !
Ta đây khách U-Yên,
Mặc sức di ngao-du.
Thở-than kẻ công-lại !
Hân-học dứa tư-cừ !
Tránh nạn ra Hải-thượng,
Chơi qua đất biên-châu.
Cổ-hương mấy nghìn dặm,
Sông Liêu sương mịt-mù.
Tức tối giặc Hồ đến.
Vì vua giết kẻ thù.
Ai ngờ bảy mươi trận,
Đầu bạc chưa phong-hầu

Xem như bài đó thời biết thể-cách lối cổ-thi đời Đường mới thành-lập từ đó, còn như luật-thi thời khi-kinh lực hùng, nhưng vẫn chưa thật là hợp âm-diệu cả, đến Đỗ Thâm-Ngôn mới làm chonghiêm-chỉnh lại; Thâm Thuyên-Ký 沈佺期, Tống Chi-Vấn 宋之問 nối theo

sau mới sửa cho hiệp sáu luật, vẽ cho thêm năm vẻ, đọc lên là hợp phép, ngâm lên là thành thanh, thử xem như bài thơ của Tống Chi-Vấn khi ở lữ-thứ gặp tiết Hàn-thực, dịch như sau này :

Sốc-nổi khi Hàn-thực,
Buồn-tênh thán mộ-xuân !
Xa xôi người Lạc-ấp,
Ngao-ngán cảnh Giang tân !
Đất Bắc vua minh-chủ,
Trời Nam kẻ trực-thần.
Bán khoán vườn liễu cũ.
Khuya sớm ruột như răn !

Thời bấy giờ có lời khen họ Thâm họ Tống rằng : « *Lý với Tô đua bước, Thâm cung Tống bằng vai* ». Lối thơ thất-ngôn-luật cũng tạo-doan ra tự hai ông ấy, nhưng thơ họ Thâm lại cao-kỳ hoa-mỹ hơn. Xem như bài thơ cổ-y sau này :

Kìa đôi chim yến đậu trên lương,
Vợ trẻ chàng Lư nán diêm-trang
Tiếng gặt hàn-trâm bay lạc-diệp,
Khách buồn chinh-thú cách Liêu-
[duơng.
Sông Long thơ gửi mười tin vắng,
Thành Phụng đêm thu mấy khắc
[trường.
Thơ-thần một mình ai chẳng thấy,
Bóng trắng đầu lại xẽ mảnh tương.

Xem đó thời biết thơ đời Đường đến đó mới thành thể-cách. Từ đời Tấn đời Ngụy trở lại, văn thơ biến-thái trăm vành nghìn vẻ đến đời này mới kết-thúc lại, thời thực bởi công của tứ-kiệt là Trần, Đỗ, Thâm, Tống hết sức chỉnh-dốn lại vậy.

Đóng Châu dịch

CHÍNH-SÁCH ĐẢNG QUÁ-KHÍCH NƯỚC NGA BIÊN ĐỔI

Hiện-tượng tiêu-diệt

Mới rồi các báo ngoại - quốc nói về đảng quá-khích nước Nga đã biến - đổi chính-sách, khiến cho người thế-giới ai nghe thấy tin ấy đều lấy làm ngạc-nhiên mà lại lấy làm mừng, là vì có sao ? Là vì nghe thấy Hội-viện Tiệt-Kha (TcheKa) đã phải bị phế. Nguyên Hội-viện ấy lập ra là cốt làm cái cơ-quan trọng - yếu cho đảng quá - khích, chỉ cốt tâm-nã để trừng-trị những người phản-đối cái chủ-nghĩa quá-khích ; thi-hành cái thủ-đoạn ấy đã bốn năm nay, mà đến nay phải phế hẳn đi. Ta nghe thấy tin ấy nên mới thuật lại diên-mạt đảng quá-khích ra như sau này :

1° Là cái viễn-nhân phát-sinh ra đảng quá-khích. — Nước Nga từ đời Á-lich-sơn (Alexander) thứ hai trở về sau này, chỉ chuyên-dụng cái chính-thể chuyên-chế, (phạm nhất-thiết quyền-lợi trong nước đều về tay nhà quý - phái và nhà tư-bản chiếm hết cả ; quốc-dân thời phải làm than khổ-sở vô cùng, nên mới sinh ra cái đảng Hư-vô. Á - lịch sơn đệ-nhi phải bị-thị (1881), đến đời vua Ni-cô-la (Nicôlas) thứ hai nối ngôi, vẫn giữ theo cái chính-thể chuyên-chế, cho nên quốc-dân đã nhiều lần khởi bạo - động, chính-phủ Nga vẫn lấy làm sợ, hết sức tiêu-trừ, hề thấy người nào cử-động có ý hiềm-nghĩ thời đều bắt giam vào ngục ở Tây-bá-lợi-á, đảng cách-mệnh từ bấy giờ phải thôn-thanh nhẵn-khí, chỉ chực rình một cơ-hội nào để thực-hành cái thủ-đoạn trừ bỏ chính-sách chuyên-chế đi, cái thể nguy-ngập chỉ chực là khởi-động lên, nên mới rồi nhân dịp Âu-châu chiến tranh, đảng quá-khích mới thừa-

cơ khởi lên, đó là cái viễn-nhân phát-sinh ra đảng quá-khích.

2° Là cái cận-nhân phát-sinh ra đảng quá-khích. — Đương hồi năm 1917, nước Nga dự vào chiến-cục bị thua, rối loạn cả trật-tự, quân-lính lìa tan, chính-phủ nước Nga không thể bỗ-cứu được ; còn những đảng quý-phái mà xưa nay vẫn giữ quyền-chính chỉ là mưu lấy tư-lợi ; các quan đại - thần trong các bộ thời không ai nghĩ gì đến nước nhà cả, chỉ bí-mật chực giáng-hòa với nước Đức, để giữ lấy phần lợi riêng cho mình. Than ôi ! Đương lúc chiến-tranh, quốc-dân khổn nạn lắm than, mà không ai nghĩ chi đến cả, chỉ là âm-mưu dua nịnh với nước Đức để giữ phần lợi riêng, ấy bọn thượng-lưu xã-hội nước Nga can dỡ như thế, cho nên nhân-dân nước Nga sinh lòng tức giận, không còn có ý gì khuynh - hướng về chính - phủ nước Nga nữa, dân cùng-cực quá thời phải sinh ra khích-biến, đó là cái cận-nhân phát-sinh ra đảng quá-khích.

3° Là người Đức thừa-cơ lợi-dụng. — Tình-thế nước Nga như thế, người Đức dòm dò biết hết cả nội - dung, mới thi cái thủ-đoạn quỷ-quyệt, xui khiến cho người Nga đảo-qua đánh lẫn nhau, để giảm bớt cái thế - lực các nước đồng-minh. Khi ấy bọn người Do-thái ở trong đảng cách-mệnh nước Nga nhiều người trốn sang ở nước Thụy-diễn, chính-phủ Đức mới sai người sang Thụy-diễn để kết-hợp với bọn người Do-thái, và bày mưu hoạch-kế cho họ, phạm đảng cách-mệnh người Do-thái có yêu-cầu điều gì, thời chính-phủ Đức đều chiều theo cả, để chực mưu lấy lợi, lại cấp tờ chứng-

khoán cho người Do-thái đi lại thông-hành trong nước Đức không ngăn cấm gì cả. Người Do-thái nhân thế mới thừa-khích lên vào nước Nga, đề thông-đồng với những quân phản-bạn nước Nga, làm đầu đảng cho các đảng trong nước Nga, rồi đảo - qua mà đánh chính - phủ Nga, trong vài tháng đánh đổ chính-phủ nước Nga, bèn xưng lên cái chủ-nghĩa quá-khích, tức là cái chủ-nghĩa bần-dân, cho cả nhất-ban hạ-hưu xã - hội đều được giữ chính-quyền, có cái thế-lực vô-hạn. đầu tiên đề-kết ngay cái hòa - ước Đức Nga, cái điều-ước ấy thực làm cho nước Nga mất cả quốc-quyền mà rất là đáng xấu hổ !

4. *Đảng quá - khích hoành-hành.* —

Người Do-thái đã chiếm giữ được quyền-chính nước Nga rồi, bèn ước với dân Nga rồi sẽ mở mang cho dân Nga một cái cực-lạc thế-giới, phạm qui-mô chế-độ trong xã-hội rồi sẽ cải-cách hết cả, trong vài tháng bèn lập ra một chính - phủ chuyên-chế tuyệt-đối, tuyên-bố bảo rằng cái chủ-nghĩa quá-khích có ba điều ích-lợi độc-lập : 1° là điều ích-lợi về chính-trị và xã-hội; 2° là điều ích-lợi về công-thương ; 3° là điều ích-lợi về bọn lao-động. Ích-lợi về chính-trị và xã-hội là trước nhất lập một tòa trung-ương chính-phủ chovững vàng, rồi sửa sang lại chính-trị và chế - độ trong xã - hội làm cho khoáng-trương quyền-lợi ra; ích-lợi về công-thương là làm lợi về đường sinh-sản và đường kinh-tế; ích-lợi về bọn lao-động là làm lợi cho kẻ dung-công; cái cơ-quan quốc-gia đều tổ-chức theo ba điều ích-lợi ấy. Song cái chủ-nghĩa quá-khích đối với đường sản-nghiệp, tức là cái chủ-nghĩa công-đoàn vô-chính-phủ, toàn thuộc về bọn lao - công, cho nên những nơi công - xưởng và những nơi thông-tin, đều phải bọn lao-công họ

chiếm-cứ hết; kết-quả thành ra việc công-xưởng đình-trệ, đường thiết-lộ hỗn-tạp không thể thông-hành được. Vì thế lại theo chủ-nghĩa quốc-gia lập ra chính-thề trung-ương tập-quyền, các nhà sản-nghiệp đều do trung-ương-bộ - chủ - tể. như là đặt ra cơ - khí - nghiệp trung-ương-hộ, đương-mao-nghiệp trung-ương-bộ, tưng-bi-nghiệp trung-ương-bộ, quyền lực bộ trung-ương chia ra như thế, cũng là thuộc về những người đại-biểu ba điều lợi-ích ở trên kia đã nói chiếm-cứ hết cả, rồi thi-hành những cái thủ-đoạn cực thâm-khốc, phạm những nhà qui-tộc và các nhà tư-bản đều bị giết róc thực là kinh-khiếp, chẳng khác gì cái cảnh-tượng khủng-hoang khi nước Pháp đại-cách-mệnh trong năm 1793-1794. Chính-phủ quá-khích lại cho dân được tự-do vào cướp lấy của những nhà tư-bản; tàu thủy xe hỏa, nhân-dân được tự-do đáp-tải không mất tiền, những sự làm ngang ngược như thế không thể kể cho xiết được. Khi ấy trong nước Nga chỗ nào cũng lập ra đảng - phái, không thể ngăn cấm được, như là lập ra chính-phủ Hải-xâm-uy, chính-phủ Hoắc - nhĩ ngôa-đặc, chính-phủ Tát-ma-lạp v v, đó đều chia ra đảng - phái không có hợp-nhất với nhau. Đến ngày 7 tháng 12 năm 1917, mới lập lên hội-viện Tiết-kha. hội - viện ấy lập ra chỉ cốt trừng - trị những người phản-đối cái chủ-nghĩa quá-khích, từ bấy giờ người Nga phải nín hơi ngậm tiếng, cúi đầu mà chịu cho đảng quá-khích họ giẫy vò.

5o *Cải trạng-huống nước Nga trong khi đảng quá-khích hoành-hành.* — Đảng quá-khích hoành-hành như thế, mà người Nga không ai dám kháng-cự lại, là vì đảng ấy có đám Hồng-quân, bọn quân ấy chính phủ quá-khích rất là ưu-đãi cho nên họ đều tận-lực, cứ như tin thành Bách-lâm

ngày ấy truyền rằng cái trận đánh ở Mạc-tư-khoa, vì việc biến-chính, có hai quan nước Nga bắt những người hiêm-nghi đem tổng-giam đến 128.000 người, giết chết đến hơn 90 người, xem thể thời biết là cực-kỳ tàn-nhẫn. Báo Tân-công-luận của Nhật-bản có đăng lục cái bài của người Hà-lan là Áo - đình dịch-khắc khi ở kinh-dô nước Nga, nói rằng: « Chính-phủ quá-khinh dẫu cho nhân-dân được tự-do, mà kỳ thực là dân Nga vẫn khốn-khở ở dưới quyền tàn-bạo chữa khi nào có thể bao giờ, nào là hồi-lộ công-hành, tỉ với thời còn đế-chính lại càng thậm-tệ, bao nhiêu sự-nghiệp giàu sang hạnh-phúc của nhân-dân đều vì tay bọn quá-khích làm tàn hại hết cả, thành Thánh bĩ-đắc-bảo, và thành Mạc-tư-khoa đều tàn phá tiêu-diệu, gặp những người Nga đi đường đều thấy nét mặt lư-khư xanh xao, trông thấy mà thương, đó đều vì gặp buổi đói kém không có đủ ăn nên mới đến nỗi thế. Những chỗ đầu phố thường thấy yết cái biển gỗ có mấy chữ rằng: « Những nhà trung-sản không cứ nhà nào, đều cho dân được chiêm lượ ». Vì thế những quân vô-lại nghèo đói, đều sẵn vào nhà có cửa, hạn cho người chủ nhà trong hai giờ đồng hồ phải bỏ nhà mà ra chân tay không, không được chuyên-vận gì ra cả, quá hai giờ đồng-hồ thời nhà ấy liền đổi ra chủ mới, như những việc ấy ngày nào cũng thấy có, cho nên ai cũng phải khiếp sợ ta có mục-kích thấy một nhà có và người bị đuổi ra ngoài đường, vợ vẫn kêu khóc, không biết kêu ai giúp đỡ cho được. Đến như những nơi kiến-chức dinh tòa, có chỗ họ phong-bế lại, có chỗ họ pha-hoại đi không

còn gì cả; xem như bộ câu-lạc của vạn-quốc hải-viên, cũng bị phá hủy đi; còn như nhà Ngân-hàng công-thương, các sở làm mỏ, cũng phải đình-chỉ hết cả, tiền bạc trong nhà Ngân-hàng đều bị thu lấy hết, những nhà dân-gian có tiền gửi đều mất hết sạch; các thức ăn khuyết-phạp rất là đắt đỏ, giá những thức cần dùng như sau này:

Bánh mì 1 bạng giá 450 lư-bố (1)

Bột mì 1 bạng giá 700 lư-bố

Muối 1 bạng giá 300 lư-bố

Mỡ bò 1 bạng giá 2000 lư-bố

Thịt bò 1 bạng giá 720 lư-bố

Thuốc lá 1 bạng giá 5000 lư-bố

Điêm 1 hộp giá 100 lư-bố

Xem đó thì biết cái tình-cảnh nước Nga đói kém, lúc mới có đặt ra ủy-viên đề phân-phối lương-lực cho dân, chia quốc-dân làm bốn hạng: 1o là hạng khỏe mạnh làm lụng được tức là hạng « *eli te* », trong hạng ấy phần nhiều là đũa tù-phạm, cứ như lệ thờ trong một ngày hạng ấy được cấp bánh-mì 200 ngôa (2); 2o là hạng chỉ làm được việc nhẹ, trong một ngày được 100 ngôa; 3o là hạng đi làm việc tầm-thường một ngày được 50 ngôa; 4o tức là hạng trung-sản, một ngày được 25 ngôa. Lúc ấy đã định-hạn ra như thế, nhưng cũng không ăn thua đâu cả, có kẻ dẫu có đơn lĩnh lương thực mà vẫn không lĩnh được phải chịu nhịn đói. Còn cái pháp-lệnh hạn-chế người đi đường rất là nghiêm-khắc, hễ ai muốn đi đâu phải có tờ thông-hành, nếu không có thể lực lĩnh được, thời không dám ra khỏi cửa, đi dọc đường lại kiểm xét hai ba lần. Vì thế dân Nga dẫu phải chịu làm than mà không trốn đi đâu được,

(1) Mỗi một lư-bố ước độ một đồng bạc.

(2) Mỗi một ngôa ước độ một gramme.

chỉ đành chịu thoi thóp chờ đợi chết mà thôi. Đến như việc tài-phản ở tòa Cảnh-sát thời có cũng như không. Từ bị giam-cầm nhiều quá, từ xưa đến nay không có thể bao giờ. Ta thường đi qua trước cửa một nhà giam-cục, thấy vô-số đàn bà con gái khóc-lóc thê thảm chỉ đứng chực chờ hỏi thăm tin chồng con sống hay chết đường nào những người mắc oan bị giam ấy cũng chẳng thấy đem ra hỏi xét bao giờ. người nhà cũng chẳng biết là mắc phải tội gì. Những nhà vào bậc trung-sản khi ấy cũng chẳng biết làm nghề nghiệp gì để sinh-hoạt; phỏng như người nào có độ hai ba nghìn bạc thời đã cho là nhà có tư bản, thời hình như là phạm phải trọng-tội không thể tránh khỏi cái cảnh khổ nạn được, đáng quá-khích nếu gặp người hơi có tư bản trung-sản ấy. thời hay vu cho tội bất-pháp. cho nên những nhà tư-bản không ai dám đi đâu cả. Than ôi! dân Nga bị khổn khổ về ngược-chính như thế, mà những bọn đồng-chí với đảng quá-khích lại còn làm ra những nhật-trình diễn-thuyết để cổ-dộng thêm cho cái chính-sách tàn-ngược ấy: bọn ấy lại bày ra hội kiêu-vũ, hội âm-nhạc, và đến những nơi nhà hát nhà chiếu ảnh để vui chơi, chớ chẳng nghĩ gì đến đường sinh-thoạt của quốc-dân cả. Xem như tình trạng ấy thời cái chủ-nghĩa quá khích đầu là bảo rằng mở mang cái đường sinh-hoạt cho hạng người hạ-cấp; song nếu mà thực-hành cái chủ-nghĩa ấy ra, thời không những rằng hạng người hạ-ấp phải xô cả xuống giếng, mà đến cả toàn quốc-dân nước Nga cũng không còn gì nữa ».

Trên đó là lời của Áo-dinh-dịch-khắc khi ở kinh-đô Nga mà thuật lại những sự mục-kích như vậy. Ta khi ở Hoành-tân

đi caoi phố, cũng gặp những người đàn bà nước Nga bị-nạn sang ở đây, ước đến vài trăm người, chừng cũng là người thương-lưu nhân-vật cả, thế mà xem ra tình-trạng lưu-ly khổn khổ lắm, trông thấy mà thương! Thảm nhất là trông thấy một người con gái Nga ở Hoành-tân đem rô khoai đi bán, thế nào lại gặp một bọn đàn bà Nga đói khát quá chừng, xô nhau đến cướp hết cả khoai mà ăn, người con gái Nga không làm thế nào được chỉ kêu trời mà thôi. Ta lại có khi qua công-viên Hoàng-phố ở Thượng-hải gặp vài ba người Nga trông bộ tiêu-tụy lắm, mình mặc cái áo dài bẩn thỉu, đầu đội cái mũ nát, thường thường đến khi tối đón người để xin tiền, tưởng chừng bọn đó cũng là bọn thương-lưu người Nga, gặp phải khi cùng túng mới đến nỗi thế. Ôi! « *Thương-thay chiếc bóng bơ vơ, giang-hồ biết gửi mệnh nhờ tay ai? Kinh-hồn xiết nỗi rụng rời, bao giờ cho thoát ra ngoài tiệt-lụi?* » Câu đó thực là tả được cái tình - trạng dân Nga khổn đốn.

6° Dân Nga phản đối lại chính-phủ quá-khích. — Năm 1921 hồi 2 giờ chiều mồng 1 tháng 3, có một bọn hải-quân và một bọn công-đảng tụ họp ở trước tòa quan trung-ương chính-vụ-cục-trưởng Kale meire, giở cách bạo-dộng để phản-đối chính-phủ quá-khích, đến ngày 18 phải chính-phủ đàn-áp mới tan. đảng quá-khích bảo sự khởi-loạn ấy là do âm-mưu bọn đế-đảng cũ, mà có nước Pháp viện-trợ. Đảng khởi-loạn ấy cãi lại rằng: « Nay mà sinh ra sự khởi-loạn là bởi tại quốc-dân (Nga) phải khổ - sở về cái hình-chính tàn-ngược trong ba năm nay ». Xem như những thư - tín gửi đưa cho nhau, lắm bức thư khăng-khái tức-giận về đảng quá-khích thời biết, như có bức thư nói rằng: « Các anh ơi! Các anh mắc lừa đảng quá-khích rồi, các anh xưa

này muốn chức thay bọn quý - phái, mà làm chủ-nhân-ông nước ta (Nga). bây giờ có được không ? Đảng quá-khích nó đã vơ vét hết cả của cải các anh, bao nhiêu cơ-nghiệp các anh đều vào trong tay đảng quá - khích là bọn chỉ mộng-tưởng cái chủ-nghĩa cộng-sản hết cả rồi. Thế mà các anh phải chịu trông thấy, khóa mồm khóa miệng lại mà chịu phép theo đảng quá-khích, chẳng khổ lắm ư. hỡi các anh tỉnh dậy ! » Ấy tình cảnh nước Nga đương lúc ấy, không kỳ là nơi thành-thị nơi lương-thôn, chỗ nào cũng nghe thấy tiếng ta thán sầu-khổ, lúc chúng ta nghe thấy thời cái lương - tâm ai cũng sốt-sắng mà tức giận thay !

70 *Chính-sách đảng quá-khích biến-dổi.*— Từ khi dân Nga bạo-dộng lần ấy rất là nguy-hiểm cho đảng quá-khích : vì bọn bạo-dộng ấy phần nhiều là bọn nông-dân ở về miền bờ bề Hắc-hải, bọn ấy vốn theo nghề nông nên thấu hết cái cảnh khổ-sở của nông-gia, chính-phủ quá-khích dẫu đã bắt giết đảng bạo - động ấy rất nhiều, song về sau cũng tỉnh-ngộ lại mà nghĩ rằng đối với bọn bạo-dộng ấy phải nên chiều ý đôi chút để cho khỏi sự rối loạn về sau, vì thế mới mua ơn thưởng cho bọn công-đảng, lại trả cho tiền công, tháng chín năm 1920, là lần đầu đảng quá-khích phải chịu lui với đảng dân bạo-dộng : rồi lại cho tư - nhân được thuê các xưởng cơ-khí, và được tự-do bán các súc-vật, lại được tự kết-lập thương - ước với người ngoại-quốc ; những tờ nhật-báo cơ - quan của đảng quá-khích đã đăng rằng ai đi xe lửa tàu thủy đều phải trả tiền cước-phí ; lại lập ra một nhà Ngân - hàng thuộc về nhà nước ; ấy từ đó đã gần khôi - phục lại chính-thể như xưa. Đầu đảng chính-phủ quá-khích là Lenine có diễn thuyết cái

chủ-nghĩa thuộc về tư-sản, xem ra đã có ý hối, đại - lược nói như sau này : « Những cái cách giao dịch của ta thi-hành ra, cũng không thấy có hiệu-quả gì ; mà các việc ta chịu nhường đã khôi phục lại như thế, cũng còn chưa được hoàn-toàn ; và lại cái cách giao dịch của công-chúng xưa nay vẫn có qui-cử mà vẫn có công-hiệu nhiều, ta đã biết rằng ta lầm lỗi rồi, ta vẫn muốn khôi-phục lại cái cơ-sở kinh-tế đời trước, thời mới khôi được những sự quân-bách bấy giờ, những sự họa-loạn hiện ra nhân-tiền đó, thời trước nhất phải khôi-phục lại cái chính-thể cũ thời mới yên đi được, ta đối với các công-đảng ta cũng chẳng giấu gì, nếu không chỉnh đốn lại thời không bao giờ yên ổn được ».

Nhật-báo nước Nga lại có nói một đoạn rằng : « Kinh-đô Thánh-bỉ-đắc-bảo và Mạc-tư-khoa mấy năm nay bỏ đời tệ không kịp chỉnh lý, nay không cứ các hiệu thương-diểm nào đều nên sửa sang lại, trong cửa hàng không cứ là có những hàng hóa gì, đều nên khai-trương ra buôn bán như thường, để chấn-chỉnh lại đường kinh-tế. Xem đó thời đủ chứng rằng đã bỏ cái chủ-nghĩa và cái tư-tưởng quá-khích đi rồi, mà lại thi hành cái chính-sách mới, chính-sách mới là gì, chẳng qua chỉ khôi-phục lại cái chính-sách cũ mà thôi. Lại thay ! người ta hay có ý tự-phụ quá, hay tự đắc là thông-minh tài giỏi quá, tưởng rằng muốn thay đổi chuyển biến thế nào cũng được, đến khi cùng-đó không biết gỡ phép gì được, mới biết rằng mình là sai lầm, mới tin rằng cố-nhân là thánh, mới nhận ra rằng những điều chương chế-độ của đời trước là hay, phải tuân theo giữ lấy thời mới trường-trị cứu-an được ».

80 *Cận trạng Lenine và kỳ hội nghị ở thành Gê-nê.* — Mới đây được tin rằng

Lenine mắc phải bệnh tê dại, bệnh thể mỗi ngày một nặng, đã mất cả cái thể-lực trong yếu về đường chính-trị rồi, chỉ làm một anh phượng trò trong đảng cách-mệnh mà thôi.

Hiện bây giờ ở bề trong nước Nga đã đình bỏ cái chính-sách thâm-độc của hội viện Tcheka mà khôi-phục lại cả chính-sách cựu-thời; đối với ngoài thời đối hẳn cái phương trâm từ trước đi chỉ giờ tay để cầu cứu với các nước Âu Mi, nghe đã dự vào hội-ng nghị ở thành Gènes. Hội nghị thành Gènes là tự nước Anh nước Pháp xướng khởi lên trước là quan-sát các phương - diện để lập cho vững cái nền kinh-tế các nước Âu-châu; sau là cùng với các nước để mưu liên-lạc đường kinh-tế với nước Nga, mà khôi phục lại cái cảnh-tượng các nước Âu-châu như đời trước, mới độ ngày mồng 10 tháng 4 năm nay đã khai kỳ hội-ng nghị ở thành Gènes nước Ý đại-lý. Hội-ng nghị này là sau khi hội-ng nghị Hoa-thịnh-đốn rất có phần quan trọng về việc hội-ng nghị chính-trị trong thế-giới.

90 *Kết luận*. — Than ôi! Đảng quá-khích chỉ mớ máng cái chủ-nghĩa viển vông, tự đắc làm càn, đến nỗi thấy chất như núi, máu chảy thành sông, kết-cục như thế, là lẽ tất-nhiên, không thể tránh được. Xét trong lịch-sử xưa nay những người làm cái chủ-nghĩa cộng sản mà phải thất-bại ấy cũng nhiều, như là Vương Mãng bắt đem cả ruộng trong nước gọi là *Vương-diên*, kẻ nô-tỳ cho làm *tư-thuộc*, không được đem mua bán đổi trác cho nhau; nhà nào đình nam không đầy tám suất mà có ruộng quá một tỉnh, thời phải đem chia cho họ hàng làng xóm; những cách quân-sản như thế thi hành chưa được bao lâu, thời đã nổi lên loạn Xích mi. Vương An-Thạch đời nhà Tống cũng thi-hành tân-pháp, nào

là đo ruộng để chia đều công-dịch cho dân; lại bãi cả phép thông-thương chỉ chuyên giao cho quan bán lấy; đặt ra những phép quân-thâu, phép thanh-miêu, khiến cho trong nước oán - thán, rồi cũng phải bãi. Nay Lenine cũng mộng-tưởng cái chủ-nghĩa cộng-sản ấy đều đảo-hành nghịch-thi như thế cả, nên phải thất-bại ngay cùng chẳng lạ gì. Đại-phàm người ta xử việc đời không cứ rằng làm việc gì, phải cho có cái lý - tưởng rõ ràng, phải cho có cái phương-trâm nhất định, mà đối với trật-tự trong xã-hội, đừng để cho đến trái-loạn, thời mới mong thành-công được. Huống chi là muốn biến-đổi cả chính-trị trong một nước, là cái vấn - đề rất quan-trọng; mà chỉ lấy cái ý-kiến riêng một mình, chỉ giữ lấy quyền - lợi riêng một đảng, cứ việc làm bừa đi, không suy xét gì cả thì tài nào khỏi thất-bại được.

Các nước trong thế-giới cũng nhiều nước cách-mệnh về chính-trị; song chỉ có nước Pháp cách-mệnh là có chủ-nghĩa có mục-dịch, vì quốc-dân mà gỡ mối đảo - huyền, vì nhân - đạo mà mở đường chánh-dáng, cho nên hay lấy công-lý mà thắng được, lập nên được chính-phủ cộng-hòa, rất có trật-tự, từ bấy đến nay không có sinh ra sự rối loạn gì cả, thực khá làm mô-phạm cách - mệnh cho cả thế-giới. Chớ như nước Nga làm sai đường thời đã thất-bại rồi đó, còn nước Tàu kia là một nước lớn tiếp-giáp với nước Nga, mà vẫn rối-loạn mãi chưa yên; nước Tàu từ khi cách-mệnh đến nay đã hơn 10 năm, mà trật-tự trong nước vẫn rối loạn, vẫn tranh nhau quyền - lợi mãi không thôi, nhân-dân lầm than khổ sở đã đến cực-điểm; thế mà nước Tàu vẫn không biết đường thay đổi đi mà chỉnh đốn lại, vẫn còn mơ mộng hão - huyền, càng

ngày càng thặng-tệ, ta chỉ sợ đến lúc thất-bại rồi thời không thể nào cứu vớt lại được nữa, gương đó cũng chẳng

xa đâu, người Tàu há lại chẳng biết nghĩ đến thế hay sao, ta lấy làm mong lắm!

N. P.

LỊCH-SỬ TRƯỜNG THỂ-DỤC Ở HÀ-NỘI

Thể-dục là một khoa cốt-yếu bổ-ích cả cho phần trí-dục đức-dục trong xã-hội. Nếu thân-thể mà luyện-tập được khoẻ mạnh, thời trí-thức càng được linh-thống, mà đức-hạnh cũng thêm phần cương-ngहि. Bởi vậy nước ta bây giờ phải cần có trường Thể-dục. Ông Nguyễn Qui-Toản khi sang du-học bên Pháp đã học về phương-pháp thể-dục, đã có ý lưu-lâm đến vấn-đề ấy, nên khi trở về nước nhà bèn xướng-khởi lập ra trường Thể-dục; lại được các quan-thân cùng các nhà hữu-lâm tán-thành, mới lập nên trường Thể-dục ở Hà-nội đã ba bốn năm nay, mà nay càng ngày càng khoáng-trương mãi ra, học trò đến luyện-tập, kể có bốn năm trăm người, thực là một trường có quan-hệ đến quốc-dân chủng-tộc, đến thân-thể vệ-sinh, từ xưa đến nay trong nước Nam ta mới có trường này là một. Cái cây thể-dục đã trồng thấy kết-quả tươi tốt! ngay hiện-thời, ai là chẳng sẵn lòng vun tưới cho phát-dạt thêm lên. Mong rằng Trung Nam Bắc trong ba kỳ nước ta đều trồng cái gương trường Thể-dục đó mà các xứ các tỉnh chỗ nào cũng nên lập một trường, thời quốc-dân ta sau này hẳn trở nên một quốc-dân cường-thịnh biết là chừng nào! Vây Bản-chí vui lòng mà lục-đăng lịch-sử trường Thể-dục như sau này:

N. P.

Khi ông Nguyễn Qui-Toản sang du-học bên Đại-Pháp, tập ở một học-đường có dạy thể-thao. Ông lúc bấy giờ tuổi đã ngoài 20, học-tập cùng những bạn học kém tuổi mình mà phải thua. Biết rằng mình yếu; đã đành rằng mình phải bằng-hữu chê cười, nhưng lại để nhục đến cả tổ-quốc, nên ông vừa dùi mài đèn-sách, vừa cố gắng luyện-tập thể-thao. Dè đâu có chí thì việc gì làm cũng nổi, cách sáu tháng về sau lúc thi-thố cùng bạn cũng kể vào hạng giỏi thể-thao, gặp kỳ thi lại được « *Điểm tốt về khoa thể-dục* ». Ông cứ tập luôn trong năm năm. Nhiều kỳ nghỉ hè nhất là kỳ 1912-1913, ông cùng với mấy người đồng-bang như M. M. Hoi, Tào, Ngọc, Đống và vài người Ai-lao đi ra « Đại-

trường thể-dục » ở thành Reims luyện-tập phương - pháp Hébert. Ông lại thường mục-kích những cuộc đấu thể-thao ở trong nước Pháp. Trong năm 1913-1914, ông tập ở trường Sư-phạm giáo-viên ở Châlons-sur-Marne quan Đốc thấy ông đã biết phương - pháp Hébert ngài tư ra quan Giám-Đốc Học-vụ hạt ấy cử ông làm trợ-giáo dạy các anh em bạn ở trường; ông thấy các nước văn-minh như nước Đại-Pháp, nước Anh, nước Hoa-kỳ, đều chuộng nền thể-dục là có ích chẳng kém gì đức-dục, trí-dục, mà nước Nam ta thì khinh bỉ không hề chú-ý đến, vậy lúc ông còn du-học vẫn hi-vọng rằng làm thể nào lúc trở về nước nhà cũng cố đem cái tài sức mọn mà sáng - lập lên

một trường Thể - dục để luyện tập thể - thao, mong có ích lợi cho giống nòi. Ấy cái tư-tưởng lập trường Thể-dục phát khởi từ khi ông Nguyễn Quý-Toản còn du - học bên Đại-Pháp.

Đến năm 1917, ông được sung chức giáo-sư trường Bảo-hộ kiêm dạy cả khoa thể-thao, ông vẫn chủ-ý hết lòng cố-dụng cho thiếu-niên học-sinh chịu đề tâm vào nền thể-dục mà tập thể-thao. Trong mấy năm dạy ở trường ấy, nào là dạy văn-chương, nào là dạy thể-thao, thật hết lòng vì quốc-dân mà làm hết trách-nhiệm, nên cũng nhiều khi thấy học-sinh chủ-ý về những vấn-đề quan-trọng trong nước thì được tươi cười vui vẻ, mà cũng nhiều lần thấy họ không nghe lời mà tức giận, buồn thay.

Cuối năm 1917, ông mới khởi thi-hành cái ý-tưởng lập trường Thể-dục. Ông ban với một người bạn đồng-song về thể-thao là M. Trịnh Văn-Hội. Ông ấy cũng đồng-tinh với ông. Khi ấy ông làm đốc-học trường Tri-tri, nên ông xin đại-hội-dồng năm 1918 quản-trị cho trường Thể-dục. Tuồng cũng là một danh dự cho hội Tri-tri ta vậy. Nhưng bấtngờ năm 1921 thì Hội không chịu quản-trị trường nữa.

Trước khi ông Toàn ra sức đi tìm một khu đất rộng để lập trường. May lại nhờ quan nguyên thuộc-địa thanh-tra hưu-tri là M. André Salles giới-thiệu ông cho quan cố-phó Toàn-quyền là M. Saint-Chaffray, là người thích thể-thao. Ngài giới-thiệu ông cho quan nguyên Đốc-Lý Hà-nội là M. Jabouille. Ông Toàn ngày ngày ra sở thổ-trạch thành phố mà tìm ở trong bản đồ xem còn có miếng đất nào rộng mà xin, thì cũng chọn được nhiều khu đất nhưng đến xin lại không được. Ông đã định xin khu đất tục gọi là hồ Kim-

ngâu ở cạnh Văn-miếu, một hôm quan Jabouille cùng ông Malabard khi ấy làm chánh sở thổ-trạch, ông Carrelet làm chánh sở lục-lộ thành-phố cùng đi với ông xuống xem hồ Kim-ngâu thì các ngài tính sự lập hồ ấy và xây cống phải tiêu mất độ 4000 \$. 00. Quan nguyên Đốc-lý bảo ngay ông rằng: « Như thế thì có lẽ ông không lấy tiền đâu mà lập, để lập thành trường Thể-dục được ». Ngài lại bảo ông rằng: « Ông nên đi xem khu đất « trường bắn cũ » ở dốc Hàng-gà, nếu có dùng được khu đất ấy thì ngài sẵn lòng tư với hội-dồng thành-phố cho. » Ông liền đi xem trông thấy thật chán ngán. Khu đất thì rộng độ 18.000 thước vuông, nhưng cây, cỏ mọc um-tùm, ở giữa có một cái ao rộng linh 2500 m² vài cái nhà đổ nát và mấy bức tường cũ. (1)

Xin khu đất ấy mà lập thành trường tất tốn bao nhiêu là công của; nhưng khu đất ấy có địa-thể rất lợi vì không xa thành-phố và lại có xe điện chạy đến. Vả lại ông đi tìm kẻ 7. 8 tháng, biết ở thành-phố không còn có miếng đất nào thoảng khí và rộng bằng khu đất ấy.

Một trường Thể-dục tất phải lập ở trên khu đất rộng và ở xa thành-phố, xa c. . . hội thì mới có nhiều không-khí lành, bổ ích cho sự luyện-tập và hô-hấp. Ông nghĩ như thế nên mới làm giấy xin quan Đốc-lý; ngài tư sang phủ Thống-sứ duyệt-y. May lại gặp quan Saint Chaffray lúc bấy giờ làm Thống-sứ, ngài duyệt-y cho ông cùng ông Trịnh Văn-Hội ký tờ hợp-dồng thuê có kỳ hạn 3, 6, 9 năm, mỗi năm giá 1 \$. 00 tiền thuê. Trong tờ hợp - đồng có nói rõ rằng: « Khi nào còn trường Thể-dục thì khu đất ấy là của trường Thể-dục kể từ năm 1918. Hễ trường có tan thì khu đất ấy giao giả thành-phố. Mong rằng trường được vĩnh-viễn !

☞ Khu đất ấy về đời nhà Lê là trường tập voi. Đất nhà Diêm bây giờ là nền Nam-Giao.

Đất đã có, nhưng lấy tiền đâu mà sáng-lập cho thành trường? Việc này thường khó hơn việc xin đất; ông Nguyễn Quý-Toàn trừ tính hơn hai nghìn bạc thì mới có thể lập xong được trường Thề-dục.

Ông nghĩ đến cách xin phép quyền tiền. Nhưng năm 1918, đang có chính-chiến ở bên Âu - châu. Chính - phủ thường chỉ cho phép quyền tiền giúp người bị thương cùng trẻ mồ côi ở bên Đại-Paáp; nhưng ông đánh liều đi thương thuyết với quan nguyên Thống-sứ là M. Saint. Chaffray, xin ngài cho phép quyền những người có trí thức và hiểu thể-dục là có ích ở Bắc-kỳ thời. Ngài cũng bằng lòng cho phép ban nguyên trong hai tháng. May cũng nhiều ông hảo-tâm, người cho 0 \$, 50, người cho đến 20 \$, 00, 50 \$, 00 cả thầy được 811 \$ 26. Lại làm giấy xin tiền phụ-cấp Chính-phủ Bắc-kỳ thì quan S^t Chaffray cho 500 \$, 90, phủ Toàn-quyền (nhờ có ông Coulet nói với quan Toàn-quyền Sarraut giúp) cho 200 \$, còn thành - phố Hanoi cho 50 \$, 00; tổng cộng là 1561 \$, 26.

Kề ra tiền tiền về việc đồ đất khoáng-trương một khu hoang - địa thành trường như bây giờ, làm một cái nhà bốn gian cùng sắm sửa các đồ khí-dụng như portiques, cordes, lisses échelles, barres fixes, boulets, haltères, sautoirs, . . . etc. . . . thì mới tiền 1561 \$, 26 không đủ lập thành trường; và lại ở giữa khu đất tập - luyện phải lấp một cái ao to rộng độ gần 3000 thước vuông, sáu l thước nếu không lấp thì chỉ lợi-dụng được một khu đất hẹp. Bởi vậy ông đã xướng lên một chủ-nghĩa hay nên phải cố làm cho thành, liền ứng ra 700 \$ để lấp cái ao ấy. Thành thử, sáng lập thành trường Thề-dục ở Hanoi kể tới ngoài 2400 \$ 00. Thế là ít, vì tỉ với một trường như thế này ở các nước văn-minh thì tốn gấp hàng vạn hàng triệu bạc.

Tiền không tốn vì trông nom lấy việc làm, chứ không thuê thầu khoán như việc nhà nước. Lúc ông khởi-xướng lên sự lập trường Thề-dục thì may gặp giữa lúc một người bạn ông về hưu-trí là ông Nguyễn Đình-Khoát, nguyên phó-quản ở trại lính cơ Hà-thành, hàm chánh tứ-phẩm. Ông là người giỏi giang, có lịch-duyet, lại sẵn công-tâm, nên bằng lòng giúp đỡ ông Toàn trong việc tổ-chức trường ấy.

Bắt đầu làm việc lập trường từ tháng hai năm 1919 mãi đến tháng chạp mới xong. Gần suốt một năm trời, các ông ấy chẳng quản công khó nhọc lúc mưa lúc nắng thường đứng hàng giờ với bọn phu mà đốc thúc họ làm. Nếu không thích việc mình khởi-xướng lên, nếu không có lòng nhiệt thành về việc công-ích xã hội thì ai là người chủ chân! Muốn biết công khó nhọc của các ông ấy thì cứ tưởng tượng một khu đất hoang, gồ ghề, lồi bùn, bầy thú và tỉ với trường Thề dục bây giờ thì đủ biết.

Ngày mở trường là 21 tháng chạp tây năm 1919 có đông người xuống chứng kiến. Có nhiều ông có con thích vấn-đề thể-dục cũng đem con xuống tập đông ngay buổi đầu. Có ông Trịnh Văn Hợi, kỹ-sư về khoa hoá-học, là một nhà thể-thao toàn tài, coi về việc luyện tập thể-thao. Nhờ ông nên nhiều thiếu - niên luyện-tập đã được thành tài, có kết-quả trông thấy. Cũng có một ông đội của quan Binh cho ra dạy giúp trường.

Như thế là trường Thề-dục tiem tiem thành, nhưng còn phải khoáng-trương mới đủ tư cách là một nơi để luyện tập thể-thao, và thi-thố các cuộc chơi thể - thao (sport).

Nhân ông có quen cụ Fontaine, chủ nhà máy rượu, ông nói chuyện với cụ về trường Thề-dục cụ vốn vẫn thích việc công ích của người bản-xứ, nên cụ cho sách và năm trăm bạc. Tiền của

cụ cho đã dùng để làm cái Parc đặt tên là vườn cảnh M.^{me} A. R. Fontaine. Trong vườn cảnh có một cái sân đánh tennis, có vườn cây to. Dưới bóng mát lại mắc đu để trẻ con đến đây chơi bởi cũng như trẻ con người tây chơi đu ở vườn Bách-thú vậy. Ước rằng, ta biết sự cho trẻ con đi chơi ở nơi khoáng khí là có ích.

Cũng trong vườn cảnh ấy, còn lập một sân đánh tennis nữa và một sân để đánh foot ball, những công việc này lục-tục sắp thi-hành.

Trong trường Thể-dục cần phải có một buồng tắm (bains et douches). Ông Bạch Thái-Bưởi chủ hãng tàu có danh-gia trong nước nhà, biết vấn-đề thể-dục là cần và có ích cho nước nhà nên đã cho 500\$00 để làm buồng tắm. Còn việc tập bơi thì người sáng-lập trường đã định thuê một khu 2500 m² 300 m² ở hồ Bảy-mẫu giáp nhà trường, hoặc đào xây một cái ao 600 thước vuông mà làm chỗ tập bơi.

Nếu nhiều các ông hảo - tâm cho trường món tiền to như M.M. Fontaine và Bạch - Thái - Bưởi thì trường có vốn mà làm gì chả làm được việc lớn lao và có ích cho quốc - dân. Ông Nguyễn Qui-Toản mới rồi đã làm một quyển sách Chỉ-nam thể - thao « Guide pratiques d'exercices physiques et de jeux scolaires », mục-dịch để bán lấy tiền cho nhà trường cùng để cổ-động thể-dục trong nước ta nữa.

Lời tán - thành trường Thể-dục

Trích trong Thực-nghiệp dân-báo số 109

Một người An-nam mà có cái sáng-chi lập cái hùng-tâm, cái mãnh-lực như ông Nguyễn Qui-Toản cũng là cái gương hiếm có vậy. Nhưng gần ta, chắc cái gương ấy rồi ra không đến

đôi hiếm nữa.

Một người gõ đầu trẻ như ông Toàn, không được Chánh-phủ cấp lương đi du-học, chỉ nhờ bà thân-mẫu cả thầy được vài nghìn đồng bạc mà sang mãi quí - quốc theo học để lấy bằng-cấp trở về.

Mãi 3 năm sau hội Khuyến-học thấy ông có cái bụng hiếu-học như vậy, bèn xin với Chánh-phủ Đông-Pháp cấp lương cho ông, thì quả-nhiên ông học đến nơi đến chốn được.

Những người Pháp thâm-hiểu người Nam cũng chưa nên lấy sự du-học ấy làm lạ. Một điều lạ hơn nữa là bọn thượng-lưu An-nam xưa nay chỉ chuộng chỉ mê mãi về việc thuần-tri mà nay lại có một người chịu chuyên-tâm về thể-dục như ông Toàn.

Thế là tốt lắm. Ông Toàn đã xướng lên một cái lý xác-đáng không những là người đồng-bang của ông nên hâm-mộ, mà người mình cũng phải lưu tâm đến; lý ấy là cái lý: tri-dục phải còn có thể-dục, vì nếu không có thể-dục sẽ trở nên nguy hiểm.

Thành-phố Hà-nội năm 1921 trợ-cấp có 250 \$ 00 thì sang năm 1922 cấp cho 500 \$ 00. Nhưng toà Thống-sứ năm ngoài cấp 200\$ thì năm nay cấp có 50\$.

Còn phủ Toàn - quyền vẫn cấp 150 \$ 00. Tổng cộng các món trợ-cấp của trường Thể-dục là 700 \$ 00 mà năm 1921 có 600 \$ 00 thôi.

Nhưng nhà trường còn phải cần nhiều tiền nữa mới làm được nhiều việc (1). Hiện bây giờ đang cần vài ba nghìn đồng để sửa sân lại để tập, xây chỗ tập bơi, lắp đèn điện để cho học trò tập từ 6 giờ đến 7 giờ tối về mùa đông.

Cho nên những người có bụng nhân-từ như ông Fontaine và có ít người

(1) Trường hiện đang làm những việc sau này:

1^o Làm một cái nhà ba gian.

2^o Lắp một khu đất rộng độ 5000 thước cube để làm sân đánh foot ball.

3^o Đào ao để làm chỗ tập bơi. — như vậy công việc nhà trường mỗi ngày còn khoảng-trường nhiều.

trong thành-phố đã trợ cấp cho trường.

Nào những nhà trông thấy nói Hồng giống Lạc mánh giẽ, hao mòn, có bụng thương-tâm, và cũng nghĩ rằng nói giống ấy nhờ về sự ăn sự ở có vệ-sinh và biết thề-dục là cần, có thể trở nên hùng-dũng được, xin các ngài giúp vào một tay.

Những người đã biết ăn ở theo phép vệ-sinh còn phải lưu-tâm đến thề-dục nữa. Còn nhiều người chưa biết vệ-

sinh và thề-dục là gì. Hai cái đó phải đi song-hành với nhau và phải dạy cùng một lúc mới được.

Giúp việc cho ông Toàn tức là giúp đề đào-tạo trừ lấy thiếu-niên Nam-Việt hùng-dũng, mạnh khỏe, đề đủ chứng rằng cả một chủng-tộc cũng có thể tỏ điềm lên được. Mà nếu chủng-tộc ấy có thể tỏ điềm được thì nên tỏ điềm.

Lược dịch báo « *Eveil Economique* ». Bài của ông chủ bút H. CUCHEROUSSET

Tiểu - Thuyết Cổ

LINH - NAM DẬT - SỬ (1)

嶺南逸史

IX

HỒI THỨ X

*Tim bạn cũ li sướt không gặp
Tổ linh ngay, vu-phán mắc nần*

Phùng-Ngọc tưởng là Lý công-chúa đã chết rồi, thừa-gián cùng với Mai-Anh đi đến nơi liệm-tàng, tế xong, đến qua nửa đêm lên ra ngoài trại, sẽ đi xuống núi Cầm-thạch, dò được một con đường nhỏ cứ đi liều. Đêm hôm ấy mây đen mù mịt, trăng sao không có, tối mù mù, Phùng-Ngọc đã qua được mấy quả núi đá, không ngờ đi đến đường cùng, tiến-thoái lưỡng-nan, mặt đang trước thời nước reo như sấm. Phùng-Ngọc trong bụng hoang-mang, ngừng đầu gối tay lên vịn lấy hòn đá, chực muốn trèo lên mặt trên, không ngờ rêu trên mặt đá sừng xuống ướt nhờn-nhớt, trơn như mỡ dầy, vịn không được vững, trượt chân một cái, hình như con diều liệng mình rơi đánh bồm tưng lưng chùng trên sườn núi sa xuống nước, chẳng khác chi :

*Đá trên sườn núi treo leo,
phút đầu ném xuống nặng gieo mặt*
[doảng.

May sao sa xuống mặt nước, nếu va vào đá thời không tan ra tro, cũng phải vỡ đầu sứt trán.

Phùng-Ngọc ngã xuống khe nước, hình như có vật gì đỡ lên đưa đến bên sườn núi, may bèn được một cái rễ long-tu, liền bơi vào, men lên ngồi trên sườn núi, may không thương-hại gì đến thân người cả, chỉ quần áo mặc trong mình thời ướt hết sạch.

Song khi-hậu phương nam khi ấy hãy còn ôn-hòa, dẫu đương tiết tháng mười cũng không đến nỗi rét lắm. Phùng-Ngọc ngồi xo dấy đến sáng, ngừng đầu trông ra, thời thấy hai bên bờ khe đều là núi cao trót vót ; trông xuống dưới thời nước sâu thăm-thẳm. nghĩ chột dạ mà rằng : « Ngã xuống chỗ này mà không chết, há chẳng phải là thiên - mệnh hay sao ? Song làm sao mà ra cho thoát được chỗ này ? Đương lúc nghĩ ngợi tư tưởng, chợt

(1) Xem Nam-Phong từ số 48.

nghe vắng vắng có tiếng chèo đò bị bồm, khoan-thai bơi lại, liền mở mắt trông ra thì thấy hai người con gái : một người độ hơn 20 tuổi, mặc cái áo vải mùi lam chít vào mình, đầu đội khăn quan-lục, đứng ở mũi thuyền, thả lưới đánh cá; một người con gái nhỏ chừng độ 15, 16 tuổi, mặc cái áo vải mùi tía, đầu cài lược bịt cái khăn nhiều xanh, một tay cầm lái, một tay cầm cành hoa mai, đứng ở đằng lái thuyền, dùng-dĩnh hát lên rằng :

*Hoa mai hớn hở cảnh xuân,
Tiêu dao cho thỏa cái thân mới là!
Dòng sông bến nước lân-la,
Mãi chèo dùng-dĩnh câu ca dịp-dàng.*

Phùng-Ngọc nghe thấy tiếng hát gọi to lên rằng :

— Ồi hỡi hai cô, cứu tôi với!

Hai người con gái nghe thấy tiếng gọi bèn bơi thuyền lại, đón Phùng-Ngọc xuống thuyền. Khi ấy hai người con gái thấy Phùng-Ngọc quần áo ướt cả, bèn lấy bộ quần áo khác đưa cho Phùng-Ngọc mà rằng :

— Nay khi trời rét mười công-tử hãy bỏ bộ quần áo ướt ấy ra, để tôi hong hộ.

Phùng-Ngọc nhận lấy áo thay ra, hai người con gái đem vắt nước đi phơi hộ; lại làm cơm rượu nóng sốt, để mời Phùng-Ngọc xơi. Phùng-Ngọc ăn cơm xong, cảm-tạ mà rằng :

— Tiêu-sinh không may gặp phải nạn này, may nhờ được hai cô cứu giúp cho thể này, tôi không biết lấy gì mà tạ-ơn được, xin người cho biết tên hiệu, để khi khác lại tạ-ơn.

Người con gái lớn nói rằng :

— Hai chúng tôi là con nhà thuyền chài, cứu vớt người sa ngã xuống nước, đó cũng là việc thường, có cần chi mà phải tạ. Dám xin hỏi công-tử ở đâu lại đây, vì sao mà lại ngã xuống nước ?

Phùng-Ngọc nói :

Tiêu - sinh người làng Trinh-hương quận Thanh - sơn, thuộc về châu Phong nước Việt, nhân vì đi hỏi thăm cô trở về, chượt chân sa xuống nước, nếu không gặp được hai cô thì đành chết rét ở hang núi kia, không biết đây là chỗ nào, đi về tỉnh còn bao nhiêu đường đất nữa ?

Người con gái nói rằng :

— Đây là cửa sông Tương-kha, đi về tỉnh chừng độ mười ngày đường nữa.

Phùng-Ngọc nói :

— Xin nhờ hai cô đưa tôi lên chỗ bờ này, để tôi đi về tỉnh có được không ?

Người con gái lớn nói rằng :

— Đi lên chỗ bờ này thì không có đường nào đi cả; phải đi đến Việt-thành mới có đường cái lớn, công-tử nếu có lòng yệu, xin ở lại trong thuyền này, ngày mai chị em tôi xin đưa công-tử đến Việt-thành, có được không ?

Phùng-Ngọc khi bấy giờ, đã uống chuénh choáng mấy chén rượu, thấy trong mình mệt nhọc, và lại đêm hôm trước không được chợp mắt ngủ lúc nào, bấy giờ đã buồn ngủ, liền đáp rằng :

— Chỉ sợ ngủ đây không được tiện.

Người con gái lớn nói rằng :

— Sao lại nói như vậy ?

Liền trở vào cái đệm mà rằng :

— Công-tử hãy ngủ tạm chỗ kia một lúc.

Phùng-Ngọc theo lời, liền giải đệm ra, ngủ một giấc đến chiều, hai người con gái gọi tỉnh dậy, đã thấy bày ra một tiệc, nào là cá gỏi, tôm tươi, rượu ngon, rau nộm, không thiếu một thứ gì. Phùng-Ngọc cả kinh mà rằng :

— Hai cô sao lại bày đặt ra thịnh-sượn thế này !

Người con gái lớn cười mà rằng :

— Tóm cả là bữa cơm thường nhà em, chứ có gì đâu.

Nói rồi liền rót rượu khuyen mời, uống rượu đến chập tối, người con gái lớn trông vào người nhỏ cười mà rằng :

— Đêm hôm nay chỉ có một cái chần nghĩ làm sao cho tiện ?

Người con gái nhỏ cúi đầu mỉm cười. Người lớn nói :

— Thôi cũng được, để ta ngủ ngoài xoang thuyền, cho em với chàng cùng ngủ.

Phùng-Ngọc nói :

— Có lẽ nào thế, tiểu-sinh nhờ được hai cô cứu vớt cho, lại cho ăn uống, đã lấy làm cảm-ơn lắm, sao dám chiếm cả chần đệm để nằm. Đêm nay xin mời hai cô cứ ngủ ở trong đệm kia, tôi đã ngủ suốt một ngày, xin ngồi ở ngoài xoang thuyền này đợi cho đến sáng.

Người con gái lớn nói rằng :

— Thôi, chàng không phải suy-nuy nữa, hai chúng tôi đâu là con nhà thuyền-chài, song cũng biết tự-trọng. Nay nhân gặp gỡ chàng đây, nên cũng chẳng e - lẹ gì, xin giải hầu chần đệm, cũng là run rủi duyên may, xin chàng chớ ngần ngại, chẳng hay ý em nghĩ sao ?

Người con gái nhỏ sẽ nói :

— Ngủ thì ngủ cả ba người, cùng một cái chần cũng được !

Người chị cười mà rằng :

— Em nói mới thú chứ !

Liền dọn-dẹp búi-bán, lấy nước cho Phùng-Ngọc rửa tay, rồi đi giải chần bày đệm, mời Phùng-Ngọc đi ngủ. Phùng-Ngọc bấy giờ đã cảm-ơn hai nàng nên không dám trái ý, phải cùng đi ngủ, duyên cớ càng đậm lửa càng nồng,

nề lòng có lẽ cầm lòng cho đang. Hai nàng đều là sử-nữ cả, ái-tình rất là đậm-thắm. Phùng-Ngọc lấy làm kỳ-dị bèn hỏi rằng :

— Chẳng hay hai nàng, đã có ai đính-hôn chưa ?

Người con gái lớn nói rằng :

— Hai chị em tôi có gặp được người dị-nhân, cho bài thuốc linh-dan, nên những loài rắn-rết ác-độc, quỷ-quái tinh-ma, không dám phạm đến, bởi vậy mới dám đi lại một mình ở chốn nguồn sông bãi bể này, cũng muốn bắt chước như nàng Lưu Tam-muội thế không lấy ai, chỉ tùy-ý tiêu-dao ca-vịnh cho sướng đời. Đêm hôm trước chị em tôi ngồi ở mũi thuyền câu cá, chợt thấy một đám hồng-vân bay phủ ở trên bờ, quang-thái rực-rỡ, chị em tôi trông lên, thấy hiện rõ một vị phu-nhân, mình mặc hồng-bảo, đầu đội bạch-mao, tự xưng là : « Hứa Ngọc-Anh, nhờ ơn Ngọc-hoàng thương là người trung-trinh, phong cho làm La-bàng hậu-thổ phu-nhân. Nay vì Văn-khúc tinh-quân gặp nạn, nên ta mới hiện ra đây để báo cho hai em biết, hai em vốn có túc-duyên với tinh-lang, hai em nên kíp bơi thuyền đến cửa sông Tường-kha để cứu hộ ».

Nói rồi vụt biến đi mất. Bởi vậy hai chị em tôi phải tin lời mà bơi thuyền đến đây, vừa may gặp lang-quân đó, chẳng phải là duyên-phận hay sao ?

Phùng Ngọc nghe thấy nói đến tên Hứa Ngọc-Anh mặt nóng lên bừng bừng nghĩ mãi không ra, một hồi lâu mới nghĩ ra mà rằng :

— Phải rồi, thế ra nàng đã chết rồi !

Nói rồi, nước mắt liền chảy ra ràn rụa. Hai người con gái vội vàng hỏi rằng :

— Chẳng hay vì sao mà chết đấy hở ?
Phùng-Ngọc nói :

— Hai nàng mà trông thấy Hứa Ngọc-Anh đó, chính là nữ-tướng của Lý công-chúa ở núi Gia-quế; nay hai nàng đã có bụng yêu tôi, dầu tôi nói ra cũng không sao.

Phùng-Ngọc bèn đem những truyện từ trước đến sau thuật hết cả ra mà rằng:

— Nàng Ngọc-Anh tất là theo Lý công-chúa mà tử-trận, nay hiện ra báo hai nàng đến cứu ta, trong đàn bà mà có người trung-trinh như thế, lẽ nào lại chẳng cảm-dộng đến trời đất.

Hai người con gái nghe nói liền cả mừng mà rằng:

— Thế ra các nàng trông thấy lang-quân ai cũng tranh cướp nhau mà lấy, lang-quân thực là người phi-thường, dám hỏi lang-quân nay muốn đi đâu?

Phùng-Ngọc nói:

— Nay công-chúa đã mất rồi, dầu tôi để đó cũng vô ích; tháng tư năm ngoái tôi có đi qua thời Mai-hoa, đã đính-hôn với nàng Trương-thị có hẹn với tôi rằng sẽ đi Tùng-hóa trở về, thời Trương-ông đem cả nhà theo tôi về phương Nam. Vì tôi mắc nhiều sự ngăn trở, nên dưng-dắng mãi đến nay, ngày mai tôi xin từ biệt hai nàng để về thôn Mai-hoa thăm Trương-thị.

Hai người con gái nói rằng:

— Lang-quân nếu muốn đến thôn Mai-hoa, thời chị em tôi xin đưa lang-quân tới bến Bắc-la thời mới có đường đi được.

Phùng-Ngọc cả mừng mà rằng:

— Nếu được hai nàng đưa tôi đi, thời ơn-đức lớn lao ấy tôi xin để lòng ghi dạ không bao giờ quên.

Ba người cùng nói chuyện với nhau thỏa-thích lắm, mãi đến trống canh tư mới đi ngủ.

Sớm hôm sau trở dậy dưng-dính bơi thuyền trông về bến Bắc-la mà đi.

Hễ qua chợ búa tỉnh-thành nào, thời tất lên mua rượu thịt về làm tiệc để cùng mời Phùng-Ngọc uống rượu rất là ăn-cần vui vẻ, tối đến thời ba người duyên vầy cá nước, đàm thâm cùng nhau, gió mát trăng thanh, đêm nào cũng vậy, thắm-thoắt đã đến bến Bắc-la. Người con gái lớn bảo người nhỏ rằng:

— Em hãy ngồi hầu lang-quân đây, để cho chị đi mua tửu-hào về tiễn-biệt lang-quân.

Người con gái lớn ấy đi một lúc lâu trở về thời thấy mua các thức ăn và đem một vò rượu với các thức phẩm quả dưa về báo người con gái nhỏ đi làm rượu. rồi bày ra một tiệc trọng-thể mời Phùng-Ngọc dự-tiệc, hai người con gái ngồi hầu hai bên, uống được vài tuần rượu, rồi người con gái nhỏ vịn vai Phùng-Ngọc đưa mắt nhìn mà hát lên rằng:

« Ngựa kia ai cưỡi lời đây?

Thùng kia ai dẫn tre này mà đan?

Ai đem đựng đậu đây tràn,

Đậu xanh như gọi mối hôn tương-tỷ.

Nhớ ai chấp cánh bay đi,

Cánh kia trơ đỏ chim kia đậu nào?

Người con gái nhỏ hát xong, người lớn nhìn mà rằng:

— Sao em lại hát câu ấy, để chị hát cho mà nghe này:

Bóng mây dưới nước có không?

Nước trôi bóng động tình-trung
[hững hồ.]

Mây đi nước chảy thờ-ơ,

Mây nào phụ nước bao giờ, nước ơi!

Người con gái nhỏ cười dẫn mắt cười.

Phùng-Ngọc động lòng rồi nước mắt, người con gái lớn cầm khăn tay lau nước mắt cho Phùng-Ngọc mà rằng:

— Đó là chị em tôi nói buồn đấy thôi, sao chàng lại nghĩ thật mà buồn

bã làm vậy ?

Phùng-Ngọc nói :

Tiểu-sinh thật là phụ lòng hai nàng lắm lắm, nếu nàng bằng lòng theo tiểu-sinh về Nam, nhà tiểu-sinh hãy còn có tư-bản đủ để cung-dưỡng được, không biết ý hai nàng nghĩ sao ?

Người con gái lớn lắc đầu mà hát lên rằng :

Mái chèo dừng-dừng bên sông,
Thuyền-quên một lá giữa dòng
[tiêu-dao.

Rau tiên trồng được đâu nào,
Tấm thương ain chờ tuôn dào mạch
[sương.

Phùng-Ngọc lau nước mắt mà rằng :

— Hai nàng hiền-khanh thật là người cao-thượng, sau này tiểu-sinh muốn đến thăm, sợ rằng tiên-tung mờ mịt, biết chốn nào mà hỏi bết thăm đường.

Người con gái lớn nói rằng :

— Chẳng cũng bắt-tắt phải đến thăm, sau này hai chị em tôi tự đến tìm chàng.

Nói rồi ba người cùng đi nghỉ.

Ngày hôm sau hai người con gái đưa tặng cho Phùng-Ngọc mười lạng bạc, Phùng-Ngọc rửa nước mắt bước lên bờ, hai người con gái quay mũi thuyền bơi đi.

Phùng-Ngọc từ khi tương-biệt hai người con gái, thăm đường đi đến thôn Mai-Hoa, đi được vài ngày chợt gặp một trận gió mùi thơm thoang-thoảng, thấp-thoảng trông thấy thôn Mai-hoa gần gần đã tới nơi, Phùng-Ngọc than thở mà rằng :

— Năm trước ta đến đây, quả xanh đầy cành, bóng cây rợp đất, thăm-thoắt không bao lâu mà hoa mai đã nở đến hai lần, biệt-thành ra một cảnh-giới khác.

Lúc ấy Phùng-Ngọc vô-tâm không muốn ngoạn-cảnh gì cả, chỉ chăm-chăm đi cho mau tới nhà họ Trương. Khi đến nơi, thấy một tòa nhà đã bị lửa cháy, đồ nát tanh, cánh tường xây bằng vôi mầu-lệ đổ sập xuống một bên, chỉ còn có một góc nhà phía bên đông, thời đã cửa xiêu vách đổ, tĩnh-mịch không nghe thấy tiếng người, Phùng-Ngọc nghĩ bụng cả kinh mà rằng : « Không lẽ nào nhạc-phụ ta đợi ta chữa về mà cứ dọn dẹp thiên-cư đi trước, và không biết có sao mà nhà cửa lại bị thiêu-hủy đi cả » Đang lúc kinh nghi chợt thấy tiếng người ở trong cửa đồ gọi lên, khi chạy ra thời là một người học trò chấp tay mà hỏi rằng :

— Chẳng hay tương-công ở đâu lại đây có việc gì ?

Phùng-Ngọc vội vàng vái chào mà thưa rằng :

— Tôi là Hoàng Phùng-Ngọc, tháng tư năm trước có đến đây, nhờ ơn nhạc-phụ tôi là Trương Thu-Cốc tiên-sinh gả cho lệnh-ái, hẹn tôi đi Tùng-hóa về, sẽ cùng với tôi di-cư đến ở huyện tôi, song tôi vì việc ngăn trở, mãi đến bây giờ mới về được ; không biết nhạc-phụ tôi dọn đi đâu đã từ bao giờ, mà nhà cửa bị đốt cháy hết cả ? Bác là thế nào mà lại ở đây ?

Người học trò ấy nghe thấy nói khóc òa lên mà rằng.

— Thế ra chú là em rề tôi, tôi là Trương Chí-Long đây, tháng sáu năm nay tôi mới từ Quảng-tây trở về, thời thấy nhà cửa đã bị cháy cả, hỏi thăm người hàng xóm mới biết rằng cha mẹ và em tôi từ hồi tháng ba đã phải tên Hà Túc-Tượng ở Phong-hồ cùng với tên Nhiều-Hữu đem dất quân giặc Hỏa-dải về cướp bắt đi mất rồi !

Phùng-Ngọc cả kinh mà rằng :

— Chẳng hay anh đã đi thăm dò biết ở nơi nào chưa ?

Chi-Long nói :

— Tôi đã đi hỏi thăm dò, song sao-huyết quái giặc hiểm hóc lắm, không có đường lối nào thông vào được, phải chịu trở về, tức nọ không được, có lên phủ đầu đơn thưa. Song Hà Túc-Trương nó cũng lắm khôn, đã sai người đem dút tiền bạc cho quan phủ, cho nên quan phủ bác đơn tôi đi không bởi chi đến. Nay chủ đến đây rất là may mắn, làm thế nào bày mưu đặt kế cứu được cha mẹ và em ta đây ?

Chi-Long nói rồi khóc oà lên. Phùng-Ngọc nghe thấy nói, cũng gieo mình xuống đất khóc oà lên mà rằng :

— Trời ơi ! Phùng-Ngọc này có tội-tình gì, mà khiến cho gặp những cảnh cùng-khốn đến như thế này !

Hai người cùng khóc lóc một hồi lâu, Chi-Long dắt Phùng-Ngọc vào trong nhà đồ kia, kéo cái chõng gậy ra mời Phùng-Ngọc ngồi, rồi nấu cháo bùng lên cho Phùng-Ngọc ăn. Phùng-Ngọc bấy giờ nuốt làm sao được, hai người ngồi than thở với nhau đến trống canh hai. Phùng-Ngọc nói :

— Hay là tôi với anh cùng đến cửa quân-môn để khống-cáo, và xin phát-binh đi chinh-tiểu quân giặc thời mới xong.

Chi-Long nói :

— Tôi có đem về được một ít bạc, đã hai lần đi khiếu-oan dút-lót hết mất cả tiền, nay muốn đến kêu cửa quan không còn có tiền nữa thời làm thế nào ?

Phùng-Ngọc nói :

— Tôi nhờ được người bạn tặng cho hai mươi lạng bạc hãy còn đây, ngày mai anh em ta cùng đi.

Hai người bàn với nhau đầu đây, rồi cời áo cùng đi nghỉ. Phùng-Ngọc đã thương xót Trương tiểu-thư, lại nghĩ thương Lý công-chúa, nằm dựa gối xùi xùi không thể ngủ được, đợi đến sáng

rõ rửa mặt chải đầu xong đầu dây, Chi-Long thu cất chẵn chiếu, rồi cùng với Phùng-Ngọc đi ra bến sông, đập thuyền đi lên tỉnh, tìm đến chỗ nhà trọ vào nghỉ ngơi, Phùng-Ngọc viết một tờ trạng, đợi khi quan Đốc-phủ ra công-đường thời vào hầu bài-yết đề dâng tờ trạng, quan Đốc-phủ nhận tờ trạng mở ra xem thấy trong tờ trạng có ba chữ tên « Hoàng Phùng-Ngọc » liền cầm tờ trạng gấp lại đề ra một bên, ngánh bảo kẻ tả-hữu rằng :

— Đưa nào ra gọi tên đầu-dơn này là Hoàng Phùng-Ngọc vào đây.

Khi bấy giờ Phùng-Ngọc còn đợi ở ngoài cửa dinh, nghe thấy quan Đốc-phủ cho đòi, vội vàng sóc áo bước vào quì ở trước sân. Quan Đốc-phủ hỏi :

— Tên kia có phải là Hoàng Phùng-Ngọc đó không ?

Phùng-Ngọc lay rập đầu mà thưa rằng :

— Bẩm chúng con quả là Hoàng Phùng-Ngọc.

Quan Đốc-phủ nói :

— Lấy vợ ở núi Gia-quế, có phải đích là mày không ?

Phùng-Ngọc lại khấn-dầu thưa rằng :

— Chúng con không dám lấy, vì Lý công-chúa ép, con bắt - dắc - dĩ phải nghe lời đó thôi.

Quan Đốc-phủ lại hỏi :

— Lấy vợ ở núi Thiên-mã cũng là mày đó có phải không ?

Phùng-Ngọc thấy quan Đốc-phủ hỏi đến câu ấy, nét mặt hầm hầm, Phùng-Ngọc chỉ khấn-dầu mà thưa rằng :

— Tôi có lấy vợ ở núi Thiên-mã là vì tôi đi thăm có tôi qua đó phải giặc bắt, nó đem gán chị nó là Mai Ánh-Tuyết bắt ép tôi phải lấy, tôi vẫn biết nó là quân phản-tặc, phải giả cách theo lời; mới đây tôi thừa-hư lên trốn ra được đây, xin quan lớn lượng xét.

Quan Đốc-phủ vỗ án thét lên mà rằng:

— Đắt La-bằng trùng-sơn và 1-diệp, nếu nó không tha cho mày, thì mày sao trốn được ra đây? rõ ràng là mày giao-thông với quân mán-mèo, để mưu làm việc phản-trắc, nay dám giúp cho quân giặc mà đi do-thám, lại dám cả gan đến quán - môn giả cách để đầu-don, rõ thực là đáng ghét.

Phùng-Ngọc chỉ lay rập đầu mà thưa rằng:

— Bẩm, hai chỗ ấy kỳ-thực là nó dụ hiệp chúng tôi, chứ chúng tôi thực không có tâm gì với chúng nó.

Quan Đốc-phủ cả giận mà rằng:

— Thiệt-hư biết bao nhiêu là người nó không có dụ ai, mà nó chỉ dụ lừa một mình mày, đồ cầu-trẻ này dành cho một trậi thời mới chịu xươg đây!

Liền thét tả hữu giăng nọc Phùng-Ngọc, rồi lột quần ra. Quan Đốc-phủ trở mà thét lên rằng:

— Đắt cho quân cầu-trẻ ấy một trậi!

Kẻ tả hữu liền dạt ngọn cỏ vô-tình kia tự lưng trời dạt xuống luôn hai mươi cón. Phùng-Ngọc rách cả da nát cả thịt, ngất đi một lúc mới tỉnh. Quan Đốc-phủ truyền tả hữu đem giải đi giam ở huyện Nam-hải, giao cho quan huyện xét hỏi cho rõ hết tình-hình phản-bạn, rồi tâu lên đề nghị án chém. Tả hữu tuân lệnh liền đem siềng, siềng vào cổ Phùng-Ngọc rồi giải đi. Chí-Long đứng ngoài nghe thấy người ta xì xào nói rằng quan Đốc-phủ có bắt được quân do-thám ở núi Thiên-mã là Hoàng-Phùng-Ngọc đã giải lên huyện Nam-hải để tra hỏi. Chí-Long không biết sao, kinh sợ mất vía, thân đem lẫn ra ngoài thành trốn đi. Đến ngày hôm sau muốn đến hỏi thăm cho đích-thực, lại sợ bị phải bắt nốt, nên đành phải bỏ Phùng-Ngọc mà trốn về thôn Mai-hoa: *Cứu nhan khôn biết nài sao, anh-tang giọt lệ tuôn dào khôn ngớt!*

Nói về Phùng-Ngọc phải giải đi giam

ở huyện Nam-hải, quan huyện ấy tên là Hồng Nhất-Giáp, tính cực tham-lam không cứ là ai hề gặp phải tay quan huyện ấy tra hỏi thời cực khổn-dổa. Nay quan Đốc-phủ cho giải về chùa mán-mèo đến cho mà tra hỏi thời Nhất-Giáp cả mừng mà rằng:

— Thôi miếng ngon đã đến tay ta rồi.

Vội vàng ra ngồi công-đường truyền lính giải vào. Tả hữu dẫn Phùng-Ngọc vào đến trước án. Phùng-Ngọc không thể quỳ được, nằm ngửa ra ở dưới đất. Hồng Nhất-Giáp cười mà rằng:

— À, thằng này ở núi Thiên-mã, núi Gia-quế làm về chùa mán-mèo đã ra phết mô-dạng, nay đến trước huyện-nha đây lại không thêm quỳ hay sao?

Phùng-Ngọc kêu rằng:

— Chúng con quả là bị trọng-thương không thể quỳ được, xin quan lớn thương lại mà rộng bát tha cho.

Hồng Nhất-Giáp cười mà rằng:

— Ta nề mày là con về chùa mán, hẳn là có học biết lễ phép, hôm nay ta hãy tha cho.

Nói rồi liền truyền tả hữu điệu Phùng-Ngọc ra ngoài hành-lang giam giữ. Nhất-Giáp trott lui vào nhà trong. Kẻ sai dịch điệu Phùng-Ngọc ra sẽ bảo rằng:

— Người có lễ-vật gì đem cung-kính quan lớn, liệu mà mau mau đưa ra, để chúng ta để bầm họ cho, thời ngày mai mới khỏi được trọng-phạt.

Phùng-Ngọc khóc mà rằng:

— Tôi thực không còn có tiền bạc gì cả, xin các thầy thương xót kẻ vô-tội, trước mặt quan lớn nói giúp hộ cho.

Kẻ sai-dịch rằng:

— Nếu nói rằng không có tiền, thời chẳng ma nào thương cho đâu.

Lại một đứa nói:

— Tuy ở bên mình đây không có

tiền, nếu thông tin cho chúa mán biết là con rồ phải bị giam, thôi lo gì chúa mán chẳng đem hàng nghìn hàng vạn đến lo liệu cho người được.

Lại một đứa nữa nói :

— Cậu này đôi đùi non trắng nõn như tuyết, nếu không chịu bỏ tiền ra lo liệu, thôi đùi non ấy chịu sao được đòn.

Một đứa cười mà rằng :

— Không kể chi đùi, xem như cái mặt cậu ta ai cũng phải yêu.

Một đứa nữa rằng :

— Mày yêu cậu ta, sao mày không đem về nhà, xuất tiền bạc ra mà lo liệu cho cậu ta.

Đứa kia nói :

— Phản-ngịch là tội rất to, nếu là tội nhỏ xem tôi có lo liệu cho cậu ta, rõ ra mặt không?

Phùng-Ngọc nghe nói nghĩ tức khi lên mà rằng :

— Những đồ nô-lệ này mà dám kiêu-ngạo lắm vậy. Ta đây là đại-trượng-phu, chết cũng đành chết, chớ lại thêm dúi lót kẻ tham-quan, cúi xin kẻ nô-lệ hay sao?

Khi bấy giờ chỉ - khi Phùng - Ngọc hăng lên, trong bụng nghĩ khoái-hoạt, quên cả đau đi, thức nhấp suốt thâu đêm đến sáng.

Ngày hôm sau, quan huyện không thấy Phùng-Ngọc đem dúi lễ vật gì cả, bèn ra công-đường tra hỏi, lính-lệ điệu Phùng-Ngọc lên, Hồng Nhất-Giáp thét to lên mà rằng :

— Mau mau cung-xưng ra cho thực, thôi khỏi phải tra-tấn.

Phùng-Ngọc nói :

— Xin cấp cho bút giấy.

Quan huyện truyền lấy bút nghiên đem cho Phùng-Ngọc bảo phải chiêu-xưng ra cho thực. Phùng-Ngọc mài

mực xong cầm bút viết lên trên mặt giấy tám chữ : « Hoàng-thiên hậu-thần, thực giám thử tâm » Viết xong trình lên quan huyện. Quan xem cả giận mà rằng :

— À, quân phản-tặc này dám khinh nhời ta mà kháng-cự lại, phải đem côn trượng ra đây !

Lính-lệ dạ ran lên, đem dây nọc chẳng Phùng-Ngọc ra. Phùng-Ngọc kêu lên một tiếng, âm ngắt ra trên mặt đất; tên lính-lệ ngậm ngậm nước lạnh, rồi nâng đầu Phùng-Ngọc lên, phun nước vào mặt, Phùng-Ngọc bâng khuâng một hồi lâu mới hơi tỉnh tỉnh. Quan huyện thét lên rằng :

— Cung-xưng cho mau mau lên !

Phùng-Ngọc cãi lại rằng :

— Bất Hoảng Phùng-Ngọc này chiêu-xưng việc gì cơ ư?

Quan huyện nói :

— Mày dục-dẫn bọn mán mèo dề mưu sự phản-ngịch có phải không?

Phùng-Ngọc nói :

— Quả tôi không có thể, trời cao đất dày đều soi xét cho tâm tôi.

Quan huyện cả giận mà rằng :

— Đánh cho rồ một trận nữa.

Quân lính-lệ dạ dạ, giơ roi còn đánh cho một trận, làm cho Phùng-Ngọc phờ dẫu xoa tóc, âm ngắt ra trên mặt đất. Quan lính lại lấy nước phun cho tỉnh. Quan huyện nói :

— Bấy giờ mày đã chịu chiêu-xưng chưa, hay nhất-định không xưng?

Phùng-Ngọc nói :

— Bụng tôi đã có trời đất biết, ngoài ra tôi không biết cung-xưng việc gì cả.

Quan huyện lại sai lính lấy dúi ra khảo cho một hồi. Phùng-Ngọc lại chết ngất đi hồi lâu mới tỉnh ra dần dần, song người đã khốn-quyện nằm dúi ra ở mặt đất, không ứng - đáp gì được nữa. Quan huyện sai hãy khiêng ra để

ngày mai lại tra hỏi. Quân lính bèn khiêng Phùng-Ngọc ra tống vào nhà tù, đem siềng sắt siềng lại, rồi khóa chặt cửa lại giao canh. Thương thay Phùng-Ngọc là con người văn-nhã sang trọng, mà phải chịu những sự hình-phạt độc-ác thế này, giam vào trong ngục, một hớp nước cũng không ai cho uống, dần dần huyết nất lên mà chết ngất đi, hồn-trần bất-tĩnh nhân-sự, hồn lìa phần xác, theo hồn đít vụt đi, cứ theo gió mà bay đi mãi, vì to-tưởng núi Gia-quế, bèn bay mãi đến trước miếu Đô-bối đại-vương, thấy có một vị nương-nương chạy ra, mình mặc áo hồng-bảo, đầu đội mũ phi-bạch, Phùng-Ngọc tưởng là Lý công-chúa gọi to lên rằng :

— Công-chúa cứu tôi với !

Người con gái ấy trông thấy Phùng-Ngọc khóc xui-xút mà nói rằng :

— Thiếp không phải công-chúa, là nữ-tướng theo dưới cờ công-chúa tên là Hứa Ngọc-Anh đây. Ông hãy theo tôi đến đây đã.

Phùng-Ngọc nghe lời theo vào trong ngục-thất, Ngọc-Anh bèn chiêu - hồn vào trong hồn đất, lấy tay sẽ xoa đi xoa lại rồi nâng lên lấy bàn tay ấn một cái thật mạnh, Phùng-Ngọc thất-kinh tỉnh dậy kêu lên một tiếng rằng : « Giết chết tôi rồi ! » Mở mắt ra xem thời thấy sao sáng vằng vặc, sương sa nịt mù, chẳng thấy Hứa Ngọc-Anh đâu cả, vằng vặc nghe tiếng trống điểm canh tư. Phùng-Ngọc bấy giờ trong bụng nôn nao, có ý trần trọc ọc thò, rồi thò ra hai viên hồng-hoàn, mùi thơm sực nức, Phùng-Ngọc bèn nhặt lấy xem, cả kinh mà rằng :

— Hồng-hoàn này là khi ta cùng với nhạc-phụ đến núi Long-hồ, gặp Hoàng sơn-nhân tặng cho, làm sao bây giờ lại thò ra đây ?

Nói rồi liền nhặt lấy hai viên Hồng-hoàn đưa vào miệng sẽ nhai nhỏ ra

rồi dần dần nuốt đi, thời thấy cốt-tiết khắp trong mình rã dần dần, rồi thấy trong bụng sảng-khoái, quên mất cả sự đau đớn, tinh-thần lại tỉnh táo như xưa, cả mừng mà rằng : « Hoàng sơn-nhân trước kia bảo rằng : « Uống hồng-hoàn này thì khỏi được cái nạn phi-thương » quả như lời tiên báo đã nghiệm thời chắc cũng chẳng can sao » Phùng-Ngọc nghĩ vậy nên trong bụng khoan-khoái bèn bắt cong cánh tay mà nằm nghỉ. Sáng sớm ngày, quân lính canh đẩy cửa vào xem, thời thấy Phùng-Ngọc không hề chi cả, lấy làm sợ hãi mà rằng :

— Người hôm qua phải chịu hình phạt đau đớn như thế, sao cách một đêm mà lại khỏi hết được như cũ, hay là có phép thuật gì chăng ?

Phùng-Ngọc cười mà rằng :

— Nào có phép gì đâu chỉ là nhờ trời thương kẻ thiện-nhân, tự-nhiên có người lại cứu giúp cho đó mà thôi.

Nói chưa dứt lời thời thấy mé trong có người thét lên rằng :

— Linh canh ở đâu ? quan lớn truyền giải tên tù-phạm hôm qua là Hoàng Phùng-Ngọc lên hỏi.

— Linh canh nghe lệnh truyền liền giải Phùng-Ngọc vào quí trước công-đường. Hồng Nhất-Giáp nói :

— Bản-chức hôm qua mộng thấy hai nàng tiên-nữ tự trên không bay xuống, một người ước độ 20 tuổi, một người độ 15, 16 tuổi, tự xưng là Châu-thư, Vân-muội phụng-mệnh Hứa phu-nhân đến nói với bản-chức khoan-xả hình-phạt cho người, sau này sẽ có người đến cứu người. Sáng hôm nay phu-nhân ta trở dậy cũng kể mộng hợp y như bản-chức, hiện nay phu-nhân ta trên trần có phát ra một cái nhọt đỏ lớn bằng một cái chén trè, không ai chữa khỏi, bà Vân-muội có bảo phu-nhân ta rằng : « Nếu hay bảo chồng

khoan-xả hình-phạt cho Hoàng-lang thời chữa cho khỏi nhọt, liền thò vào trong tay áo lấy ra một con dao con cắt ngay cái nhọt ở trên trán phu-nhân ta, mà không đau đớn chút nào, sớm hôm nay trở dậy lại lành lặn như cũ, xem như thế thời người thật là oan-uổng. Song quan Đốc-phủ vốn thù hằn với Lý công-chúa ở trại Gia-quế, bản-chức nếu không tra được đích-thực tội phản-ngịch của người, thời bản-chức cũng không khỏi quở trách, sợ rằng lại dă-lụy đến người mà phải giải đến nha-môn khác để tra hỏi, gì bằng người hãy cứ cung-xưng ra để bản-chức làm thành văn-án qua loa để trình, như thế thời người có thể thung dung đợi cứu được, ý người nghĩ sao?

Phùng-Ngọc lúc mới còn sợ quan huyện đánh lừa, nhất định không nghe; sau thấy nói đến Hứa phu-nhân nghĩ ngay ra là Hứa Ngọc-Anh lại đến cứu mình, song còn Châu-thư Vân - muội không biết là ai? chợt lại tỉnh-ngộ nghĩ ra rằng ý hẳn hai chị em người thuyền

chài hôm trước dễ thường cũng là tiên, nghe như hai câu ca chèo đồ rõ là có cái thủ xuất-trần tiên-sái. Tôi sống chết đã có mệnh trời, chẳng lo chi mà sợ, Phùng-Ngọc nghĩ vậy bèn thưa với Hồng Nhất-Giáp mà rằng :

— Đã nhờ lượng quan lớn giúp đỡ cho, tôi xin cung-xưng tàm ra đây, để nhờ ngài liệu xử.

Hồng Nhất-Giáp cả mừng, truyền đem Phùng-Ngọc tàm tổng giam, cấm những quán lính và tù-dồ không được hành-hạ, bề xét tên nào trái lệnh mà sách nhiễu, thì phải trọng-trách. Quan lịch vắng lệnh giải Phùng-Ngọc tổng giam và truyền lời quan huyện dặn bảo cho quân canh biết đều phải tuân lệnh cả. Thực là :

*Mắc oan thương nỗi người vô-lội
Cứu hộ còn mong kẻ hữu-linh*

ĐÔNG-CHÂU dịch

(Còn nữa)

Cải-chính những chữ lầm trong bài tiểu-thuyết tây số báo Nam-phong 57

Trang 220, dòng 11 chữ « Clartie » này sửa là « Claretie »

Trang 220, dòng 15, chữ « sels » này sửa là « tels »

Trang 229, cột thứ nhất, dòng 19, câu : « Nàng còn ở... » sửa là : « Khi nàng còn ở. . »

Trang 229, cột thứ nhất, dòng 25, câu : « được xong mục-dịch... » sửa là : « đạt xong... »

Trang 229, cột thứ nhì, dòng 12, câu : « thì cây cỏ thụ... » sửa là « thì một cây cỏ thụ... »

Cùng trong số 57 trang 212 bài tản-văn : Du Ngọc-tân ký đổi là « Du Ngọc-tân ký »

VĂN-UYÊN

THƠ NGŨ-NGÔN

Dùng đồ sứ An-nam

Khi tôi ra chơi chợ,
 Mua được món đồ sứ.
 Trở về đi ngang đường,
 Gặp hai ba ông cụ.
 Ngẩn ngía cầm lấy xem
 Khúc khích cười rằng hớ.
 Tôi hỏi hớ làm sao ?
 Nói rằng đồ Nam đó
 Thừa không phải đồ Tàu,
 Men đục mà đáng rợ.
 Mất cá lẫn hạt châu,
 Không tinh thì nhầm nhớ.
 Tôi rằng ta ở đâu.
 Ta ở đất Á-châu
 Nước tên gọi Nam-Việt,
 Sao thuộc phận Đông-Âu
 Hùng-vương là thượng-tổ.
 Dòng dõi sinh đã lâu.
 Người Nam cùng đất Việt,
 Cắt rốn lại chôn rau.
 Mong cho nước ta mạnh,
 Mong cho nước ta giàu.
 Mong giàu và mong mạnh,
 Làm người phải nghĩ sâu.
 Ấm sốt mẹ con lửa,
 Đồ vật tiêu cho nhau.
 Chớ có tham thanh lịch,
 Xin đừng chuộng lạ Tàu.
 Ngồi nghĩ sự phải trái !
 Buồn tênh cái thế-thái.
 Của người là khéo khôn.
 Của mình là vụng dại.
 Coi người như thánh thần,
 Nhận mình là con cái.
 Minh tự rẻ mình đi,
 Người ta khinh mình mãi.
 Bao giờ biết nghĩ ra,
 Ta cứ dùng đồ ta.

Nhà quê và kẻ chợ,
 Người trẻ với người già.
 Hễ đến mua đồ sứ,
 Mua của nước Nam nhà.
 Bấy giờ không hề-chế,
 Của mình cũng không ế.
 Tiền ta cùng lưu-thông.
 Của ta không lưu-trệ.
 Người này muốn hưng-công,
 Người kia muốn chế nghệ.
 Ai ai cũng lăm tiền,
 Điều hay khôn biết kể.
 Suy trong một nghề này.
 Muôn nghìn nghề cũng thế.

Tùng-khe DƯƠNG-BÂN

THƠ THẤT-NGÔN

Mừng báo Nam-phong

Gió nam lộng lẫy mấy tinh sương,
 Dậy tiếng đàn thơ điệu Thuần-hoàng.
 Rộng mở hết tan trời hạ-thử,
 Cảnh hồng nở khắp đất Viêm-phương.
 Thôi mười tám triệu người khai-hóa,
 Quạt bốn nghìn năm nước cải-lương.
 Nền cũ vẫn . phong xoay lại mới,
 Lời vàng xin nhớ bức Thần-chương.

TRẦN-QUANG-HUYỀN
 Viên-Tiane (Laos)

I

Vịnh Cao-Bang toàn hạt

(Họa vào ống Nam-Xuyên năm 1915)

Một góc biên-thùy cảnh đẹp thay !
 Trời Nam riêng đúc tỉnh Cao này.
 Hiến Sầm in vẽ phong-quang nọ.
 Lê Mạc ghi nền cổ-tích đây.

Nửa tấm thạch-bàn hai phủ giữ,
 Một vùng xuân-sắc tám châu vây.
 Khen ai đắp đê giang-sơn ấy,
 Thăng-cánh từ xưa chếp đến nay.

II

Vịnh Cao-Bằng di tích

Bốn ngọn non cao đá chập chồng,
 Ba dòng sông cuốn nước xanh trong.
 Ngìn năm hương-hỏa Lê còn miếu,
 Mấy độ thăng trầm Mạc luống cộng.
 Bình-hỏa nền xưa người cảm-khái,
 Phồn hoa lối mới buổi thông-dồng.
 Hiếu Sầm đã khác nơi tiêu ần,
 Bạo đức ai người mặt chủ-ông?

III

Vịnh Cao-sơn đồn

(Cao-Bằng)

Thợ tạo xây chi cảnh lạ lòng?
 Thiên-thai lối ấy phải hay không?
 Quanh co sườn núi đường hai ngã,
 Róc rách đầu non nước một dòng.
 Nhà cổ chen theo làn khói biếc,
 Thềm hoa kê sẵn bóng trăng trong.
 Cảnh thanh, thanh cả người du-thưởng,
 Lưu Nguyễn là ai nhẩn hoi cùng.

IV

Vịnh Bà-dương thành

(Cao-Bằng)

Phong cảnh Bà-dương lắm vẻ xinh,
 Non non nước nước biết bao tình.
 Đền thiêng khói tỏa rêu mờ tỏ,
 Đồng phẳng mưa thuận nước trắng xanh.
 Suối chảy từ-từ ngư đớp nguyệt,
 Rừng sâu thăm-thẳm điều cầm canh.
 Văn-minh chưa tới miền lâm-dã,
 Này thú yên-hà buổi cạnh-tranh

Đồng-Lân hoài cổ

(Chùa Đồng-Lân cách thành phố Cao-bằng
 chín kilômètres)

Dầu bề từng bao sự đổi thay,
 Chùa Lân lại tới ngõ then mây.

Bia mờ tuế-nguyệt rêu phong kín,
 Tháp dài phong sương cỏ mọc đầy.
 Vu-thủy hồi chuông nghe vẫn lắng,
 Cù-sơ mảnh đá vững khôn lay.
 Lối xưa đàn-việt người đâu tá?
 Kia lù hàn-nha rừ cánh bay!

NGUYỄN-KIỆM

Postes-Télégraphes Cao-bằng

Vịnh Thủy-Kiều

Sắc tài rất mực phận mong manh,
 Oan đến sông Tiền mới rửa thanh.
 Một bước nhờ nhàn duyên chĩ thắm,
 Hai lần vương viu nợ lâu xanh.
 Khúc đàn bạc-mệnh tơ chưa dứt,
 Giấc mộng vô-duyên kiếp đã đành.
 Hiếu nghĩa thể mà lưu-lạc thể!
 Nghìn thu thêm dề mối thương-tình.

PHẠM HUY-TOẠI

Tri-huyện Gia-bình

Thu-hoài cảm-tác

Cảnh thu tiêu sất gợi cơn sầu,
 Ngán nỗi trần ai cuộc bể dâu.
 Lối trước người xưa đâu vắng nhỉ?
 Sương mù gió lạnh xót canh thâu.
 Nhìn xem cảnh cũ lòng như giục,
 Ngắm nghĩa trắng thề dạ quạnh đau.
 Nào bạn kim-lan ai đó tá?
 Niềm riêng biết có tỏ cho nhau?

Trạnh niềm lữ-thứ

Thì giờ thăm-thoắt ngót ba dòng.
 Gối chiếc chăn đơn chốn túc-phòng.
 Lúc đứng khi ngồi dơ-dáng bóng!
 Hết mơ cùng tưởng ngẩn-ngơ lòng!
 Sớm hôm nhờ cậy ai thăm hỏi,
 Ngày tháng ra vào những nhớ mong.
 Đôi chữ «Hiếu Trung» vai gánh nặng,
 Đạo làm thần-tử biết bao xong!

Đồng-Thanh CHU VĂN-ỪNG

TẢN - VẤN

VĂN-CHƯƠNG VÀ NHÂN-VẬT TRONG TRUYỆN THỦY-KIỀU

(Dùng thể vấn-đáp)

Khách có kể hỏi Tùng-vân đạo-nhân rằng :

— Phàm văn-chương mà đã nên giá-trị bất-hủ, chắc là có cái năng-lực đủ khoái-chá ở miệng người, vui-thí ở tai người, làm - nhuận ở óc người, khiến cho người ta không bao giờ có thể quên được, thế mới gọi là bất-hủ.

Văn - chương trong truyện Thủy-Kiều ở nước Nam ta, thực là văn-thể bất-hủ; chẳng khác gì một bức tràng-thành đề hộ-vệ cho nam - âm, bức tràng-thành ấy còn thì nam-âm hãy còn, bức tràng-thành ấy mất thì nam-âm mới mất; nhưng tôi chắc rằng bậc tiên-dân ta xây đắp nên cái tràng-thành ấy, đã đủ cái tư-cách dãi dàu được nắng mưa, ngăn chống được sóng gió, không bao giờ có thể mất được.

Tôi chỉ tiếc rằng bản in và lối chữ về đời trung-cổ đã đơn sơ, lại trải bao nhiêu mồ hôi tay những kẻ đa tình; cho đến ngày nay, hoặc có chỗ nhem nhật, hoặc có chỗ sai lẫn; thậm chí có chỗ nghi ngờ, mà phải lấy ý tứ riêng của mình luận ra từng chữ từng nghĩa, mới đọc đi được.

Tôi vì thế tôi lo. Nay tôi muốn đem cổ-văn thay ra kim-văn, đem sách cũ làm ra sách mới; câu nào nên đặt lại, chữ nào nên chữa đi, tôi xin lăm-bút đặt hẳn lại chữa hẳn đi, kỳ cho được hoàn - toàn; làm ra một bộ tối-tán Thủy-Kiều đề văn-thể, sự đó nên chăng ?

Đạo-nhân ngồi nín lặng, lâu lâu, rồi đứng dậy thưa với khách rằng :

— Sự đó cũng là một sự có tình với văn-chương và có hiếu với sách; nên lắm ! nên lắm ! nhưng mà, xin khách hãy ngồi đó; tôi có một câu chuyện thí-dụ rộng rãi, tôi xin thưa chuyện với khách :

Xưa kia có một ông cụ nhà giàu, tính lại hay hiếu-cổ; trong nhà có một cái đồ sứ cổ, da nó như ngọc, tiếng nó như vàng; mà cao lớn, vững vàng, nhuần nhả, xinh xắn, trông như thể có con gái nhà danh-giá; khắp cả nước ai ai cũng lấy làm quý.

Nhưng của đã lâu ngày, da nó hơi cũ, men nó hơi mờ; nét vẽ thì nét xa nét gần, nét chim nét nổi, nét đậm nét nhạt, nét đứt nét liền; cũng có nét nhìn kĩ mới thấy; cũng có nét trông xa thì thấy, nhìn kĩ lại không thấy.

Chao ôi ! trong chốn nhọc - lữ nhọc-vô ấy, cứ lấy cái sức con mắt của người kim-thời mà xem ra, thời không bao giờ có thể trông thấy rõ ràng hết cả được; cũng đáng tiếc thay ! mà muốn nghìn năm về sau chẳng nữa, cũng đáng lo thay !

Có một ông giáo-sư thợ lò lại xem, ông thợ ngửa than dài ít lâu, rồi ông nói rằng : « Cái đồ này cổ thì cổ thật, quý thì quý thật, nhưng không được hoàn-toàn; tôi đây cũng là con nhà nghề-nghiệp, còn nhà tư-tướng; tôi hấp men tài, tôi vẽ cũng khéo; duy cái cốt nó thì tôi chịu; tôi chỉ xin mài gọt, và viutô-diêm vẽ vời, chỗ nào đen tôi mài cho trắng ra, chỗ nào mờ tôi diêm cho rõ ra, chỗ nào nhạt tôi vẽ cho đậm lại, chỗ nào đứt tôi vá cho liền lại, thế thì của cụ mới được hoàn-toàn ».

Ông cụ lấy làm mừng lắm, thưa rằng: « Vàng, vàng, nay nhờ tay đôi trắng thay đen, chuốt hồng tở lục, mà cái đồ cũ-kĩ của tôi được rạng vẻ với đời; may ra tôi được lợi-quyền mà ông cũng được danh-dự; sự đó tôi xin quyết ».

Chợt có một ông bác-vật lại xem; hai người cùng thuật lại ý-kiến trước sau; ông bác-vật nghe nói giật mình, vội vàng bảo hai người rằng: « Chớ! các ông tuy là có tấm nhiệt-thành yêu đến cổ-nhân, yêu đến thiên-hạ đồng-bào vạn-thế về sau đây thật. Nhưng, cái cách-thức của các ông hoàn-toàn cho cổ-vật như vậy, tôi biết tưởng còn gì là cổ-vật nữa mà nói sự hoàn-toàn; tôi học-vấn tuy rằng thô-thiền, nhưng tôi cũng có thể qua-sát lĩnh-hội được ít nhiều.

« Tôi xét ra, cái đồ này không phải là cái đồ ngấm nghĩa để mua vui; những kẻ tầm-thường chỉ biết khen cái đồ này là trong ngọc, là trắng ngà, là cần-tâm, là tú-khẩu, chẳng qua là cảnh hơn đem bán vào thuyền lái buôn đây thôi, ai tri-âm đó? ai tri-âm đó?

« Tôi chắc rằng cái người này khi xưa làm ra cái đồ này, có chí hiếu-trung, đem tâm tru-ái; trải qua mấy cuộc bể dâu, ngậm đắng nuốt cay ở trong vòng tai mệnh; ngồi ngang trăm mối bên lòng, không biết lấy gì để mà ngu trong lí-hình được; vậy đem học-vấn tư-tưởng kết-cấu lại mà làm ra cái đồ này; cho nên cái đồ này xem ra có chất kỳ, có vẻ lạ, lại có hồn thiêng!

« Nay phong-lưu nét bút, tài thực thiên-tài! trang trọng màu da, sắc rõ quốc-sắc! đậm-dậm nhạt-nhạt, mây gió toai-bời! dặt-dặt diu-diu, yến-oanh chấp-chới! gõ lên tiếng nặng tiếng nhẹ, cay nồng như trêu mầu ghen-tuông; bày ra thế vuông thế tròn, kỳ-chinh như quay vòng chiến trận; bóng bày

làn thu-thủy! tươi tỉnh nét xuân-sơn; sáng sủa rõ ra tuyết tinh-thần; trong trẻo rõ ra mai cốt-cách; vậy nên người đời sau ai ai cũng lấy làm kỳ tuyệt! kỳ tuyệt! mà chưa ai có thể học được.

« Tôi lại chắc rằng người này khi làm ra cái đồ này, cũng mong cho người đời sau có kẻ biết mình, và khôn khéo hơn mình; mà các ông ngày nay có qui bầu đến tâm - huyết của cổ-nhân, muốn truyền bá những cái cổ-tích văn minh cho đương-thế chẳng nữa, cũng là một cái trách-nhiệm của các ông, duy, các ông đối với cổ-nhân, nên nghĩ sao cho vẻ vang là con người hiếu-tử; các ông đối với lai-thế nên nghĩ sao cho xứng đáng là một kẻ hữu-tình. Nếu các ông vội vàng như vậy, chẳng hóa là vô-vị với cổ - nhân, vô-tình với lai-thế lắm ru!

Câu chuyện thí-dụ rộng-rài như vậy, không biết cao-minh quân-tử có xét cho chăng? »

Khách ngồi lặng ít lâu, gật đầu, đứng dậy vỗ tay, cười ha ha, rồi lại có ý bần - khoả mà nói rằng :

— Cứ như lời tiên-sinh thí-dụ như vậy; thế thì quyền sách qui bầu kia, chỉ nên để vậy những lối điển-tích ở trong danh-sơ, phó mặc cho con đồ-ngư ở trong nhà thạch-thất thôi chứ; không nên phô bày ra thế-giới hoàng-kim xếp đặt lên cửa hàng đồ - cầm nữa ru?

Đạo-nhân thưa :

— Dâu có lẽ thế! dâu có lẽ thế! phạm tu-soạn đến những sách-vở của bậc tiên-dã, trước phải hiểu ngay một lẽ rằng: bức ảnh truyền-thần, cốt giữ lấy chân-dung của người trước; mảnh gương truyền - thế, còn mong về tuệ-nhơn của người sau.

Nay đại-nhân có muốn sửa sang lại quyền sách nào chẳng nữa, nên cứ y nguyên bản mà lục vào; hoặc câu nào chữ nào nên thay nên đổi, thì chưa

riêng ra ở từng dưới rằng: chữ này nên thay làm chữ này, câu này nên đổi làm câu này; rồi giải lấy nghĩa cho dịch-sắc, khảo lấy điển cho tinh-tường, phê-bình biện-luận lấy mọi lẽ cho hùng-dật tân-ký, thế cũng đủ có sự-nghiệp có danh-dự; hà-tất phải ngửa nghề với người trước, mà bưng mắt lại người sau.

Tôi còn nhớ khi xưa ông Khổng phụ-tử biên sách Xuân-thu, chẳng thêm lời « hạ-ngữ », không phải là dốt; ông Trình Y-xuê soạn văn Đại-học, để vậy chữ « thân-dân », không phải là lăm; là thảng hiều cốt giữ lấy tín-bút; khiến cho quვენ sách của mình soạn ra, nghìn năm về sau vẫn còn giá-trị, há những lợi - dụng lấy một chốc mà thôi; nay tôi khen đại-nhân có cái tư-tưởng văn-minh, tôi lại muốn ký vọng cho đại-nhân lấy cái sự-nghiệp thánh hiền; mọi lẽ tôi thừa đó, là cái lẽ chung của xã - hội, không phải là cái ý riêng của mình tôi; tôi chắc đại-nhân là kẻ cao-minh, vậy tôi dám xin ngỏ lời với tri-kỷ.

Khách bâng lòng lăm, rồi hỏi tiếp ngay một lẽ thiết-yếu nữa rằng :

— Xem truyện Thủy-Kiều, có ích gì hay không ?

Đạo-nhân thưa :

— Sách nào xem cũng có ích, chẳng những truyện Thủy-Kiều; phạm xem sách cốt phải có óc mình, thì mới có ích; nếu người ta xem mình cũng xem, người ta thuộc mình cũng thuộc, người ta ngẫm - ngẫm mình cũng ngẫm - ngẫm, người ta bảo rằng hay mình cũng bảo rằng hay, người ta bảo rằng dở mình cũng bảo rằng dở, mượn óc người vào óc mình thì vô-ích lắm.

Khách lại hỏi :

— Thế thời tiên-sinh có thể đem cái óc khôn-ngoaan sắc-xảo của mình soi xét ra từng người từng việc trong truyện Thủy-Kiều mà thị-phi cho rạch ròi được không ?

Đạo-nhân mới thung - dung ngồi xuống mà thưa rằng :

— Tôi có khôn-ngoaan gì đâu, sắc-xảo gì đâu; nhưng tôi đã là người trót ta mang về mấy câu truyện Thủy-Kiều tôi cũng không có thể tránh sao cho khỏi cái tiếng hão khôn-ngoaan, cái phần thừa sắc-xảo ấy được.

Nay tôi xét ra, nhân-vật trong truyện Thủy-Kiều, thực là một bức tranh đủ mọi vẻ ở trên nhân-thế; những vẻ nhỏ nhặt không kể chi; song cũng đủ làm gương cho mắt tục, làm bìa cho miệng đời, được siu về người; nay tôi xin giải ra từng vẻ mà tôi rỏ ràng điểm-xuyết ra như sau này :

1. — Bàn về cậu Kim-Trọng :

Giống người chim ra có ba bậc: bậc thái-thượng thì vong-tình, thanh-hư tịch-mịch, như loài tiên phật vậy; bậc hạ-ngu thì bất-cập-tình, có vận-dộng mà không có quan-cảm, có chọc-xác mà không có linh-hồn, như loài cầm-ngư mộc-thạch vậy; hai bậc ấy tuy một trời một đất, một thánh một phàm, nhưng xét ra cái sung-sướng cũng có phần ngang nhau; vậy cổ-ngữ có câu rằng : « Kiếp sau xin chớ làm người, làm cây thông đứng giữa trời mà reo. » mát-mẻ lắm thay ! sung-sướng lắm thay ! Dạy, khổ nhất là cái giống đa-tình; nổi chìm trong bể ái, lăn-lộn trong cơ duyên; nợ đời dan-diu, kia chớ trả mà rắp những vay; sức mọn lăm-le, muốn vật ngã trời mà vật không nổi; nào là khóc cười cười khóc, nào là dang dở dở dang, nào là oán cuộc đời xoay xỏa, nào là trách con tạo lật lữa; thương ôi ! « Tháo em như thể bàn cờ, xoá đi bày lại bao giờ cho xong. » chỉ vì một chữ tình, nên nóng nổi vậy.

Nhưng, xét ra cho kỹ; nếu loài người ai ai cũng tiên, cũng phật, cũng mộc-thạch, cũng cầm-ngư, thiết-tướng thế-giới cũng không còn gì là thế-giới

nữ; duy, loài người có lắm kẻ lắm-le, lắm người dan-diu, xuất-hiện vô cùng thời cuộc diều-dài ở trong thế-giới mới có lắm kịch hay; cho nên bao nhiêu anh hùng hào-khết tài-tử giai-nhân xưa nay, đều là những kẻ xuất-thân trong hội đa-tình, tốt-nghĩa trong tròng khổ-não mà ra cả.

Duy, trong cái giống đa-tình, lại có chia ra hai giống: một là giống chung-tình; hai là giống si-tình.

Chung-tình nghĩa là chung-tình với người tri-kỷ; trong khi nam-nữ tương ngộ, chỉ bậc thượng-lưu là có cái nhãn-quang và cái tâm-tuyệt lập định được hai chữ tri-kỷ mà thôi; hạ-lưu thời tuyệt-nhiên không bao giờ có.

Phàm đã gọi là tri-kỷ rồi, thời những lời vàng đá quyết không phải là lời nói không; duy cơ trời dẫu bề, ghê gớm thay là những thói đa-doan; nên chi người đời xưa Tư-Mã loan-hoàng, cũng có khi phải biến thông ra Đồ-lãng huynh-muội; coi vậy thời lấy được nhau mà nên vợ nên chồng là tri-kỷ đã đành; không lấy được nhau mà nên anh nên em nên bè nên bạn, cũng vượn là tri-kỷ; cốt sao cho một mảnh chung-tình, ghi tạc với non sông, trăm năm nghìn năm trông thấy bóng trăng không thẹn là đủ.

Là vì những kẻ vĩ - nhân quân - tử xưa nay, còn phải gánh vác với xã-hội về phần nhiều; vậy trong khi hội-ngộ, tiếng rằng xuân-tâm dầm thắm, vườn y-nhiên là thu-khí tức-thanh; trước là đề mà giữ gìn lấy danh - tiết cho kẻ đàn bà, sau là liệu mà xan xẻ lấy cơ-quyền với ông tào - hóa; thế mới thật là tri-kỷ mới thật là chung-tình!

Nếu không biết cái chân-lý sắc-giới đó là khói-g-loa, xuân-trăng đó là ảo-mộng; chỉ biết lẫn-lóc mà gieo mìn-h vào, băng-khuáng mà líp mắt lại, thì thật là si lắm!

Cậu Kim-Trọng cũng là một cậu si-tình dấy thôi; kể từ khi ngàn liễu dậm xanh, giong cương ruổi ngựa; cho đến lúc vườn hồng hiên thủy, quạt ước trăm thê; cho hay là thói hữu - tình, thói cũng không ai nỡ trách chi cậu; duy, cậu nguyên không phải là con người kim-ngọc quân - tử, không đủ cái tư - cách giao - thiệp với những người lan-cúc giai - nhân; có Thủy-Kiều mấy phen sang hội-ngộ với cậu, là vì nặng lòng với tri-kỷ, nguyên không phải là con người đem thân bằng tuyết lạc lối Bộc Tang; cậu có phải là chung - tình chăng nữa, chỉ nên ghi-tạc lấy những lời sơn-hải, rồi liệu về tìm kiếm lấy những cách mối manh; khiến cho cặp sách túi đàn, xứng đáng là con người đạo-học, chẳng quân-tử lắm ư? Sao cậu đã vội bắt chước ai những cái thói nổi trận mây mưa loan những xiêu nền vàng đá như vậy? Nếu có Thủy-Kiều không biết giữ gìn lấy một chút trinh-tâm, thời cũng chẳng khác gì con Thôi-Oanh - Oanh nhục bẽ một đời; có Thủy-Kiều đoan - chính dễ nghe như thế nọ, cậu Kim - Trọng là lời khó coi như thế kia; Kiều-nương, Kiều-nương, chớ nên nhận lầm Kim-si-lang là tri-kỷ.

2. — Bàn về bác Thúc-Sinh :

Xưa nay cái vấn-đề sợ vợ, vượn là cái vấn-đề khó giải-quyết. Than ôi! bọn mây râu kia, đường-duong là một kẻ trượng-phu như vậy; bọn quần thea rọ, tiếm-tiếm là một người nhuộc-rũ đó thôi. Có làm sao phép chị Hà-Công có plăm nghiêm hơn than thánh, tiếng con su-tử có phần lớn hơn lời-dinh? Tội bằng-quan thế-cổ đã lon hai mươi năm nay, vượn chưa tìm được cái cơ gì để mà giải-quyết.

Sau mới xét ra, những người sợ vợ, đại-đề là những người vợ có thế-lực; mà trong khuôn thế-lực ấy, lại bao-

hàm có bốn cái tính chất : 1^o là phẩm-giá hơn chồng ; 2^o là tài-trí hơn chồng ; 3^o là sản-nghiệp hơn chồng ; hoặc bốn nữa là vô-doan khẫu-thiết, và vô-lý hành-vi hơn chồng ; rồi trong một nhà thành ra chỉ có cường-quyền mà không có công-lý ; người chồng gặp phải cảnh ngộ ấy, mất hẳn cái quyền tự-do ở đời, còn vui thú chỉ là sự làm chồng nữa.

Lại xét ra cho kỹ, cái cảnh-ngộ lý-kỳ ấy ; một là do người vợ nguyên có tư-cách gặp phải người chồng hư hỏng, bất-đắc dĩ phải ngậm quả bồ hòn, thao - túng lấy cậu trẻ danh ở trong tay để giữ gìn lấy gia-nghiệp ; hai là do người vợ nguyên không có giáo-dục, người chồng lại không có cái tài công-minh xử-đoán, chỉ nhân-nhuần-nhân cho qua tháng qua ngày, rồi dần dà như cái mũ mất nếp, không ai có thể chữa lại được nữa.

Tóm lại mà bàn, cũng là chỉ tại người chồng quen thói ỷ-lại xưa nay, không biết tự-tạo lấy thể-lực ; nay muốn tự-tạo lấy thể-lực, thì không gì bằng tu-thân ; rồi dần dần thu-thập lấy những quyền giáo-dục, những quyền kinh-tế trong một nhà ; khiến cho ai nấy đều phải nể mình, mình còn phải sợ chi ai.

Chao ôi ! Con người ta ở đời phải nên có thể-lực ; ở trong một xã-hội, nên có thể-lực trong một xã-hội ; ở trong một gia-đình, nên có thể-lực trong một gia-đình ; cái thể-lực ấy khi ông phải là chuyên cậy về sự vũ-đoán mà được đầu ; hề có đạo-dức, có học-vấn, có sản-nghiệp, thì là con người có quan-hệ với đời, làm người đã có quan-hệ với đời, thì cái thể-lực của mình tự nhiên nó sinh ra ; vậy thì cái thể-lực gốc ở thân ta, không phải cầu đầu mới có thể-lực.

Nay hãy đem ngay sự trong một nhà ra mà chứng-nghị ; nước Bình-guyên-quán có thể-lực, bao bọc lấy ba

ngàn người thực-khánh mà hữu-dư ; chàng Thúc-sinh không có thể-lực, bao bọc lấy một người ái-thiếp mà bất-túc ; có quả thế không ?

Vậy thời cái cảnh-ngộ chàng Thúc-sinh thực cũng đáng thương, cái nhân-duyên chàng Thúc-sinh thực cũng đáng tiếc ; mà cái tư-cách chàng Thúc-sinh thực chỉ đáng làm thẳng ở, cái giá-trị chàng Thúc-sinh thực không đáng một đồng tiền.

3. — Bàn về anh Từ-Hải :

Từ-Hải khi bước lên đường, thanh gươm yên ngựa, trời bề trông voi ; dinh ninh hăng-bái, dạn vợ mấy lời ; tứ phương là chi - khí, không quân chỉ những cái thói nhi-nữ thường-tình ; kẻ cũng ra cách anh-hào đấy thật ! Nhưng xét ra cũng không có chủ - nghĩa gì, chẳng qua là ngổl phú-quí mà đi làm giặc.

Xét trong linh-sử nước Tàu, là kẻ sắt-phu nổi lên, mà cầm quyền một nước, vang-vẻ muôn thu ấy, chỉ có hai người : một là ông Lưu-Quí đời Tần ; hai là ông Chu Nguyên-Chương đời Nguyên mà thôi.

Hai ông khi bắt đầu mới khởi-bình đều có cái chủ-nghĩa quan-trọng lớn lao cả.

Một ông thời là vì người Tần vô-đạo, muốn thực-hành cái thủ-đoan chuyên-chế, lợi-dụng cái chính-sách ngu-dân ; bao nhiêu sách-vở của thánh hiền, phổ dãi về đường triết-học về đường luân-lý xưa nay, nhất-thiết hạ lệnh đốt cả đi ; thậm-chí nhà họ Khổng phải đem giấu sách vào trong tường ; thiên-hạ bấy giờ, coi những quyền Tam-phần Ngũ-diễn Bát-sắc, Cửu-khâu, Lễ Nhạc, Chi, Thư, chẳng khác gì là một quyền nguy-tịch ; bao nhiêu dấu-vết văn - minh của nước Tàu, tay người Tần phá-hoại đi gần hết ; chính-sách nhà Doang-Tần tàn ngược như vậy ; ông Lưu-Quí là kẻ hào-kiệt, có lẽ nay tống-tù sang Ly-sơn, mai chớ

sắt vào Hàm-cốc, khu-khu làm một chức Đình-trưởng mãi được ư ?

Một ông thời là vì người Nguyên là giống Mông-cổ vào thống-nhất Trung-hoa; Trung-hoa bấy giờ thừa cái văn-phong của đời Tống để lại, đạo-học còn thịnh-hành, cho nên phái nhà Nho bấy giờ là đặc-biệt nhất; người Nguyên không biết lợi-dụng nhà Nho; chia dân-tộc Trung-hoa ra làm mười giai-cấp, nhà Nho đã không được đứng đầu, lại phải đứng xuống thứ chín, ở dưới hạng con-hạt, ở trên hạng ăn-máy; người Nguyên lại cưỡng-bách nhà Nho, bắt phải thụ-giới những bọn tăng-lữ bên Mông-cổ; bấy giờ có một ông quan tại triều thuộc về phái nhà Nho cãi lại rằng: « Tôi đã thụ-giới ông Không-tử nhà tôi rồi. » Người Nguyên hỏi lại rằng: « Ông Không-tử nhà my cũng có giới ư ? » Ông quan ấy đáp lại rằng: « Có, ông Không-tử nhà tôi giới rằng: « Lâm con phải hiếu, làm tôi phải trung. » Cái cách cai-trị của người Nguyên, đối với tinh-thần đối với tôn-giáo ở Trung-hoa, vậy g-về như vậy, ngại g trái như vậy; cho nên về sau dân-tộc Trung-hoa có lắm kẻ bất phục; Trương Sĩ-Thanh khởi lên ở Cô-tô, Quách Quang-Khanh khởi lên ở Hoai-bắc, Trần Hữu-Lượng khởi lên ở Kinh-châu; ông Chu Nguyên-Chương là kẻ anh-hùng, có lẽ nay ở chỗ ở tháp Kim-sơn, mai tụng-kinh ở chùa Tương-thủy, tiêu-dao làm một vị hòa-thượng mãi được ư ?

Cái phú-quí của hai ông ấy, là cái phú-quí của trời đem lại, của người dâng lên; xem ngay như ông Lưu-Quí khi được thiên-hạ rồi, chu-hầu lai-triều, ông mới than rằng: « Ta đến đây nay mới biết cái ngôi Hoàng-dê là qui ». Lại xem ngay như ông Chu Nguyên-Chương khi bình-dịnh được đất Giang-nam, chu-tướng muốn dâng tôn-hiệu, ông gạt ngay đi, ông nói: « Vạn-nhất

bất-cần, thì danh-nhục mà thân ô ». Chu-tướng khuyên mãi, ông bất-đắc-dĩ mới nhận chức Ngõ-công; thờ biết hai ông khi mới khởi-bình, cốt là để thực-hành cái chủ-nghĩa cứu-thế yên-dân, không phải là ngót gì phú-quí.

Mà anh Từ-Hải kia, cũng là một sắt-phu nổi lên; vừa mới nho-nhoe ngọn cờ ở Phúc-kiến, ti-lành tiếng sùng ở Tích-giang; chẳng qua là một cỏi biên-thủy, mà đã toan ni ững sự ghênh ngang cò-quả, lừng-lẫy bá-vương; khi mở trường hùm, xôn-xao là tiếng ti trúc; khi lên mình ngựa, rực-rỡ là vẻ cân đai; chao ôi! Tâm-thường lắm thay! chẳng qua cũng là một phường phó-phang phú-quí, nó gấm không dám đi đêm dấy thời; không ý-kiến gì cả, không chủ-nghĩa gì cả.

Hoặc có người bảo: Từ-Hải vương bá cơ-đồ nhất-dán thất-bại, là bởi vì nghe vợ. Tôi bảo rằng: Không, đời Gia-tĩnh triều Minh bấy giờ, bốn phương phẳng lặng, hai kinh vững-vàng, cuộc chính-trị không nghe sảy ra có sự gì khuy-khuyết; Từ-Hải chạy qua chiêu-tập những quân vô-lại ở hải-lân, thừa-cơ vào cái cứ mấy tỉnh ở biên-phương; anh-hùng hào-kiệt bấy giờ, còn đương lạc-quan về chủ-nghĩa thái-bình, ai dại dốt gì mà đi giúp anh Hoàng-Sao đề nổi giáo cho giặc; Từ-Hải nghe vợ cũng thất-bại, chẳng nghe vợ cũng thất bại; chẳng qua có Thuy-Kiều xấu số, xấu đến cả danh - dự, bỗng không mang tiếng giết chổng dấy thời.

Lại còn một kịch báo-ân báo-oán ở trận tiền; những kẻ tâm-thường vào xem, ai cũng vỗ tay; mà người thức-giã xem ra, thì lại nên cười cho Từ-Hải lắm lắm!

Ông Lưu-Quí khi tri-trực ở Huỳnh-dương, bà Lã-thị vườn còn nhục nhằn ở bên quân Sở; ông Chu Nguyên-Chương khi tung-hoành ở Kim-lã, bà Quách thị vườn còn lưu-lạc ở chốn Giang-Hoài;

hai ông không phải là không nghĩ đến vợ; bởi vì trong vòng đa - nạn, không nên lụy-cập hồng-quần; huống-chi, cái oán chung của xã-hội bao còn chưa xong, cái ân chung của nhân-quần đến còn chưa đủ; dân đã hạ-cấp đến tình riêng trong khuê-khôn, mà hẳn học những cái ân-oán còn con.

Mà anh Từ-Hải kia, bình có mười vạn ở trong tay, sông Ngô bề Sở đã kề tung-hoành; trong năm năm trời, chưa nghe có một cái thủ-đoạn gì đối với thiên-hạ cho khả-niệm khả-quan; chỉ nay thấy « sẵn-sàng phượng - liên loan - nghi, hoa-quan chấp chới lầy rở ràng, » rập - rình đi đón vợ; lại mai thấy « Ba quân chỉ ngọn cờ đào, đạp ra Vô-tích đạo vào Lâm-chi », rộn-rịp đi bao an bao thù; gười thức-giã xem qua kịch ấy, đã ghê thay cho cái vận-mệnh họ Từ! Ngán thay cho cái uy-linh chủ Hải! Chừ nó nức gì mà nó nức, vỗ tay gì mà vỗ tay.

4. — Bàn về ông Hồ Tôn-Hiến :

Ông Hồ Tôn-Hiến đi đánh Từ-Hải, bày cơ-mưu, dẹp cái kẻ phản-đối, để giữ vững lấy cuộc chính-trị, và cứu khổ cứu-nạn cho biêi-dân, là phải; quý thay cái mục-dịch ông Hồ Tôn-Hiến! Khen thay cái cơ-mưu ông Hồ Tôn-Hiến! Lại ghét thay cái tam-thuật ông Hồ Tôn-Hiến!

Ông biết cái tình-thế bấy giờ, Từ-Hải là một tay kiệt-biệt, quân hải-khẩu còn đương hưng - lạng, vật được nó cũng còn say, sẵn được nó cũng còn mệt; ông lợi dụng ngay được thanh guom khuynh-quốc, nắm giữa dạ đứa thiêi-kêu; khẩu súng khuynh-thành, bắn giữa gan tim g đại-dịch; ông cứ án-giáp huu-binh, thì ung-dịng nãi-đó; ông chỉ đợi con lùm thiêi-g khi nó ăn phải bả ngọc vâng tim vóc của ông, nó sa cơ rồi, ông mới giơ tay thực-hành độc-thủ; gọn - gàng lắm thay! Nhanh-nhẹn lắm thay! Nhưng mà nhỏ-

nhẹn lắm thay! tàn-nhẫn lắm thay!

Từ-Hải với ông, đã tin nhau được lời thành-hạ yêu - minh; xét ra Từ - Hải có bụng thành - thực không phải là lừa phản - trác; kẻ thông - minh sao nỡ ngờ, kẻ nhân-hậu sao nỡ giết.

Kia xem như Thủy-Kiều đương khi báo-ân báo-oán, cường-quyền ở trong tay, biết nghe lời phải chăng, mà không giết cái kẻ địch-danh thủ-phạm ấy, là chị Hoạn-thư; thế thời Thủy-Kiều có thông-minh, có nhân-hậu, có công-lý, có khí-tượng văn-minh, Hồ công há không bằng người đàn-bà?

5. — Bàn về chị Hoạn-thư :

Xét trong truyện Thủy - Kiêu, cái người có tâm-cơ có thủ-đoạn có quyền-pháp có ngữ-ngôn, nhất là chị Hoạn-thư.

Lại là một tay soạn kịch khéo; xem như hồi vợ chồng thù - tặc ngồi trên, gọi con Hoa ra ngồi dưới chuốc rượu gây đàn; lại như hồi trước toà phật có hai người khóc khóc than than, dưới sân hoa sinh có một người bước vào cười cười nói nói; hai hồi ấy bao nhiêu quang-cảnh! bao nhiêu thái-độ! bao nhiêu ảo-tượng! bao nhiêu âm-tinh! rất là một tay chị Hoạn bằng-không soạn-xuất mà diễn ra cả, cho thiên-hạ ngắm, cho thiên - hạ xem; chắc chị Hoạn cũng là một tay phong-lưu tài-nữ, tô-diêm thêm cái lịch-sử nãi-gió biển trắng cho chàng Thúc, mà vẽ vôi thêm cái lịch-sử túi hồng then phấn cho em Kiêu.

Chao ôi! Cung trăng soi đến kẻ hữu - tài, ai biết đâu là mùi quế đắng! quả phúc về cho người bạc-mệnh, ai biết đâu là rước dương nồng! vườn Quan - âm mà làm đức Phật-bà, ai biết đâu là tinh-ma mà bày trò quỷ-quái! giam-buộc đâu có lạ đời nhà giam buộc! ghen-

tuồng đầu có lạ đời nhà ghen tuông ! nay tôi không dám chê chị, là bởi vì chị ở chín tuổi có thể trách lại đợc tôi; nhưng mà tôi cũng không dám khen chị, là bởi vì tôi ở thế-gian tôi vướn thường khuyên ai lấy cái nghĩa từ-bi cái lòng quảng-dại.

6. — Bàn về cô Thúy-Kiều :

Tiểu thay ! giờ đến quyền Phong-tinh-lục, trông thấy ngay tên Thúy-Kiều; Thúy-Kiều là con nhà danh-giá, tài có, sắc có, nết na có; cớ sao lại vướn ngay vào cái địa-ngục phong-tinh ? ông xanh-xanh cũng đa-đoan lắm nhĩ! độc-dịa lắm nhĩ! Nhưng không phải, « Trăm năm trong cõi người ta, tu là cõi phúc tình là dây oan » ; khi đi tào-mộ ai khiến khóc mà Đạm-tiên ? khi về trường hoa, ai khiến tưởng chàng Kim-Trọng ? khi khóa phòng xuân ai để thẳng Sở-khanh nó đổ ? khi kẻ trưởng hồ ai xui anh Từ-Hải ra hàng ? giọt lệ chung-tinh, lã-chã đâu ở bên mình phật-tượng; dây đàn bạc-mệnh, ní non đâu ở trước mặt Hồ-công ; lịch-sử Thúy-Kiều, những tình là tình; lịch-sử Thúy-Kiều, những oan-nghiệt là oan-nghiệt ; những bọn nữ-lưu đời sau xem truyện Thúy-Kiều, được soi qua cái mảnh gương oan-nghiệt lầy liếp đó, thực cũng nên khuyên nhau mà tu lại ít nhiều.

Song đó cũng là sợ cái sóng tình ở trên nhân-thế, nó thường lai-lãng vô-cùng, chứa-chan vô-lượng, mà lập-thuyết đó thôi ; chứ nhân-vật cô Thúy-Kiều thực cũng có một vẻ xứng - đáng là nhân-vật.

Chữ hiếu, chữ trung, chữ nhân, chữ nghĩa, ai ai cũng biết là bốn chữ qui ở trên đời; duy, ông Ti-Can lẫn-lóc về chữ nhân, mà đến nỗi thiên-hạ được trông thấy quả tim ; ông Bá-Di ham-mê về chữ nghĩa, mà đến nỗi cái thân không trông thấy hạt thóc ; ông Nịnh Vũ-Tử gánh vác lấy chữ trung, mà đến

nổi mang tiếng là người ngu ; cô Thúy-Kiều ôm đồm lấy chữ hiếu mà đến nỗi hoài thân cho tay bợm. Than ôi ! hiếu trung nhân nghĩa mà sung-sướng mà hiển-vinh, hiếu trung nhân nghĩa cũng dễ ; hiếu trung nhà ; nghĩa mà nguy-hiêm, mà nhọc-nhân, hiếu trung nhân nghĩa mới khó ; phải cái dây luẩn-lý trông thấy rõ ràng, cái sức đạo-đức co-giữ bền chặt mới được.

Lại còn một lẽ khó nữa : Người quân-tử gặp cơn thăng - thốt - nguy-biến, chỉ hơn kẻ tầm-thường có cái định-thức mau mau giải-quyết mà thôi.

Thí-dụ như cá cũng ngon, thịt gấu cũng ngon, hai thứ ngon ấy không có thể kiêm mà lấy cả được ; chắc là phải cân nhắc xem bên nào ngon hơn, rồi sẽ bỏ một bên lấy một bên, mới có thể lập định được miếng ngon mà ăn ; người ta gặp cái cảnh-ngộ lưỡng-nan, phải cân nhắc lấy lẽ phải cũng vậy.

Thúy-Kiều với Kim-Trọng, đã có lời sơn-hải có nghĩa tử - sinh ; thốt-nhiên gặp phải cơn gia-biến, một thân một phận, bên cha bên chồng ; ai xử địa-vị ấy, cũng phải vô-gan rồi ruột, tình quân-lo-quan, dễ mà giải-quyết ngay được ; thế mà tự mình biết cân nhắc ngay lấy chữ tình chữ hiếu, xem bên nào nặng hơn, rồi quyết ngay một bề, làm thân trâu ngựa, để chuộc tội cho cha ; coi vậy thôi làm được một người, kén chọn được một chữ mà cầm, cũng khó lắm thay !

Lại biết đem thoa đem quạt gửi lại em, bắt em ngồi trên, lay rồi sẽ thừa ; ăn-cà bao nhiêu ! trịnh-trọng bao-nhiêu ! xem ra lại có cái khí-tượng kẻ lớn giao gửi việc lớn.

Cái trách-nhiệm của Thúy-Kiều ở trong xã-hội, thế là tạm yên ; đối với non sông, may cũng không hồ ; cho nên đầu lòi-thôi duyên nợ, đem thân bồ-liễu, chống mãi với phong-trần ;

song, cái vẽ bút luân-lý cương-thường, cũng không ai nỡ xóa tên đi được.

Vậy tiện đây tôi xin đọc mấy câu Đờng-luật, đề làm một khúc đề từ, cho người hiểu-nữ ở chín tuổi được yên-hồn.

Đề rằng :

*Đề đầu đã xức chữ hồng-nhan.
Chống với phong-trần gái mới ngoan !
Thoa gửi lại em đánh trợn nghĩa.
Dao liễu với bạn đã ghê gan.
Lối-thời vườn Hoạn hoa thêm cảnh.
Lại-làng sông Ngộ sóng gợn làn.
Chỉ kẻ hôn xuân rồi giấc điệp.
Bán mình một tiếng khét nhân-gian.*

Trong truyện lại còn hai vẽ nhỏ-nhất nữa : một là anh Vương Quan ; hai là cô Thủy-Vân ; phàm xem truyện, chớ thấy những mẫu nhỏ nhất, mà không chịu tìm ra mọi nghĩa lớn lao ; vậy tôi lại xin tả ra hai bức nhân-vật đáng chê khen nữa, như sau này :

1. — Bàn về anh Vương Quan :

Phàm người ở đời, phải nên có điều gì đáng khen, hoặc có điều gì đáng chê, thời mới là con người có lịch-sử.

Chao ôi ! cái sự khen chê ở đời, nguyên cũng không có lấy gì làm định-thể ; có sự thức-giả khen, mà lưu-tục lại chê ; cũng có sự lưu-tục chê, mà thức-giả lại khen ; có sự năm nọ đáng khen, mà năm nay lại đáng chê ; cũng có sự năm nay đáng chê, mà năm sau lại đáng khen ; có sự ở nơi này đáng khen, mà ở nơi khác lại đáng chê ; cũng có sự ở nơi khác lại đáng chê, mà ở nơi này lại đáng khen ; nhưng, hễ biết rằng cái người ấy có sự ấy đáng khen, có sự ấy đáng chê, thời chắc là cái người ấy có ảnh-hưởng với đời ; có ảnh-hưởng với đời, thời chắc là có lịch-sử.

Khả-bĩ nhất là cái người không có lịch-sử. Ngạn có câu rằng : « Có có

thì chợ cũng đông, có đi lấy chồng thì chợ cũng vui », câu ấy là chê những người không có ảnh-hưởng gì với đời, có cũng như không, không cũng như có vậy.

Tôi thường vào nhà hát xem diễn trò Kiều ; chỉ thấy anh Vương Quan bắt đầu trong buổi Thanh-minh, mặc áo nhà Nho, ra chào bác Kim-Trọng được mấy lời ; rồi vắng ngay đi, không thấy đâu nữa ; rồi gần hết trò, mới lại thấy anh Vương Quan đội mũ cánh chuồn đi trước, có một cậu lệ theo sau, dạ dạ vắng vắng bầm quan huyện, thoáng cái lại đi đâu mất, thế mà thôi ; từ trước đến sau, khiến cho người xem không có cảm-tình gì cả.

Chao ôi ! Khi anh Vương Quan ra màn, trò vườn sản đông sản vui ; khi anh Vương Quan vào màn, trò cũng không vắng không tẻ ; cho mới biết thân-thể anh Vương Quan trong mười lăm năm, không có hành-vi không có ảnh-hưởng gì đến xã-hội một chút nào cả ; nay muốn khen anh Vương Quan, lấy gì mà khen ? muốn chê anh Vương Quan, lấy gì mà chê ? Muốn làm lịch-sử Vương Quan, lấy gì làm lịch-sử ? nhà Nho mà như anh Vương Quan thì thật là khả-bĩ lắm !

Xét trong truyện Thủy-Kiều ; thằng Sở-Khanh xô-lá, dẫn mặt mo ra với đời, khả-bĩ ; anh Vương Quan vô-tích, không trò trống gì với đời, cũng khả-bĩ ; nếu ai ai cũng Sở-Khanh, thì thế-giới thành ra thế-giới đảo-diễn ; nếu ai ai cũng Vương Quan thì thế-giới cũng thành ra cái thế-giới nguội-lạnh ; thế-giới đã đảo-diễn đã nguội-lạnh, thời loài người bảo-tồn được sao ? sinh-hoạt được sao ? Sở mặt mo, Sở mặt mo, nó là kẻ có tội với xã-hội ; Vương vô-tích, Vương vô-tích, anh cũng không được là người vô-tội với nhân-quần.

2. — Bàn về cô Thúy-Vân :

Cô Thúy-Vân thực là một người con gái đáng quý lắm yêu, đáng mất bao nhiêu tiền cũng nên mua lấy được.

Lịch sử cô Thúy-Vân, tuy rằng cũng không có lạ-lùng chói-lọi gì, nhưng hãy xem như mấy câu tả-chân ở trong truyện rằng : « Vân xem trang-trọng khác với, khuôn trắng đầy-dặn nét ngài nỷ-nang; hoa cười ngọc chuốt đoan-trang, mây thua nước tóc tuyết nhường màu da »; thời cái dung-nghi cô, cái phẩm-cách cô, và cái giá-trị cô thế nào tự-nhiên khá rõ.

Cô thực là xứng đáng con nhà khuê-các, đủ làm phép cho con gái chửa chồng muốn kiếp về sau.

Phàm con gái chửa chồng, khi bước chân ra ngoài, chỉ nên quản-lý lấy sự mình, còn sự ai thời cứ mặc ai; cốt làm sao gương loan treo lấy giá ngọc, để cho những loài chim cú nó đừng phẫn-phất đến cách mui; dĩ-nên giá con người thực-nữ, chắc có nơi quản-tử hảo-cầu; còn về phần trao tơ cho phải lứa gieo cầu cho đáng nơi, thời cái đạo làm con, đền nghĩa sinh-thành, phải xẻ quyền cho cha mẹ; rồi về sau có đức thì có phúc, có nhũ thì có phần; cái thân yêu-diệu làm phận má-đào, chỉ chắc về lẽ thế mà thôi, chứ sắc-xiao đến đâu cũng phải nhờ tay ông Nguyệt-lão, khôn-ngoa đến đâu cũng phải dặt đức ông Hóa-nhi. Nếu không thế, hoa đã tan tác ở giữa đường; không có bao giờ còn mong kết-quả; bùn đã nhuộm đen vào nước lọc, chờ cho kiếp khác rồi sẽ đánh phen.

Kìa xem như trong tiết Thanh-minh, Thúy-Kiều Thúy-Vân hai cô cùng đi tảo-mộ, cùng qua mã Đạm-tiên, cùng gặp chàng Kim-Trọng; một cô khóc, một cô cười, một cô mê mẩn như ăn phải bùa, một cô thoảng qua như người hành-khách; phân-minh là một là một chính, một trinh một dâm;

mà về sau phúc-phận cũng quả-nhiên là một dây một mông, một tẻ một vui; ông xanh-xa kia cân đứ: cân tài, cũng thăng bằng lắm đấy; chứ bảo rằng : « Trời xanh quen thói má-hồng đánh ghen », thì thật là không phải.

Xét ra Thúy-Kiều, Thúy-Vân hai cô, thực là mỗi người mỗi vẻ, mười phần vẹn mười, để mà tỉ-nghĩ được. Duy, so về tài-sắc, thì chẳng qua là một mười một chín, nhưng, so về phẩm-cách, thì lại hóa ra một bảy một ba; nay tôi vì tở-đạo nhân-tâm, tôi cũng có ý hơi dè-ngang một chút; vậy tôi xin đem vật-lý hình-dung ra, mà tôi tỉ-nghĩ mấy câu rằng :

Thúy-Kiều như mảnh trăng dưới nước; Thúy-Vân như vầng nguyệt trên mây. Thúy-Kiều như tơ liễu phớt phơ, Thúy-Vân như hoa sen cười nở. Thúy-Kiều như sa Bắc-hải; Thúy-Vân như lĩnh Tây-hồ; Thúy-Kiều như bánh năm mùi; Thúy-Vân như cơm gạo trắng. Thúy-Kiều như vãn-chương tiêu-thuết; Thúy-Vân như kinh-sử đại-gia. Thúy-Kiều như con yến lạc đàn; Thúy-Vân như con oanh học nói. Thúy-Kiều như người trong chớp ảnh; Thúy-Vân như nét bút tả-chân. Thúy-Kiều như khách tao-nhân; Thúy-Vân như người đạo-sĩ. Thúy-Kiều eo le như sườn eo Hảo-vọng; Thúy-Vân êm lặng như mặt bể Thái-bình.

Tiếp đây tôi lại xin đọc lên mấy câu hát-nói, để hiệp vào thể ca-trù, cho người thực-nữ ở nghìn xưa còn đề tiếng.

Hát rằng :

Tiết Thanh-minh em đi tảo-mộ; mà người xưa chị khóc chi mà? Mầu quỳnh đào ai đó khách lần la? Thôi khuê-các nép dưới hoa em với chị. Nhà băng-tuyết giữ chất hồng phong-phỉ; thối mận đào chỉ sớm tối như ai. Ai hôn duyên, ai tủi phận. ai đua sắc, ai cậy tài? Kìa cái sóng bể tình soi cũng dữ. Thúy-Kiều với Thúy-Vân ơi

tế ai vui ai hay ai dữ? về phần ai Kim-mã Ngọc-đường. Trời dành cho khách đoạn-tràng.

Đạo-nhân hát vừa xong, rồi lại đứng lên thưa với khách rằng :

— Lời quê chấp nối như vậy, chắc là phiền tai phiền óc đại-nhã lắm thay.

Khách vội vàng cầm lấy tay Đạo-nhân mà nói rằng :

— Truyện Thúy-Kiều tôi xem đã lâu, mà những lời bà : về văn-chương nhân-vật trong truyện Thúy-Kiều tôi nghe cũng đã lâu ; đến bây giờ tôi mới hơi thấy vui óc vui tai ; tôi còn muốn nghe nữa, chứ ngại gì phiền ; tiên-sinh ngồi xuống đó, đề những điều tôi lĩnh-hội được ý-tưởng của tiên-sinh, tôi xin thuật lại ra đây.

Rồi khách thuật ra rằng :

— Bắt đầu một đoạn thí-dụ ở trên, là khuyên người ta lấy cái cách tu-soạn cổ-thư, nên bảo-lồn lấy cổ-ý ; rồi thứ đề bà : về Kim-Trọng, chia ra các mối tình, mà thiết lại đến nghĩa tri-kỷ ; bàn về Thúc-sinh, nói rõ ra vánh thế-lực, mà quay về đến chữ tu-thân ; bàn về Từ-Hải, là ghét những kẻ hành-vi không có chủ-nghĩa, chê những người phú-quí chỉ vội phô-phang ; bàn về Hồ Tôn-Hiến là cười những người đại-trượng-phu không có độ-lượng, không bằng kẻ đom bả ; bàn về Hoan-Thư, chỉ nói mập-mỡ, cái sự ghen-tuông biết đâu mà nói rõ, nói mập-mỡ cũng là phải ; bàn về Thúy-Kiều, nói chữ hiếu, nói cả đến chữ nhân chữ nghĩa chữ trung, nói được có khó dễ có giải-thuyết, giá-trị Thúy-Kiều nghìn năm mới định, linh-hồn Thúy-Kiều chín tuổi mới yên ; bàn về Vương-Quan là trách những kẻ làm trai không có lịch-sử ; bàn về Thúy-Vân, là khen những người con gái không có phong-linh.

Đạo-nhân thưa :

— Cái ý-tưởng nồng nôi của tôi, đúng như lời đại-nhân thuật ra đó.

Khách lại nói :

— Tôi lại thích nhất về hai đoạn sau cùng, bàn về anh Vương Quan bàn về cô Thúy-Vân lắm lắm !

Là bởi vì cái vấn-đề nhà Nho ở nước ta ngày nay, là cái vấn-đề khó vấn-hỏi.

Hồi-tưởng lại nước ta khi xưa, cái lịch-sử qui bầu cái lịch-sử về vang ở trong nước, có phần quá nửa thuộc về cái lịch-sử nhà Nho ; nhà Lý thời như ông Lê Bá-Ngọc, nhà Trần thời như ông Đoàn Nhữ-Hải, ông Chu Văn-An ; nhà Lê thời như ông Phùng Khắc-Khoan, ông Phạm Đình-Trọng ; Bản-triều thời như ông Đào Duy-Từ, ông Ngô Tông-Chu, ông Phạm Lập-trai, ông Hà Cát-độn, ông Nguyễn Công-Trứ, ông Nguyễn Phương-đình ; người thì có sự-nghiệp, người thì có văn-chương, người thì có tiết-hạnh ; quốc-túy sở-dĩ thành-lập, quốc-hoa sở-dĩ phát-huy, trông về lịch-sử ai ? trông về lịch-sử nhà Nho cả đó.

Thế mà chợt đến ngày nay, trong làng kinh-sử, lặng ngắt như tờ ; trong hội tao-dàn, ít người cổ-xúy ; kẻ thời than thở Hán-học phế rồi, người thời phản-nàn Nho-giả vô-dụng ; nhưng biết đâu là dân chị Hán-văn, khi hết duyên nghĩ lại, dân em Quốc-ngữ đã dậy thì thắc lên ; thư báo nhờ đã được thể quảng-hành, văn-chương chắc lại có phần sinh-sắc ; Hán-học tuy rằng phế đó ; nhưng là phế cái lối chữ viết dọc, xoay ra lối chữ viết ngang, đề lợi-dụng cho Nam-âm đó thôi ; chữ tài-liệu có phế đâu, nghĩa-lý có phế đâu, văn-chương có phế đâu ; hủ-nho vô-dụng, cuồng-nho vô-dụng, chứ thông-nho và chân-nho có vô-dụng đâu.

Cái cuộc chân-chính Nam-âm phong-lưu Nam-hoại này ; chắc những người túc-học năng-văn trong làng Nho bấy lâu, cảm-linh lắm chứ ! hoan-ngheh lắm chứ ! sao bững-hờ vậy ? sao tịch-

mịch vậy ? Chao ôi ! Ngày xưa kén lấy bài văn lạ, như lên rừng mà kén gỗ ; ngày nay nghe được câu văn hay, như bặt thóc năm mất mùa ; nay muốn cầu lấy lịch-sử nhà Nho chẳng nữa, tìm đến sự-nghiệp có không, lục đến văn-chương nhiều ít, nhà Nho chắc có mấy trang hành-trạng, mấy dòng thảo-cảo gì hay không ? hay là chỉ gợn-gàng có mấy chữ « mỗ khoa, mỗ tỉnh, mỗ hiệu, mỗ thôn » đấy thôi ; cái lịch-sử nhà Nho sẵn sàng như vậy, mà nhà Nho ít có chí biết tô-diêm ; cái lịch-sử nhà Nho tốt đẹp như vậy, mà nhà Nho ít có nghề biết phô-phang ; thức-giả nghĩ đến đường quốc-túy, mong đến về quốc-hoa, lại càng thêm thắc-mắc cho nhà Nho lắm lắm !

Nay bản anh Vương Quan, bản được đến lịch-sử, vậy tôi lấy làm thích lắm !

Lại hỏi vì cái vấn-đề nữ-học ngày nay, là cái vấn-đề khó giải-quyết.

Bảo rằng tuân-cổ, thì sợ rằng không hợp thời ; bảo rằng tự-do, thì lại càng nguy-hiểm cho xã-hội lắm.

Quốc-túy nước ta, cốt ở về bốn chữ « tề-gia trị-quốc » không thể lìa nhau ra được, cho nên cửa miệng người ta thường nói tóm tắt lại hai chữ rằng « quốc-gia » ; người Nam ta hấp cái không-khi mát lạnh ấy, đã mấy nghìn năm nay, vì như con cá bễ đã quen ở nước mặn ; nhất-dân nói đến chữ tự-do, ví như con chim chích chửa quen vào rừng, không tránh sao cho khỏi lạc lối được.

Sự tề-gia là những sự gì ? Là những sự làm cha mẹ phải từ, làm con phải hiếu, làm anh phải hiền-thảo, làm em phải kính-nhường, làm chồng phải xướng-bảo, làm vợ phải tùy-tòng vậy. Nếu nam nữ tự-do, thì thành ra không có nhà ; cái đạo cha con anh em vợ chồng ở trong nhà đã hư hỏng đi rồi, thì cái nghĩa vua tôi bè bạn thù-ứng với triều-đình, giao-thiệp với xã-hội ở ngoài

nước có tròn vẹn được sao ? vậy phải giữ gìn lấy quốc-túy là vì thế.

Nhưng, cũng không có thể câu nệ lắm được ; đương cái thi buổi văn-minh tiến-hóa, Âu-Á hợp-dồng, cạnh-tranh trong hội sinh-tồn này, phụ-nữ phải thông-dung ra ngoài, để giao-thiệp về đường kinh-tế, về đường học-vấn. Duy, các bậc phụ-huynh ở trong nhà, phải duy-tri lấy gia-pháp cho tôn-nghiêm ; và các bà giáo-sư ở các trường phải đốc-tránh về đường luân-lý về đường đức-dục cho cần thiết ; thời quốc-túy mới có thể bảo-tồn, mà quốc-bộ mới có thể hi-vọng được.

Nay bản cô Thủy-Vân, bản được có phẩm-hạnh, có qui-lắc, có phận-mệnh, lại nói được có chứng-quả ; vậy tôi lại lấy làm thích lắm !

Đạo-nhân thấy khách có ý lĩnh-hội cho, và có lời chứng-giải cho, nhân cảm-tình tri-kỷ, mới đọc lên mấy câu tập Kiều để tạ lại rằng :

*Nghĩ đời mà ngán cho đời !
Chơi học đã dễ mấy người biết hoa ?
Hữu-tình ta lại gặp ta.
Tương-tri nghĩa ấy mới là tương tri.*

Khách cũng hát lên mấy câu tập Kiều, để đáp lại rằng :

*Dở dang nào có hay gì !
Truyện muốn năm cũ kể chi bây giờ !
Tưởng bây giờ là bao giờ !
Đã buồn cả ruột mà dơ cả đời !*

Đạo-nhân nghe ra ý bất-bình, như oán ! như giận ! như gỏi ! như hờn ! như mĩa ! như than ! như cười ! như mắng !

Mới đứng lên uyển - chuyển, ngồi lại nghiêm-trang mà hỏi khách rằng :

— Có làm sao thế nhĩ ?

Khách nói :

— Tiên-sinh bình như sinh về nghề vắn chương lẫn hay sao ? tiên - sinh lại không biết cái kiếp văn-chương ấy

nữa ư ? Xưa nay những người có văn-chương, như ông Mạnh phu-tử, ông Tư-Mã Tử-Trường, ông Hàn Xương-Lê, ông Tô Tử-Chiêm, ông Nguyễn Tiên-diên, ông Nguyễn Quế - sơn, chẳng qua là một người thừa ở đời ; bây giờ mới nghèo-ngao giờ giỏi, đem ngòi bút cao - siêu đề thay vào ngòi phú quý, mượn mấy pho trước-thuật, đề thế vào hội công-danh ; nhưng thiết-tưởng cũng là hão cả ; văn-chương các ông ấy, tuy hão thì hão, nhưng cũng còn nên được cái giá-trị ở cõi danh-sơn ; bởi vì ngày xưa xã-hội êm đềm đời người ít việc, cho nên còn có lắm người ưa đến màu cao-thượng, quý đến nghĩa tinh-vi ; thì buổi bây giờ là thì buổi cạnh-tranh, cấp về đường công-lợi, xu về nghĩa kim-tiền ; văn-chương tàu-bút, dầy mấy trang từng-dăm điều-thuyết là xong ; văn-chương hơng hoa, thảo mấy khúc du-lý sầm soạn là đủ ; hà-tất phải tư-tưởng ; hà-tất phải tài-tài ; hà-tất phải căn-bản, mà nay Tư-thư mai Lục-kinh ; hà-tất phải tinh-hoa, mà trong Âu Tô ngoài Tả Mã.

Vả lại xã-hội nước ta ngày nay còn lắm cái vấn-đề to lớn ; nào là thực-nghiệp và kia ; nào là khoa-học này khác ; chưa thấy tiên-sinh bàn gì đến cả.

Nay tiên-sinh nung gió nén trăng, nuốt sông phun bể ; nghị-vi văn-chương, phở giãi lấy màu son đỏ ; luận về sách-vở, giữ gìn lấy nét mực rơi ; rồi lại nòng nân với anh Kim-Trọng ; thương hại cho bác Thúc-sinh ; than thở mãi ông Hồ-công ; gắt gười mãi anh Từ-Hải ; nói đến chị Hoạn, có ý rứt rứt ; bàn đến cô Kiều, ra giọng tăng bốc ; giờ giỏi anh Vương Quan, chê bai mãi chẳng thôi ; kể-lẽ cô Thủy-Vân, nức nở mãi không chán ; nghe cũng vui tai vui óc đấy thật, nhưng thiết-tưởng cũng là vô-ích.

Đạo-nhân thừa lại rằng :

— Tôi có phải là người sinh về

nghề văn-chương đâu ! mà cái kiếp văn-chương xưa nay, tôi lại còn không biết nữa đâu !

Bởi cái chức mẫu thiên-phú của tôi, còn gánh vác về phần ngữ-ngôn ; mà cái duyên nợ phong-lưu của tôi, còn dan-diu về đường bút mực.

Huống chi quốc - văn ta ngày nay, còn đương buổi phôi - tạc, chưa đến tuổi thành-lập ; chắc là phải có những người uyên-nguyên về Hán-học, hay là thâm-tiểu về Âu-văn, mới đủ cái tài liệu gây dựng lên nền quốc - văn được.

Tôi sinh ra ở nhị-thập thế-kỷ này, trông thấy cái hiện-tượng quốc-văn hãy còn non nớt, cái tiền-đồ quốc-văn hãy còn mơ màng ; kể về đường lợi-danh, thì tôi thực là người thừa ở xã-hội ; kể về đường trách-nhiệm, thì tôi thực là người còn thiếu ở nhân-quần, nay tôi làm ra văn-chương, tôi không dám kể gì khéo vụng ; tôi chỉ gọi là mở mang ra tư-tưởng, phở giãi ra thể-tài, giữ gìn lấy căn-bản, thân-thái lấy tinh hoa một chút ; để tôi góp lấy một chiếu ngồi chân - chính ở trong làng quốc - ngữ ; thêm lấy một giọt nước hữu tình ở trong bể quốc-văn ; đó là cái gài h vác nhỏ mọn của tôi, tôi còn dám du đầy cho ai đó nữa ; chứ tôi có phải là người sinh về nghề văn-chương đâu ! mà con nhà văn chương xưa nay, những là cuốn khúc Lãng-vân, than thở vì chàng Dương Ý ; phở phề Lưu-thủy, về vai g vác Chung-Kỷ, cái kiếp văn - chương thế đấy, tôi lại còn không biết nữa hay sao !

Vả lại cái vấn-đề xem truyện Thủy-Kiều thực là một cái vấn-đề quan-thiết lớn lao trong xã-Lội nước ta ngày nay đó.

Truyện Thủy-Kiều nguyên là một cái tiền-sử đào-hoa ở nước Tàu, nào tình, nào hiếu, nào si, nào hiệp, nào

ghen tuông, nào ân-oán, nào sư-già, nào trẻ-danh, nào con-dĩ, nào tổ-bộm nào phiên - tướng, nào trọng-thần, thật đủ mọi trò ở trong nhân-thế; cụ Nguyễn Tiên-diễn nước ta mới diễn ra quốc-âm; bởi vì văn-chương hay lắm, cho nên suốt trong một nước, ai nấy đều thuộc lấy làm lòng; chẳng những cười sông, cột núi, dật gió, thêu trăng, những người cao-thượng, phụng làm thán-sư; lại như là giã gạo, ru con, hái dâu, kiếm củi, những hạng thông-thường, cũng quen như đồng-thuộc; văn-chương ở trong truyện, đã quen miệng quen tai; chắc là những sự hàng-vi, những mẫu quan-niệm ở trong truyện, cũng khuyến vào óc, cũng luyện vào hồn.

Xét ra trong truyện Thúy - Kiều, chỉ có hiểu nghĩa và doan-trang hai vẻ là đặc-sắc mà thôi; còn thời nào hào-hoa phong - nhã; nào khuôn phép mỗi giường; nào côn-quyền hơn sức; nào kinh-luán gồm tài; nào mây râu thì sẵn sở, áo quần thì bảnh bao; nào đá vàng cũng dám quyết, phong ba cũng dám liều; rút cục lại thời đều là kẻ có tội với nhân-loại cả.

Người xem truyện Kiều biết lợi-dụng lấy văn-chương phẩm-hạnh, mà làm ích cho nhân-quần thời có ít, chỉ ham mê về tình-thiên dục-hải, mà di-độc cho xã-hội thời phần nhiều; pho truyện Thúy-Kiều thực là có quan-hệ về mọi đường giáo-dục cho những bọn thanh-niên những bọn nữ-lưu ở cái cái buổi quốc-văn ấu-trĩ này lắm lắm! Cái vấn-đề ấy chẳng cần-thiết thì cái vấn-đề gì cần-thiết? cái vấn-đề ấy chẳng lớn-lao thì cái vấn-đề gì lớn-lao?

Vậy tôi xin đem mấy lời cốt-yếu, mấy đoạn làm-ly, tôi diễn ra đây, để các bạn tri-kỷ ta nghe chung; còn về phần khen chê xin đã có công-luận.

Khách bấy giờ mới đổi giận làm vui, đổi gắt làm tươi, đổi mắng làm cười, mà dạy rằng :

— Cái tiền-dồ ngôn-luận văn-chương còn dài lắm đấy, tiên-sinh cổ đi.

Đạo-nhân bấy giờ cũng mở miệng cả cười, đứng dậy, mà thưa lại rằng :

Bỉ-nhân tuy là kẻ bất-tài, xin cũng gắng gượng mà theo lời dạy.

Tùng-Vân NGUYỄN ĐÓN-Phục.

DU' - LUẬN

Bản-chỉ tiếp được bài lai-cáo sau này, cứ y nguyên-văn lục-đăng, cho rộng đường dư-luận.

Thượng-lưu

Hòn ngọc kia ai đã biết là của quý thì tất lo nâng niu gìn giữ làm sao cho khỏi bụi dơ xâm đến; huống - chi thượng-lưu một nước lại là một thứ ngọc có tinh-thần tư-tướng, do khí thiêng của non sông chung đúc, tinh-túy của học-văn kết thành, trân-quí bội phần, ta há lại không nên quan-sát bằng con mắt

tôn-nghiêm, đối-dãi bằng cái cảm-tình trong-sạch hay sao ?

Thượng-lưu nước ta bây giờ tuy không sánh được như thượng-lưu các nước văn-minh tiên-tiến, nhưng đối với nhất-ban quốc-dân tưởng cũng nên có một cái địa-vị sùng-cao ở trong dân-trí. Thế mà xem ra cái vấn-đề thượng-lưu đối với dư-luận ta ngày nay hình như đã phải khuất

chịu nhiều nỗi éo-le, càng ngày càng giảm mất giá-trị.

Ồi ! thương-lưu mà ở những nhà ăn to nói lớn, thương-lưu mà thành câu chuyện hi-hước khêu-dầu, hết thương-lưu ấy đến thương-lưu khác, hồn chữ thương-lưu có thiêng, thương cũng đến âm-thầm nhủ lệ.

Nghĩa chữ thương-lưu tinh tế lắm : Hẹp mà xét thì nó là cái tư-cách của cá-nhân ; rộng mà suy thì nó là cái tinh-thần của một đoàn-thể, nhân-tài của một quốc-gia ; rộng ra nữa thì là cái khu-cơ của đại-dồng thể-giới. Thương-lưu không cứ môn-phái nào, không có giới-hạn nào ; vị-trí thương - lưu nước nào phải cân nhắc theo tình-độ phong-trào nước ấy. Như nước Nam ta, các phái thương-lưu hiện nay có thể tóm tắt chia làm bốn khoa sau này :

1. Thương-lưu về văn-chương ;
2. Thương-lưu về đạo-đức ;
3. Thương-lưu về chính-trị ;
4. Thương-lưu về kinh-tế.

Bốn khoa trên này lại có thể gồm lại làm hai : 1. Văn-chương với đạo-đức. 2. Chính - trị với kinh - tế. — Thương cũng có người tư-cách siêu-cao kiêm-ưu cả bốn. — hạng người ấy gán vào bậc hoàn-nhân.

Ái cũng biết rằng thương-lưu về khoa nào là người linh-tụ giỏi nhất trong khoa ấy ; phàm những điều mình sáng-lập thi-vi, cư-xử, đều đủ làm mô-phạm cho các hàng trung-lưu, hạ - lưu trong nước noi theo. Đại-khái như thương-lưu về văn-chương tất là người có học-vấn yêu - bác, biết đem những kiến-thức tư-tưởng thu vào dưới ngọn bút mình rồi mô-tả ra một cách thần-diệu tinh-tế, để làm cơ-sở cho quốc-văn, tài-bồi cho quốc-túy, dầu lưu-truyền đến trăm nghìn năm về sau người ta xem đến cũng còn động

lòng kính mộ. — Thương-lưu về đạo-đức tất là người biết tu-thần lệ-hạnh, ăn ở hợp với luân-thường nghĩa-lý ; trong thì giữ lấy trật-tự cho gia-đình, ngoài thì giúp cho phong - hóa của xã - hội. — Thương-lưu về chính-trị tất làm sao cho trên không phụ triều-đình chính - phủ, dưới có huệ-trạch đến nhân - dân. Ngày xưa vua Nghiêu nói rằng : « Một người dân đói, là ta làm đói nó vậy ; một người dân rét, là ta làm rét nó vậy ».Ồi ! Lời nói nhân-từ quảng-dại lắm thay ! Nếu các nhà lâm - dân đều theo cái tôn-chỉ ấy mười phần được lấy năm sáu, thời không những nên bậc thương-lưu trong nước, dầu gọi ngay là cái hạnh-phúc của sinh-dân, tưởng cũng không phải là quá vậy. — Thương-lưu về kinh-tế thì người trong quan-giới phải làm sao cho được quốc-phủ dân-trù ; người trong thương-giới phải làm sao khoáng-trương được cái mối lợi-quyền trong nước, như giao - dịch ngoại-thương, chấn-hưng nội-hóa, rồi đứng ra làm người khai đường dẫn lối, diu-dắt đồng-bào lên trường thương-chiến mà tranh - khôi đoạt-giáp với người.

Kề qua cái chuẩn-dịch thương-lưu thì như thế, nhưng thực nghiệm ra cũng có nhà thương-lưu có tư-cách hơn thế, cũng có nhà tư-cách chưa bằng thế đã kể được là thương-lưu ; điều đó phải tùy thời-thế, tùy phong-trào mà định-luận, như đã nói ở trên kia.

Xét trong lịch-sử nước ta, trừ ra một khoa kinh-tế từ xưa không mấy người lưu-tâm đến — vì ngày trước ta quá tin cái chủ-nghĩa « trọng nghĩa khinh tài » — Còn thương-lưu về mấy khoa kia thì lịch-triều đều có cả, như : ông Nguyễn Công-Trãi về khoa văn-chương, ông Chu Văn-An về khoa đạo-đức, ông

Tô Hiến-Thành, ông Phan Thanh-Giản về khoa chính-trị, v. v.

Kịp đến ngày nay, phong trào đổi mới, quốc-hội mở mang, hỏi rằng thượng-lưu đời nay ví với thượng-lưu đời trước hơn hay kém, hồ đã mấy người dám phán-đoán ngay được. Chỉ biết được rằng thời buổi nào kỷ-cương ấy, đời xưa có thượng-lưu đời xưa, đời nay có thượng-lưu đời nay; đã gọi là thượng-lưu, thì dù xưa hay nay, đều là một bậc nhân-tài đáng cho quốc-dân sùng-kính quan-vọng cả. Có khác nhau một điều là thượng-lưu đời xưa đã xa khuất rồi mà tiếng thơm còn lại trong sử sách, lâu dài với non sông; còn như thượng-lưu đời nay rồi có giữ được danh tiếng như thế không, còn phải chờ đề đời sau bình-

luận, mới ngô-hầu khỏi lẫn mất cá bạt châu.

Kìa như ông Nguyễn Bá-Học là một nhà đạo-đức trứ-danh, cũng còn chờ đến lúc lâm-chung mới dám chắc mình đã giữ được khỏi tiếng hạ-lưu.

Vậy thời thượng-lưu khó lắm thay! thượng-lưu quý lắm thay! thượng-lưu như ngọc trắng tuyết trong, người thượng-lưu phải cẩn-thận làm sao cho ngọc khỏi vết, cho tuyết khỏi bùn; người bàn thượng-lưu phải trịnh-trọng làm sao cho khỏi phung-tồn đến cái huy-hiệu nhân-tài một nước. Khó lắm thay!

NGUYỄN-KIỆM

(Cao-bằng)

TIÊU - THUYẾT TÂY

II

LÊ CÔNG-VỊ HIỀU-NỮ⁽¹⁾

(La jeune sibérienne)

Rồi cặp đó lại thi-thăm với nhau, tiếng nói sẽ quá, nàng không thể nghe thấy gì nữa, sau nàng thấy mẹ đàn bà lại gần nàng, nàng biết rằng nguy đã đến nơi, nên nàng vội ngồi nhóm đay van lạy kêu ca và nói rằng nàng không còn đồng tiền nào trong mình nữa; nhưng mẹ đàn bà kia chẳng nói chẳng rằng, cứ lần lưng nắn túi nàng rồi bắt nàng cởi cả giấy ra mà khám xét kỹ càng. Còn anh đàn ông thì cầm đóm lại soi, khám túi đựng giấy thông-hành rồi lại bắt nàng chia bàn tay cho chàng xem, nhưng chẳng thấy gì, nên cặp gian-phi đó để nàng nằm đấy mà lủi ra nơi khác.

Tấn kịch gớm ghê vừa diễn ra đó làm cho nàng sợ mà không tài nào chớp mắt được.

Sau nàng nghe thấy những tiếng gáy ồ ồ của cặp kia nàng mới bớt lo; mệt quá, nàng thiếp đi lúc nào không biết. Đến sáng bạch-nhật mẹ đàn bà mới đánh thức nàng dậy.

Khi nàng sắp bước chân ra đi, thì cặp kia giữ nàng ở lại ăn cơm một cách rất ân-cần âu-yếm. Mẹ đàn bà làm bếp nấu ăn có ý vội vàng hơn hôm trước.

Nàng thấy vậy lấy làm lạ, khi ăn xong rồi, nàng mới vững dạ, họ hỏi

(1) Xem Nam-phong, từ số 57.

gi nàng cũng cứ thật mà trả lời. Sau nàng cũng có kẻ cho họ nghe ít nhiều gia-cảnh của nàng.

Cặp kia nghe nàng nói cũng phải động-tâm rồi họ xin lỗi nàng mà nói với nàng rằng đêm hôm trước họ muốn biết nàng có bao nhiêu tiền là vì họ đã tưởng lầm nghĩ nàng là phường gian-phi. Sau họ lại nói quyết rằng nếu nàng đem lại tiền thì mới biết họ là người lương-thiện.

Sau nàng Lê Công-Vị từ-biệt họ mà ra đi. Nàng ra khỏi nơi ấy nàng lấy làm vui mừng khôn xiết. Đi được một thời dài thì người thiếu-nữ đem lại số tiền. Chắc các độc-giả xem đến đây cũng lấy làm lạ, vì lúc trước nàng chỉ có 80 đồng tiền Kopecks mà đem lại thành ra 120 đồng. Thế là cặp đó đã bỏ thêm vào số tiền của nàng 40 đồng nữa.

Nàng Lê Công-Vị muốn kể lại như thế để tỏ ra rằng : đức Thượng-Đế đã ủng hộ nàng mà đỗi bụng quân gian-phi ấy vậy. Được ít lâu nàng lại gặp một sự nguy-nan khác làm cho nàng sợ hãi vô-cùng.

Số là một hôm nàng phải dậy sớm đi từ hai giờ sáng vì nàng phải đi một thời dài.

Nàng vừa ra khỏi làng thì bị một đàn chó chạy ra vây bọc. Nàng thấy vậy vừa chạy vừa lấy gậy cầm tay chống cự, nàng làm như thế lũ chó lại càng xông vào cắn dữ. Một con cắn rách cả áo nàng. Nàng bèn nằm lăn xuống đất phó-thác mặc trời. Nàng thấy một con dê mồm vào cổ nàng ngửi đi ngửi lại, nàng kinh sợ vô-cùng, rồi bụng bảo dạ rằng :

— Tôi thiên-nghiĩ đức Chúa Trời đã cứu tôi được bình-yên vô-sự đang khi giông-tổ ở chốn quanh-hu và ra khỏi nơi hang hăm thì thế nào ngài cũng ra tay cứu tôi qua cái nạn này.

Sau nàng bình-yên vô-sự không bị vết thương nào là may có một người

trong làng đi qua đó bèn xua đuổi đàn chó ấy tản nát mỗi con một ngã.

Mùa đông đã tới, người thiếu-nữ phải ở lại trong một làng đến tám ngày trời vì tuyết sa nhiều quá đường xá trắng tinh, người lữ-hành không đi được nữa.

Được ít lâu xe chạy đi lại luôn nên tuyết trên đường đã vỡ, nàng đánh bạo chực đi thì những người trong làng ngăn lại và nói cho nàng nghe những sự hiểm nghèo ở dọc đường :

Họ nói rằng đi một cách nguy-nan như thế thì đến những người dân ông lực-lưỡng cũng có khi bị chết, vì gió thổi tuyết sa che mất cả mặt đường, chỉ thấy trắng xóa một màu phẳng lặng.

Trong làng lại có một đoàn xe sắp chở lương-thực đến Ca-thiên-bông để kịp-ngày lễ Phục-Sinh đức Chúa Jê-sus.

Những người đánh xe bằng lòng cho nàng đi cùng một chuyến.

Thật là may cho nàng quá ! Nhưng khốn thay nàng lại không có áo mặc mùa đông, những người hữu-tâm đó lấy chiếu phủ hàng-hóa đắp cho nàng mà nàng cũng không tài nào chịu được rét.

Đến ngày thứ tư thì đoàn xe dõ lại mà nàng đã rét cứng cả người không bước xuống được xe.

Những người hữu-tâm ấy lại phải khênh nàng vào cái quán ở dọc đường.

Họ thấy má nàng đầy những tuyết họ phẩy đi và trông nom nàng rất cẩn-thận. Sau họ bảo cho nàng biết, họ không dám cho nàng đi xa nữa vì chắc càng đi thì rét càng tăng mà nàng không có áo lông chiên mặc rét thì tất bị nạn ở dọc đường.

Người thiếu-nữ nghe vậy giọt lệ chứa chan, rồi nói nếu những người kia để nàng ở đây thì nàng không còn dịp nào may mắn mà đi được nữa.

Và lại, chủ quán cũng không muốn

cho nàng ở đây và bắt những người dẫn nàng đến phải đưa nàng đi nơi khác.

Nàng bối-rối vô cùng nằm bẹp một xó buồng trông rất thương-tâm !

Những người dẫn xe động lòng thương, góp tiền nhau mua cho nàng chiếc áo lông cừu, áo này ở đây giá chỉ có ba đồng tiền rúp nhưng khổn thay mua không được, vì dân-cư ở nơi đồng không mông quạnh này ai cũng chỉ có một cái đủ dùng thôi.

Những người nhân-đức ấy tỏ đến bảy đồng tiền rúp ra mua lại cái áo của một người thiếu-nữ trong cái quán đó cũng không được.

Đang lúc khó khăn ấy, một người thiếu-niên trong bọn đánh xe nghĩ ra một kế mà rằng :

— « Ấu là anh em ta cứ lần lượt nhau cho nàng mượn áo. Đây, tôi cho nàng mặc áo của tôi trước rồi anh em ta cứ mỗi dặm lại đổi áo lẫn nhau ».

Mọi người đều hoan-ngheh kể đó rồi cùng nhau tính quãng đường xem mỗi người phải mấy lần đổi áo cho khỏi sai lầm.

Người thiếu-nữ mặc áo lông chiên, tha-hồ ấm-áp. Còn chàng thiếu-niên lại lấy cái chiếu cuộn tròn rồi cười hát vang ầm.

Cứ qua một dặm đường, thì những người nhân-đức ấy lại lần lượt nhau đổi áo. Đoàn xe ấy chạy rất mau, chả mấy chốc mà đã đến Ca-thiên-bông. Lúc xe chạy ở dọc đường nàng Lê-Công-Vị khôn-hề ngồi miệng tụng kinh cầu đức Thượng-đế ủng-hộ cho những người ân-nhân của nàng được bình-yên vô-sự.

Đến Ca-thiên-bông người thiếu-nữ cũng trọ trong một quán với những người nghĩa-hiệp cứu nàng. Những người này đàm-luận những cảnh phiêu-lưu của nàng, mục chủ quán nghe lỏm được. Mục đoán ngay nàng không có tiền.

Vậy nên mục mới nói cho nàng biết những danh-hiệu các bậc nhân-đức trong tỉnh đó, rồi mục khuyên nàng nên đến những nơi ấy mà cầu-cứu.

Trong các vị nhân-đức đó, mục ca-tụng nhất là Mỹ - Liên. Bà có tính thương người, bà đã cứu biết bao người nghèo khổ, nên tiếng tăm bà đã lừng lẫy một vùng.

Nhiều người trong quán cũng công-nhận như vậy.

Nếu nàng không hiểu ý mục quán mà đi ngay thì mục cũng không cho nàng ở lại.

Ở bên nước *Rút-si* những nhà đề nghị ở dọc đường thường liền một dãy dài và rộng để cho ngựa ở vì chỉ có nóc thôi. Ở riêng một góc con thì mới có nơi ấm-áp. Người bộ-hành muốn nghỉ ngơi thì vào đây, nếu trên lò sưởi không có chỗ nằm thì phải nằm xuống sàn buồng chứ không có giường phản chi cả.

Hôm sau, người thiếu-nữ dậy thật sớm đi nhà thờ cầu-nguyện ấy là thói quen của nàng vậy. Ngày hôm ấy là ngày nhũ-nhật nên nhà thờ chật ních những người.

Cách cầu-nguyện và đồ y-phục của nàng tỏ ra rằng nàng là khách lữ-hành qua đây. Vậy nên khi nàng ở nhà thờ vừa ra thì có một người đàn-bà hỏi nàng là người ở đâu đến.

Người thiếu-nữ trả lời mấy câu, bà kia lấy làm hả dạ, rồi nàng nói cho bà biết nàng định đến cầu bà Mỹ-Liên cứu giúp vì nhiều người đã ca-tụng lòng nhân đức của bà và đã bảo nàng nên lại.

Chính bà Mỹ-Liên đang nói với nàng mà nàng không biết, bà nghe những lời ca-tụng của nàng vừa nói, bà biết lời ấy là lời chân thật chứ không phải lời siểm-nịnh. Nhưng trước khi bà cho nàng biết, bà còn nói đùa nàng mà rằng :

— « Bà Mỹ-Liên mà người ta ca-tụng cho cô nghe như thế thì không chắc bà ta đã nhân-đức như vậy đâu. Nếu cô nghe lời tôi và theo tôi đi, tôi sẽ tìm cho cô một nơi trú ngụ rất tươm ».

Nàng Lê Công-Vị nghe thấy ở quán người ta ca-tụng bà Mỹ-Liên như thế mà nay lại được tin như thế, nên nàng theo bà mà chưa dám nhận lời bà hứa.

Bà thấy nàng đi dửng dăng chậm bước, bà liền cất tiếng mà rằng :

— « Nếu cô muốn lại nhà bà Mỹ-Liên thì kia, nhà bà chỉ cách đây vài bước nữa thôi. Tôi đưa cô vào nhưng cô nên hứa với tôi nếu người ta không giữ cô lại thì cô đi với tôi nhé » ?

Người thiếu-nữ không trả lời câu đó cứ lẩn, lặng đi, khi vào đến trong nhà nàng bèn hỏi những gia-nhân xem bà có nhà không.

Người thị-tý ngạc-nhiên mà không đáp vì thấy chủ mình cũng đứng đấy.

Người thiếu-nữ lại hỏi luôn :

— « Tôi có thể vào yết-kiến bà Mỹ-Liên được không ? »

Một người thị-tý chỉ bà Mỹ-Liên mà rằng :

— « Kia bà tôi đây thôi. »

Nàng Lê Công-Vị quay lại, bà Mỹ-Liên bèn giơ tay ra tiếp. Nàng hôn tay bà mà rằng :

— « Tôi biết mà, bà Mỹ-Liên có đời nào lại như lời phu-nhân vừa nói. »

Bà Mỹ-Liên lấy làm vui mừng khôn tả, bà cho đi tìm người cố-hữu bà là G. phu-nhân đến bàn chuyện để tìm cách giúp nàng.

Khi ăn xong nàng bèn kể cho hai bà nghe cảnh khổ của hai thân nàng và nàng cũng không giấu chi ý nàng định đến Saint Pétersbourg (Sanh-Bê-tách-bua) khiếu-oan cho thân-phụ.

Bà Mỹ-Liên cùng người cố-hữu bà không ngăn nàng việc đó hai bà chỉ

khuyến nàng nên ở lại đến mùa xuân hãy đi vì lúc ấy đang tiết đông, rét càng ngày càng dữ.

Nàng cũng tự biết không thể đi được, hai bà nhâu-đức kia giữ nàng ở lại cũng không nói cho nàng biết sau có thể giúp nàng những việc gì. — Hai bà chiều-dãi nàng một cách rất hậu, nên khi nàng kể chuyện lại nói đến cái tên qui-hóa, « Mỹ-Liên phu-nhân » thì mắt nàng lụy rơi chan-chứa, cảm cái bụng nhân-đức kia.

Nàng ở Ca-thiê-bông dưỡng-sức được ít lâu, người trông đã khỏe-mạnh sau hai bà lại dạy cho nàng học chữ.

Thân-phụ nàng chắc vì cảnh khổ bị đầy chung-thân như thế nên trăn-trối sự giáo-dục của nàng, thế mà nàng có chí cao-thượng như vậy, tưởng cũng kỳ thay !

Khi còn nhỏ, nàng cũng được theo đòi bút-nghiên ít lâu, nhưng lúc ở Sibê-ri nàng phải làm công nọ việc kia nên chữ lại trả thầy hết cả.

Lúc ở nhà bà Mỹ-Liên, nàng hết sức học tập, nên trong vài tháng nàng đã có thể đọc được quyển kinh. Nàng ham đọc kinh lắm vì những tính tình tự-nhiên có sẵn trong tâm-tri nàng, thì nàng thấy trong kinh nói rất là rõ ràng, cảm-động.

Nàng thường nói :

— « Nếu người nào một lòng mộ đạo, tâm tâm niệm niệm đọc kinh để tỏ lòng biết ơn đức Chúa Trời đã ứng-hộ ta biết bao sự tốt lành thì thật là sung sướng biết bao ? »

Bà Mỹ-Liên nghe được lời nàng nói vậy thì mỉm cười, nhưng bà nghĩ bụng chắc không có việc gì là nàng cho là khó khăn cả, vì nàng trí-hiểu và có lòng mộ-đạo như thế tất là Trời sẽ giúp cho thành. Vì vậy nên bà quý trọng nàng lắm. Bà cùng người bạn bà muốn

giữ nàng ở lại nhưng nàng cứ một mực xin đi.

Nàng được ở nơi thanh - thoi sung sướng thường tự hỏi mình rằng :

« Ta ở đây được sung sướng thế này không biết song-thần ta đang làm gì ở nơi đồng không mông quạnh kia ? »

Hai bà nhân-đức đó định tìm cách cho nàng đi.

Mùa xuân đã đến, bà Mỹ-Liên đã sắm sửa hành - trang cho nàng rồi, nhân có chiếc thuyền buôn sắp đến Ni-ninh, bà thuê cho nàng một chỗ rồi bà nhờ một người thương-nhân bà quen biết trông nom cho nàng.

Thuyền đi đến Tô-bôn khách bộ-hành phải lên bộ đi qua dãy núi Ourals rồi lại phải xuống thuyền đi nữa.

Thuyền đi đến sông Kha-mã người thương-nhân bảo-hộ nàng bị ốm, nên phải để nàng ở dưới thuyền mà lên bộ dưỡng-bệnh.

Miền này lại hay có giông bão luôn nên cái thuyền này cũng gặp một cơn giông tố, thuyền bị rạt vào bờ, mấy người lái voley lấy hơi chèo đẩy thuyền ra, vô-ý đụng phải người ngồi ở mạn thuyền, ba người bị rơi xuống nước, trong số ấy cũng có nàng Lê Công-Vị.

Nhưng may thay không người nào bị hại cả, khi vớt nàng lên thuyền, nàng then không dám thay sống áo ở trước mặt đông người, chịu mặc áo ướt, nên nàng mới bị bệnh ho, nàng yếu sức là vì vậy.

Hai bà nhân-đức ở Ca-thiên-bông đã dặn người thương-nhân kia, khi đi đến Ni-ninh thì sắp sửa đồ hành-trang cho nàng đi nữa, nhưng người thương-nhân bị ốm ở dọc đường: Nên nàng đến tỉnh này lại trơ-vơ không trụ.

Khi lên bến, nàng trông thấy gần đấy có một cái nhà thờ đạo, nàng bèn đi đến định xin trú chân ít bữa.

Vào đến nơi nàng nghe thoảng qua chấn-song thấy những tiếng cầu kinh buổi chiều của những nữ-đạo-sinh.

Nàng vui mừng khôn xiết, bụng bảo dạ rằng :

— « Nếu đức Chúa-trời phù-hộ cho tôi đạt tới mục - đích của tôi, thì tôi quyết đi tu để trả ơn ngài ».

Nàng nghĩ vậy rồi lại bước ra thì mặt trời đang gác nóc đồi, nàng đứng cửa nhà thờ hồi lâu ngắm xem phong cảnh.

Tỉnh Ni-ninh ở vào ngã ba hai con sông Lô-ca và Vông-gã, nên nàng đứng chỗ cao ấy nhìn cái cảnh mênh mông kia cũng có khi rộn đời chết.

Khi nàng ở Y-chinh sắp đi, nàng cũng đã tự biết thế nào nàng cũng phải trải những nỗi khổ về vật-chất như đói rét và cái chết nữa, nhưng từ lúc nàng bước chân ra giao-tiếp với đời nàng thấy những sự nham-nhiêm của người đời lại gồm ghê hơn những sự khổ sở về vật-chất kia, nên tấm lòng can-dảm của nàng cũng nhụt đi nhiều vậy.

Khi nàng bước chân ra khỏi nơi đồng không mông quạnh, nàng cũng đã biết trước rằng : Ở giữa đám tru-nhân nơi thành-thị kẻ nghèo nàn khổn khó có than khóc hết hơi đối với những người phong-lưu phú-quí cũng như nước đổ lá khoai mà thôi.

Nhưng từ khi nàng được cái hạnh-phúc gặp hai bà nhân-đức ở Ca-thiên-bông trong lòng nàng lại sinh ra cái tình tự-kiêu vì vậy nên về sau này nàng lại gặp phải nhiều sự khó khăn vất vả.

Nàng ngắm cảnh mà bụng bảo dạ rằng :

— Than-ôi ! Tìm đâu lại được những người nhân-đức như hai bà ở Ca-thiên-bông kia. Tôi đứng trước cái nhà con này mà tôi còn run sợ thế này, khi đến Sanh-Bê-tách-bua tôi muốn tới sân rồng

thì tôi biết làm thế nào cho được ? »

Nàng nghĩ vậy rồi đem lòng chán nản, giọt lệ tuôn rơi.

Nhưng sau nàng tự hối, xin lỗi thần thủ-mệnh mà rằng :

— « Chính thần thủ-mệnh tôi run rủi tôi vào trong nhà thờ cầu đức chúa Trời ủng-hộ cho tôi khỏi đem lòng chán nản đây. »

Nói vậy nàng vội bước vào. Một người nữ - đạo - sanh vừa ra chực đóng cửa trông thấy nàng đang tâm tâm niệm niệm cầu nguyện, bèn lại bảo nàng ra vì đã đến giờ nhà thờ đóng cửa rồi.

Nàng Lê Công-Vị có ý bối rối sau nàng nói thật vì có gì mà nàng vào cầu nguyện một cách bất tỉnh linh như vậy.

Nàng cũng có nói nàng không muốn trọ ở ngoài và xin cho ngủ trọ trong nhà đạo một đêm, nhưng người nữ-đạo-sanh đó nói trong nhà thờ không bao giờ chứa khách lạ, sau lại bảo nàng nên kêu bà thượng-quan cứu giúp cho.

Người thiếu-nữ nghe vậy bèn giờ cái túi trong có đựng bạc đưa ra mà rằng :

— « Không, tôi chỉ xin ngủ trọ đêm nay trong nhà thờ tôi không dám xin gì nữa, vì mấy bà nhân-đức đã cho tôi đủ tiền ăn đường, ngày mai tôi sẽ xin đi thật sớm. »

Người nữ-đạo-sanh dẫn nàng đến bà thượng-quan. Hai người vào phòng bà thượng - quan thấy ngài đang cầu-nguyện người nữ - đạo - sanh qui ngoài cửa đợi, nàng Lê Công - Vị cũng qui theo.

Khi bà thượng-quan cầu kinh xong, bà lại gần nàng nâng nàng dậy một cách ân-cần. Nàng bèn nói cái mục-dịch của mình, rồi đưa giấy thông-hành trình bà xem. Sau nàng xin bà ngủ trọ một đêm, bà vui lòng ưng ngay.

Được tin nàng đến, nhiều người nữ-

đạo-sanh lại phòng bà thượng - quan hỏi chuyện nàng.

Nàng cứ bình-tĩnh kể những nỗi nguy-hiểm xảy ra cho nàng trong cuộc lữ-hành, những người ngồi nghe cũng phải giọt lệ tuôn rơi.

Bà thượng-quan thương nàng lắm, bà cho nàng ngủ tại phòng bà và định giữ nàng ở lại tu-hành.

Nàng Lê-Công-Vị cũng đã định đi tu, nếu cái mục-dịch của nàng có hiệu-quả. Khi nàng đến Ca-thiên-bồng nàng cứ tưởng tỉnh Kim-an là nơi danh-lam cũng cùng một đường đến *Sanh-bê-tách-bua*.

Nàng ước-ao đi qua tỉnh ấy xem dấu-tích những pho tượng thánh, rồi lúc nào nàng gỡ tội xong cho thân-phụ nàng sẽ vào một nhà thờ đạo ở tỉnh đó tu-hành.

Sau nàng biết tỉnh Kim - an không phải cùng một đường đến *Sanh-bê-tách-bua* và thấy bà thượng - quan ở tỉnh Ni-ninh này thương nàng như thế, nên nàng bừa với bà khi đạt xong mục-dịch sẽ lại tỉnh ấy tu-hành. Nhưng bà thượng-quan bảo nàng nên quyết-định trước.

Nàng nói :

— « Tôi muốn ở đây tu-hành cho thoát-tục nhưng tôi không biết ý trời ra làm sao mà tôi dám quyết trước. »

Bà thượng-quan giữ nàng nghỉ lại đây ít lâu rồi bầy đi, nàng vừa ở lại được vài hôm thì bị ốm nặng.

Những y-sĩ ở vùng này thấy bệnh-tình nàng đã chịu không chữa được, nhưng nàng vẫn vững dạ chẳng hề lo sợ.

Nàng nói :

— « Không đời nào cái ngày nay lại là cái ngày cuối-cùng của tôi. Đức Chúa Trời còn để tôi đạt tới mục-dịch. »

Sau quả-nhiên bệnh nàng càng ngày càng bớt. Khi khỏi hẳn nàng định khởi hành nhưng nàng còn yếu không thể đi bộ được, nàng phải chờ chuyển xe đi qua đó để tới Saint Pétersbourg.

Trong cái khoảng thời-gian nàng ở nhà đạo này, nàng nhất tâm theo kỷ-luật nhà tu nên nàng lâu khỏe. nhưng sự học - thức của nàng được rộng thêm ra.

Người trong nhà tu đều quý trọng nàng lắm và thường cầu nguyện đức Chúa Trời phù-hộ nàng chóng đạt tới mục-dịch, vì ai cũng định-ninh thể nào nàng cũng giữ lời hứa của nàng.

Khi những cơn đau không còn có tuyết phủ nữa, nàng bèn từ giã bà thượng-quan theo các khách bộ hành đi xe đến Moscou.

Bà thượng - quan giữ nàng ở lại không được, bà đưa cho nàng một phong thơ dặn nàng đến tỉnh đó, nàng cứ tìm đến nhà S***... tiểu-thư thì chắc được ưu-dãi.

Nàng đến tỉnh ấy thì được như lòng sở nguyện.

S***... tiểu-thư giữ nàng ở lại Moscou mấy bữa, để tìm cho nàng một người bộ-hành cũng đến Saint Pétersbourg. S***... tiểu-thư nhờ một người thương-nhân khác bảo-hộ cho nàng. Trong 20 ngày đường dặm sương dãi nắng, hai người mới tới đến kinh-thành.

Không kể cái thơ của hai bà nhân đức ở Ca-thiên-hồng đưa nàng, S***... tiểu-thư cũng đưa cho nàng một phong thơ đề đưa cho T***... công chúa.

Nàng đã đem biết bao nhiêu sự can-dâm và lòng nghị - lực trong mười tám tháng trời mới tới đến kinh-thành. Đến đây nàng trọ ở nhà người thương - nhân, người này còn mãi buôn bán không nghĩ đến việc của nàng. Đó - thành rộng rãi nàng lấy

làm bối rối chẳng biết hỏi ai cho đến được nhà G***... phu-nhân và T***... công chúa.

Một hôm, người thương - nhân rồi việc định tìm nhà G***... phu-nhân cho nàng thì có tin ở Ri-giã đến, người thương-nhân lại phải đi ngay.

Nàng Lê Công-Vị ở nhà, vợ người lái buôn cũng tiếp đãi tử-tế lắm. Cách vài hôm sau, bà lái và nàng định sang bên kia sông tìm nhà G***... phu-nhân, nhưng sở tuấn-cảnh cấm không cho ai đi qua sông vì nước đông gần tan sợ nguy cho tính-mệnh nhân-dân.

Nàng về nhà trọ vợ vẫn chưa biết nghĩ ra sao thì một người cùng tro đầy khuyên nàng nên mượn người làm đơn gửi lên thượng nghị-viện.

Người làm đơn cho nàng nói trong đơn không rõ và cũng không dặn nàng cách gửi đơn phải thế nào.

Một buổi sáng, nàng mang đơn đến thượng-nghị-viện vào đến nơi thấy ở đây có nhiều người làm việc nàng không rõ đưa cho ai.

Nàng thấy mấy viên thư-ký đang cầm cổ viết nàng bèn lại gần giờ đơn ra, miệng lầm-bầm nói thì nào các ông có thêm nghe cho đâu, các ông lại quay lưng đi không thèm nhìn nữa.

Một chú lính canh ra dáng vạm vỡ đi chạm phải nàng, chú lính ta cầu-nhầu hỏi nàng đến đó có việc gì? Nàng giờ lách đơn ra có ý nhờ chú đưa lên quan giúp cho, thì chú lính ta tưởng nàng là người hành-khất đuổi ngay nàng ra. Cả buổi sáng hôm ấy nàng không dám vào nữa chỉ đứng chờ ở dưới chân thang định gặp quan thượng-nghị-viện vào qua đó nàng sẽ đưa lá đơn ra trình ngài. Nàng đứng chờ một lúc thì thấy nhiều người xuống xe rồi đi lên buồng giấy, y-phục cũng một lối ông nào cũng đeo gươm, cũng có những

ngôi sao ở trước ngực, cũng đeo ngu ở vai.

Nàng tưởng những người ấy là những viên quan võ, nàng cho rằng quan Thượng-ngự - viện y-phục khác hẳn các ông kia, nên nàng không đưa đơn ra trình người nào cả.

Sau mãi đến 3 giờ chiều người trong toà ra cả, nàng vội ra về bụng hỏi dạ: sao trong ngự-viện có nhiều người làm như thế mà không có quan Thượng-ngự-viện nào cả.

Lúc về đến nhà trọ, nàng hỏi vợ người thương - nhân về việc ấy, thì nàng mới biết rằng chính những người nàng trông thấy buổi sáng là các quan trong Thượng-ngự-viện cả.

Ngày hôm sau, lại đúng giờ như hôm trước; nàng đến Thượng-ngự-viện chực, người nào vào nàng cũng đưa đơn ra, nhưng chẳng ai chấp đơn của nàng cả.

Sau có một ông lớn mặc bộ y-phục đỏ, hai bên ngực có sao, đeo gươm vậy trường, đi bệ - vệ vào, nàng thấy

mừng thầm lẩm bầm rằng :

— « Chắc ông này là quan Thượng-ngự-viện đây ».

Nàng vội đến trước mặt viên quan ấy, hai tay chia lá đơn ra, thì cậu lính hầu gạt nàng ra một bên.

Còn ông lớn đó tưởng nàng là người hành-khất bước rào lên thang mà rằng :

— « Đức chúa-trời phù-hộ cho nàng được mạnh khỏe ».

Trong nửa tháng trời nàng cứ mang đơn đi rồi lại trở về, chẳng được công-quả chi cả.

Có khi nàng đứng chờ mãi mỗi chân quá phải ngồi sụp xuống ủ chân lạnh giá, xem những người qua đó, có ai biết đến cảnh khổ cho nàng không.

Trong các kinh-thành to, cái khổ với cái sướng thường gặp nhau luôn mà thường không biết nhau.

Vũ CÔNG-NGHỊ dịch thuật

(Còn nữa)

THỜI-ĐÀM

THẨM-TRẠNG PHÍA NAM NƯỚC TÀU

Bản-chỉ tiếp được ông Hoàng Huy-Ước là người đồng-bào ta sang buôn bán bên Quảng-dông có gửi về hai bức ảnh và một cái thư tỏ về thẩm-trạng phía nam nước Tàu, xem ra cũng đủ biết được ít nhiều tình-hình nước Tàu bây giờ, vậy cứ y nguyên-thư đăng ra sau này.

Nanning-fou le 15 Mars 1922

Monsieur le Directeur du Nam-Phong

Tháng giêng năm nay trước khi tôi đi buôn ở tỉnh Quảng-dông có hứa với tiên-sinh rằng : Khi nào có việc gì hay tôi sẽ gửi về quý-báo. Tôi đi qua Long-

chau, Nanning-fou (1) trông thấy nhiều cảnh-tượng ghê gớm, vậy xin nói đề tiên-sinh hay.

Ghê-gớm thay ! Từ khi tôi khôn lờ

(1) Nam-ninh phủ. — 南寧府

Thảm-trạng phía Nam nước Tàu

Nº 1



Nº 2



đến giờ, không trông thấy cảnh-tượng nào như bên này bao giờ. Xưa nay nghe nói nước Tàu là một nước văn-minh rất sớm, truyền-bá khắp cả cõi Á-đông này, mà nước ta hiện nhiều cảnh-huống nhất, đức Khổng-tử nói: « *Hòa vi qui* », ông Mạnh-tử khuyên người trị nước phải có nhân-ngĩa.

Tôi tưởng nước đã văn-minh, thì quốc-dân sẵn có lòng nhân-tử mà biết thương đồng-loại biết trọng mạng người là phải, không ngờ bây giờ dân Tàu chỉ còn hình-thức văn-minh mà không có tinh-thần, làm cho đến nỗi tổ-quốc mình phải điêu-tàn. Vào trong nước Tàu chỉ thấy thành-quách đồ nát, cảnh-tượng thâm-thê, ai trông thấy cũng rung mình sởn ốc.

Cái nguyên-nhân ấy là tại người giữ quyền chính-trị không có nghĩ gì đến nước nhà, nên đến nỗi thế.

Tôi là một người đi buôn không có tài viết văn mà tả hết được cách chính-trị bên này trong mấy năm nay cho tường-tận, nhưng tôi được mục-kích cảnh-tượng gớm ghê như vậy, xin gửi về hai cái ảnh này thì tiên-sinh sẽ hiểu.

Nước Tàu này mà đến nỗi tan-tành cũng vì những nhà chính-trị chỉ cần lấy lương cho lính. Mà lính là ai ? là toàn những quân đầu trộm đuôi cướp cả, quân đó theo vào đảng nào cũng chẳng mong gì danh-giá, nghĩa-vụ chống giữ người ngoài, chỉ cốt giết lẫn người đồng-bang để lấy của cho nhiều mà thôi.

Chính như Tôn Dật - Tiên ở tỉnh thành Quảng-đông, chiêu-binh tập-mã để đi đánh đảng Bắc-phương, mà hạt mình thì để cho quân gian-đồ hoành-hành, kẻ thì ăn lương Quảng - đông, người thì ăn lương Quảng-tây cướp bóc lẫn nhau, mà hề đến làng nào thì làm cỏ sạch, chỉ còn đồng xương cao ngất bằng đầu, những nhà dân-cư hóa ra tro tàn khói lạnh mà thôi.

Tôi trông thấy nước Tàu loạn lạc như thế mà tôi lại nghĩ đến cảnh thái-bình của nước ta mà mừng.

Nước ta nếu không nhờ được nước Đại-Pháp Bảo - hộ, thì cũng chịu cái ảnh-hưởng nước Tàu mà sinh ra trăm sự xuẩn-động, nào thiếu gì kẻ xưng vương, người xưng-tướng, kẻ giám-quốc, người đốc-quân, khiến cho trong nước phải tan tành thiệt hại về những tay hung-đồ bạo-động như nước Tàu vậy.

Xem như cái ảnh đó mà ghê thay !

Nay thư

HOÀNG HUY-ƯỚC

..

Chức quyền Toàn - quyền. — Bản-chỉ đã nói trong kỳ trước rằng ngày trung-tuần tháng tư tây quan Toàn-quyền Long đã xuống tàu phản-hồi qui-quốc, thì bên Pháp đình đã cử quan Baudoin Khâm-sứ Cao-mên sung chức quyền Toàn-quyền cho đến khi quan Toàn-quyền Long trở lại Đông-Pháp.

..

Hoãn việc thi-hành luật mới Bắc-kỳ. — Chiều theo nghị-định ngày 2 Décembre 1921 thì đến 1er Mai 1922 sẽ thi-hành bộ luật mới ở Bắc-kỳ ; nhưng vì việc in luật chưa xong, nên lại có nghị-định ngày 21 tháng tư năm 1922 định hoãn việc thi-hành bộ luật mới ấy đến 1er tháng bảy năm 1922 mới thi-hành. Trong khi chưa có luật mới thì các nha-môn vẫn cứ tuân theo bộ luật năm 1917.

..

Bản đồng-nghị mới. — Trong Sài-gòn mới xuất-hiện một bản đồng-nghị « *Nhật-tân-báo* ». Bản-chỉ có tiếp được số đầu viết bằng quốc-văn, mỗi tuần lễ ra một kỳ, mỗi số giá 0 \$ 15.

Bản-chỉ vui lòng hoan-ngheh bản đồng-nghị mới và chúc cho trảng-thọ.

Hội Khuyến-học tỉnh Bắc-ninh

Bản-chí tiếp được lai-cáo của hội Khuyến-học Bắc-ninh nói về công việc và chương-trình Hội, đó là một Hội làm việc công-ích cho sự học trong hàng tỉnh, mong rằng các bậc quan-thân thương-sĩ trong tỉnh ấy, đã lưu-tâm tồ-chức lên cái công-cuộc chánh đáng, thời đều nên tận-tâm mà chấn-chỉnh cho đạt tới cái mục-dịch hoàn-toàn; con đường học-giới ngấm về di-vãng kia đã qua mấy hồi đứt-quãng, mà trông về tương-lai này hãy còn lắm đoạn xa xôi, thời cái mối đồng-tâm khích-khuyến đương lúc hiện-thời này, phải cho có nghị-lực thực-hành, phải cho có công-tâm thỏa-đáng, phải cho có cơ-sở vững vàng, thời mới thành được lương-kết-quả, mới không phụ lòng các quan trên tán-thành cho.

Bản-chí vẫn sẵn lòng hi-vọng việc công-ích ấy chóng được thành-hiệu, vậy nên lược-đăng nguyên-văn lai-cáo như sau này :

N. P.

Hội khuyến - học ở tỉnh Bắc-ninh lập lên từ năm ngoái. Ngày 20 Octobre 1921, Hội đã làm lễ khánh-thành, có quan Chánh Công-Sứ Lebé làm chủ tọa. Từ bấy giờ đến nay, hội-viên mỗi ngày một đông, trên có quan Thiệu-bảo Mai Trung-Cát và quan Tổng-đốc Nguyễn Bách đứng chủ-trương cho Hội, nên chỉ từ quan Án-sát, quan lĩnh-binh, các quan phủ huyện, các quan tham phán, các hàng nha-thuộc và các bậc thương-sĩ thân-bào trong hàng tỉnh đã được nhiều "giải hoan-nghênh" cái chủ-nghĩa Hội. Hiện nay công việc đã tiệm yên ổn. Cái cơ phát-dạt thật đã hiển-nhiên vậy.

Hội đã mời được ba ông danh-dự hội-trưởng là :

M.M. Lebé Chánh công-sứ Bắc-ninh,
Noguès quan sáu mẫu-binh
Mayer quan sáu mẫu-binh, và
bấy ông danh-dự hội-viên là :

M.M. Taintonge, Phó công-sứ Bắc-ninh
Foy, chánh tòa Nam-án,
Chazarain, Y-khoa tiến-sĩ,
Jureau, Y-khoa tiến-sĩ,
De la Fourmière, quan hai hầu,
Lê Nhiếp, Tuần-phủ Hà-nam,
Phạm Quỳnh chủ-bút Nam-phong.

Các nơi xa, cũng có nhiều ông mến chủ-nghĩa cao-thượng của Hội mà gửi giấy vào hội, như là ông Lê Văn-Phúc chủ nhà in Đông-kinh-ấn-quản, ông Trần Văn-Quang, chủ-bút Thực-nghiệp-dân-báo, ông phó-bảng Nguyễn Thiện-Kế, ông nghị-viên Nguyễn Văn-Hội và nhiều ông khác nữa. Tất cả các hội-viên được đến 120 ông.

Trong Hội lại lập riêng ra một ban coi việc văn-chương. Cứ mỗi tháng một kỳ ra văn, một bài thơ và một bài luận, tác-giả tùy-ý làm bằng chữ nho hay là quốc-ngữ cũng được. Bình-văn thì chọn một ngày thứ năm vào trung-tuần trong tháng, xin mời các nhà văn-sĩ vừa người trong hội cùng người ngoài hội, cùng nên làm văn cho vui và nhớ ngày mà đến nghe bình-văn. Hễ bài nào hay thì Hội sẽ kính biếu một giải nhỏ, cốt để tỏ cách hâm-mộ văn-tài. Các bài văn đã làm thì xin gửi cho ông Phùng Huy-Bích, Chánh thư-ký của Hội, còn các văn-đàn tiêu-tức thì lục-lục đăng ở báo Trung-bắc-lân-văn. Ban này trên có Cụ Thiệu Mai và Cụ Nghè Nguyễn Đình-Tuân, Án-sát, phê-bình, sau có mười ông hội-viên kiểm-duyet, những ông này phần nhiều

có chân Cử-nhân và Tú-tài cả.

Hội lại mở ban dạy học, để giúp cho các ban học-sinh nhờ nhàn mà không theo học tại trường công được. Học-trò các ban ấy phần nhiều là những thư-ký và thủ-quĩ của các xã cải-lương mà quan Công-sứ đã giao cho Hội dạy giúp. Các ban ấy hiện bây giờ có nhiều học sinh lắm, Hội phải chia ra làm hai lớp : Lớp ngày thì dạy những kẻ còn phải theo đòi chữ quốc-ngữ, còn lớp đêm thì dạy những người đã thông quốc-ngữ rồi mà theo học về cải-lương và các khoa học khác.

Hội-sở nay đang thuê ở phố Ninh-xá, nhưng hiềm về nhà hội chật hẹp lắm, mà tìm được nhà khác cho rộng rãi thì cũng là khó, vả lại không có hội-quán, thì sợ không được vĩnh-viễn lâu dài. Bởi thế Hội-đồng mới chọn ngày đặt tiệc trà để nhân dịp phò bày các việc cho công-chúng đều biết, ngõ-hầu ai nấy hiểu rõ việc Hội, rồi cùng nhau cố-động về việc quyền tiền làm nhà Hội-quán cho chóng được thành-hiệu.

Theo như cách đã dự-định, thì hôm 31 Mars, Hội có mở một tiệc trà thật là trọng-thể, ai nấy đều tỏ ra một cách vui vẻ bằng lòng và cho là một cảnh ít có trong tỉnh này vậy.

Điều-lệ Hội Khuyến-học như sau này :

Bắc-ninh Khuyến - học hội văn-chương và cách-trí

Điều-lệ

Khoản thứ nhất. — Tỉnh phố Bắc-ninh mới lập lên một Hội để khuyến-kích các việc học-tập về nghề văn-chương và các khoa cách-trí đặt tên là « *Khuyến-học hội* ».

Khoản thứ hai. — [Mục- đích Hội này là lập lên một nơi thư-viện để các hội-viên đến mà xem sách-vở và

nhật-báo tạp-chí, và để hoan-ngheh các quý-quan cùng các bậc văn-sĩ nước nhà đến đó mà diễn-giảng những điều hay nhẽ phải theo như mục-dịch của Hội.

Hội định cứ cuối tháng thì làm một tập kỷ-yếu viết bằng chữ quốc-ngữ để sưu-tập những thơ văn cùng luận-thuyết của các hội-viên và những tờ biên-bản công việc của Hội trong tháng ấy. Hội sẽ sắp đặt một lớp học buổi tối để tiện cho các học-sinh đã quá tuổi và các cậu bé đến mà học tập chữ Pháp, và ngheh-tiếp các quý-quan nào mà muốn học tiếng Bản-quốc.

Hội định cách thưởng các ông nào có tài cao, nghề giỏi, hoặc là làm được sách mới bằng quốc-ngữ Pháp-văn hay là chữ nho, hoặc là sáng - kiến ra được điều gì về các khoa học, cùng nghệ thuật.

Về việc khuyến khích ấy. Hội xin mời các ông đem sách vở hoặc công việc đã làm ra, đến trình ông Hội-trưởng hay là ông thư - ký của Hội, để tiện cách giới-thiệu ra Hội-đồng định thưởng.

Khoản thứ ba. — Trong hội cấm không ai được đem việc chính trị và tông giáo ra mà nghị luận.

Khoản thứ tư. — Viên chức trong Hội chia ra như sau này :

- 1^o Danh dự hội-viên,
- 2^o Sáng lập hội-viên,
- 3^o Tân trợ hội-viên,
- 4^o Chủ trì hội-viên,

Các vị Quý quan và Nam quan. Ngài nào mến chủ-ngheh của Hội mà trông nom bênh vực cho, thì Hội xin mời làm danh-dự hội-viên, quan Công-sứ tỉnh Bắc-ninh đứng chủ-trương cho Hội,

Các sáng-lập Hội-viên mà đóng tiền lệ hội ngay hai mươi đồng (20 \$ 00) vào

một lần đầu, thì không phải đóng tiền tháng một nữa.

Tân trợ hội-viên là Ngai nào có lòng giúp cho Hội một món tiền, từ năm mươi đồng (50 \$ 00) bạc trở lên.

Chủ tri hội - viên là tất cả các hội viên theo thường lệ mà đóng năm hào (0 \$ 50) một tháng.

Tại phòng sách sẽ dựng lên một cái bảng đề nghị phươg-danh các hội-viên.

Hội sẽ dùng tiền công-quĩ để làm cho các hội-viên mỗi ông một cái bảng và một cái bài đeo riêng của Hội.

Ái muốn vào Hội, sau khi Hội đã thành lập, thì phải làm một cái đơn tình nguyện đưa cho ông Hội-trưởng.

Khoản thứ năm. — Công-quĩ của Hội thu vào do các khoản như sau này:

1^o Tiền nguyệt-cấp của các hội-viên.

2^o Tiền quyên.

3^o Tiền bạc hoặc sách vở đồ vật của các bậc có bằng - tâm tặng cho Hội.

4^o Tiền trợ cấp của Nhà-nước.

Tiền nguyệt-cấp thì hội viên - phải nộp trong năm ngày đầu tháng. Còn các tiền khác thì phải nộp cho Hội ngay hôm đầu vào Hội.

Hội viên nào để tiền nguyệt-cấp trễ quá hai tháng không đóng, thì viên thủ-quĩ phải làm giấy mà giục. Nếu giục rồi, mà hết cái tháng thứ ba ấy vẫn chưa chịu nộp, thì trong Hội kể ông hội-viên ấy như người đã ra Hội rồi. Nếu ông ấy lại muốn vào Hội thì trước nhất là phải đóng cho đủ cái số tiền thiếu đã.

Khoản thứ sáu. — Hội có một tòa trị-sự để trông nom công việc của Hội. Các viên chức ấy kể như sau này:

1' Một ông Hội-trưởng,

2' Một ông phó Hội-trưởng,

3' Một ông thư-ký,

4' Một ông phó thư-ký,

5' Một ông thủ-quĩ,

6' Sáu ông Kiểm-soát,

Đại hội-dồng đầu phiếu cử lấy 11 ông hội-viên để lập tòa trị-sự. Rồi tòa trị-sự bầu lấy Chánh phó hội-trưởng và kén lấy Chánh phó thư-ký cùng thủ-quĩ. Còn sáu ông nữa thì đều sung chức kiểm soát cả.

Tòa trị-sự phải họp thường hội-dồng, mỗi tháng ít ra là một lần.

Nếu có việc gì cần, thì ông Hội-trưởng có thể mời tòa trị-sự lập hội-dồng ngay.

Hay là có nhờ ba ông hội-viên trị-sự giở lên xin lập hội-dồng, thì trong năm ngày sau, Hội-trưởng phải lập hội-dồng ngay.

Nếu ông Hội-trưởng vắng mặt thì ông Phó-trưởng thay.

Tòa trị-sự bàn bạc điều gì, thì phải theo nhờ quyết-dịnh của phần nhiều các ông hội-viên có mặt, nếu nhờ dị-nghị ấy mà hai bên cũng đều số hội-viên như nhau, thì theo bên có nhờ của ông Hội-trưởng.

Ông thư-ký giữ việc bút trát của Hội, vào sổ theo thứ-tự các tờ biên bản những hội-dồng trị-sự và đại hội-dồng.

Những tờ biên bản thì làm bằng chữ quốc-ngữ hoặc chữ Paáp.

Ông phó thư - ký giúp đỡ ông chánh thư - ký làm việc, và thay mặt viên ấy trong khi đi vắng.

Ông thủ-quĩ thì thu các tiền cho Hội và chi các khoản nào đã có chữ ông Hội-trưởng phê. Nhận số tiền nào thì phải phát biên-lai, mà một nửa thì có lưu bản trong sổ của Hội.

Các ông kiểm-soát thì trông nom tất

cả công việc trong Hội cho đúng như chương-trình, sắp đặt khi đông người cho có trật-tự, và coi sóc Hội-quán cho chỉnh tề.

Hễ khi nào vì phải đi xa, hay vì các cơ gì khác, mà trong mười một hội-viên trị sự, chỉ còn sáu ông, thì phải lập đại-hội-dồng ngay, để cử người thay các viên khuyết ấy.

Khoản thứ bảy.— Nói về đại-hội-dồng. Mỗi năm họp đại-hội-dồng một lần, gọi là «Hội đồng thường niên». Hội-dồng họp vào trong khoảng tháng chạp tây.

Các hội-viên sẽ nhận được giấy mời ít ra cũng là mười lăm ngày trước hôm họp hội.

Khi đại-hội thì tòa trị-sự sẽ trình các khoản chi thu và công việc của Hội về cái năm cần qua ấy. Đoạn rồi đại-hội-dồng bầu lấy các viên chức tòa trị-sự năm mới.

Những viên trị-sự đều có thể được tái cử mãi mãi.

Các hội-viên ai có ý kiến gì muốn bày tỏ cho hội-dồng biết, thì phải làm giấy trình cho tòa trị-sự mười ngày trước kỳ đại-hội-dồng.

Nếu được quá nửa phần hội-viên đến họp thì mới thành đại-hội-dồng và mới bàn định được.

Nhược bằng kém nửa số hội-viên thì đại-hội-dồng phải lui lại sau mười ngày, bấy giờ hội định điều gì thì cứ lấy số quá nửa hội viên có mặt ý hợp là được.

Khoản thứ tám.— Những khoản kê trong chương-trình này, chỉ có kỳ đại-

hội - đồng mới có thể thay đổi thêm bớt được.

Hội có tan, thì phải có hai phần trong ba phần hội - viên lập đại-hội-dồng cho tan mới được.

Khi ấy hễ công-quĩ của Hội còn bao nhiêu do đại-hội-dồng sẽ định quyên vào một nơi công đức ở trong xứ Bắc kỳ.

Khoản thứ chín.— Những điều lệ trong chương trình này buộc các hội-viên phải tuân theo cả. Ai đưa đơn xin vào Hội tất phải nhận rằng đã biết tường tận các điều-lệ rồi, và xin đoan theo cần-thận.

Thăng hoặc về sau nhận điều-lệ này hay là thi-hành lệ này, mà thành ra cãi cò, thì do tòa-trị-sự phân-xử quyết-đoán lấy mà không ai được khiếu nại gì.

Khoản thứ mười.— Phần chương trình này phải đệ lên quan Thống-sứ Bắc-kỳ duyệt-y, và sau này nếu có sửa đổi lại điều gì, thì cũng sẽ phải làm bản khác mà xin Ngài phê duyệt lại.

Bản chương - trình này đính theo nghị-định số 2340, ngày 20 Septembre 1921.

Quan Thống-sứ Bắc-kỳ
MONGUILLOT

Bắc-ninh Khuyển-học hội
lai cáo

Kính tạ

Hiệu Mạc Đình-Tư mới in xong quyền tiểu thuyết « **Muôn - dặm tìm - thân** » của ông Phạm Văn - Thành dịch thuật. Có gửi tặng Bản-chí một quyển, kính lĩnh tạ.

TẬP KỶ-YẾU CỦA HỘI « KHAI - TRÍ TIẾN - ĐỨC »

Hội - đồng quản trị nhà công quán. — Hồi chín giờ tối hôm thứ bảy 15 Avril, ban hội - đồng tổ chức nhà công-quán có những vị này :

MM. Trần Văn-Thông	Chánh hội-dồng.
Nguyễn Thành	Thủ-qui.
Nguyễn Văn-Tâm	Thư-ký.
Phạm Mạnh-Xương	Hội-viên.
Trần Thọ-Huy	Hội-viên.
Hoàng Quang-Hương	Hội-viên.
Phạm Văn-Duyệt	Hội-viên.

Đi họp để xét các đơn thầu về việc quản-lý nhà Cercle.

Có ba đơn thầu của M. Tân-Ký, M. Nguyễn Gia-Huy, và M. Nguyễn Văn-Quynh.

Hội-dồng xét xong thì không ưng-nhận đơn thầu của M. Tân-Ký, vì giá cao mà ông lại xin Hội để cho ông cái nhà bên cạnh Hội-quán để ông tiếp những ông không có chân Hội, như thế thì trái điều-lệ của Hội.

Hội-dồng ưng-nhận đơn thầu của MM. Nguyễn Gia-Huy và Nguyễn Văn-Quynh vì hai ông bằng lòng làm chung với nhau.

Hội-dồng có mời cả hai ông ấy đến để hỏi ý-kiến của các ông về cách-thức tổ-chức và xếp đặt cùng vốn bỏ ra để làm việc Cercle, cùng các đồ dùng tại nhà chèo phải cho lịch-sự hơn các café khác, thì hai ông tình nguyện làm cho thỏa-thuận được lòng Hội.

Hội đã trình quan Chánh-hội duyệt-y đơn thầu rồi sẽ xếp đặt cho đến ngày 1er Mai thì mở cửa nhà Cercle.

Hội-dồng quản-trị hội Khai-trí tiến-đức. — Hồi 6 giờ chiều hôm thứ sáu 28 Avril hội-dồng hội Khai-trí Tiến-

đức họp tại nhà Hội-quán có những vị này :

M M. Hoàng Trọng-Phu, Phạm Văn-Thụ, Trần Văn-Thông, Nguyễn Hữu-Thu, Lê Văn-Phúc, Nguyễn Quý-Toản, Nguyễn Tất-Tế, Đỗ-Thận.

Chiều theo điều-lệ Hội thì đến kỳ đại-hội-dồng thường-niên này hội-dồng quản-trị sẽ phải bầu lại 12 ông, nghĩa là một phần chia ba trong số 36 ông, vậy hội-dồng đã rút thăm thi trúng những ông này : M.M. Marty, Hoàng Trọng-Phu, Bạch Thái-Bưởi, Lacombe, Grossia, Thân Trọng-Huê, Hoàng Mạnh-Trí, Choulet, Nguyễn Bá-Trác, Bùi Hay-Tín, Trần Viết-Soạn, Nguyễn Kim-Lân.

Khi rút thăm xong thời hội-dồng đồng-thanh định lại tiền-cử cả 12 ông lên phiếu bầu để kỳ đại-hội-dồng sắp tới đây lại bầu các ngài ra giúp việc Hội. Song Hội-dồng lại tiến-cử thêm mấy ông nữa phòng khi đại-hội-dồng có muốn thay đổi ông nào chẳng. Mấy ông được tiến-cử thêm là những ông này : M M. Moreché, Berthelot, Đào Huông-Mai, Lê Thành-Ý, Nguyễn Thành, Nguyễn Văn-Tâm và Phạm Văn-Khoan. Rồi Hội-dồng lại xét định những việc sau này :

1. — Định trả cho hội Quảng-lạc 260 \$ 00 về tiền mượn quần áo diễn trò « Bệnh-trưởng » đã hơn hai năm nay.

2. Định trả cho người tây-đen (trước ở cạnh nhà Hội-quán) 100 \$ 00 về tiền thiệt-hại y phải dọn nhà đi.

3. — Cho phép người coi nhà Hội-quán làm tạm một cái bếp, phí-tồn hết độ 5 \$ 00.

4. Định đặt giấy sau này cho các quan

viên trong bản-hội về việc nhà công-quán (Cercle) :

Thưa ngài,

Hội ta đã có người linh-trưng việc công-quán rồi, định đến mồng một tháng năm tây tức là ngày mồng năm tháng tư ta. 5 giờ chiều mở nhà công-quán để cho những hội-viên Hội ta tới lui có sẵn cả các cách tiêu-khiển cho hợp với mục-dịch Hội ta và lại không trái với lễ-thóilịch-sự của xã-hội nước nhà, như phòng cơm tây, cơm ta, uống nước, uống rượu chè, phòng đọc sách, phòng diễn-thuyết đàm đạo, yến tiệc vãn vãn (theo điều thứ 26 trong điều-lệ Hội).

Theo điều thứ 27 trong điều lệ Hội nói về việc kinh-phí trong công-quán định rằng tiền góp của các hội-viên mỗi tháng 0 \$ 50 phải nộp trước

Phàm hội-viên ở Hà-thành hay là ở gần Hà-thành có biên tên vào sổ công-quán là hạng « hội-viên đến thường » thời cả năm tháng nào cũng phải góp.

Tôi đã biên tên ngài vào sổ « Hội-viên đến thường » phải đóng mỗi tháng 0 \$ 50. Xin ngài vui lòng mà nhận

Nếu ngài nào không bằng lòng cũng xin viết giấy cho Hội biết.

Hội Khai-trí Tiên-đức kính đạt

Hội-viên mới. — Các ông kê tên sau đây có giấy xin vào Hội, đã đăng lên báo từ số 54 đến 56, nay hết hạn hai tháng không có ai dị-nghị được nhận vào Hội kể từ ngày 1er Avril 1922.

M M. Cao Văn-Mỹ, — Nguyễn Xuân-Vinh—Đặng Quốc-Giám—Lương Văn-Mỹ—Nguyễn Tấn-Sử—Trần Trình-Trạch—Lê Văn-Thụy, — Nguyễn Văn-Tung — Nguyễn Đức-Đôn — Phạm Quang-Diệu — Trần Văn-Khánh — Nguyễn Đức-Tấn, — Nguyễn Bá-Ngọc, — Phạm Kiêm-Toàn — Phạm Văn-Thư — Mai Tâm-Hỷ — Nguyễn Hoàng-Đán — Trương Văn-Tin — Vũ Tất-

Thuận — Đỗ Thanh-Đằng—Phùng Văn-Thăng — Đinh Văn-Diệp—Sa Văn-Minh—Trần Như-Trình — Vũ-Tòng.

Giấy xin vào hội. — Trong tháng Avril có những ông kê tên sau này xin vào. hạn trong hai tháng trong các hội-viên có điều gì dị-nghị xin viết thư cho Hội biết :

Một qui quan : M. Cucherousset, Directeur de l'Eveil Economique.

A. Xin vào chân chủ-trì :

1. — M M. Nguyễn Văn-Đinh, Débitant général des alcools à Thái-bình. (do quan phủ Tiên-hưng Phạm Văn-Đại giới-thiệu) !
2. — Trần Văn-Nghiêu, Cử-phẩm bá-hộ Surveillant du musée de l'école d'Extrême-Orient.
3. — Trần Văn-Các, buôn bán, 70 phố Thọ nhuộm, Hanoi.
4. — Trần Văn-Thư, chủ nhà buôn đồ gỗ 19 phố hàng Quạt, Hanoi.
5. — Đoàn-Rang, Commis Travaux publics du Tonkin.
6. — Nguyễn Thừa-Viễn Secrétaire au Gouvernement général de l'Indochine 1 Rue des Vers Blancs Hanoi.
7. — Nguyễn Văn-Nho, Giáo học trường Bảo-hộ, 65 phố hàng Khay, Hanoi.
8. — Phùng Văn-Kim, buôn bán, 31 phố hàng Đồng, Hanoi.
9. — Lương Hữu-Nhận, Secrétaire de l'Eveil Economique de l'Indochine, 215 Rue du Coton, Hanoi. (hai ông này do ông Nguyễn Qui-Toàn giới thiệu).
10. — Lê Văn-Chạc, Commis des Résidences détaché au Gouvernement général Hanoi.
11. — Nguyễn Xuân - Hà, Hàn-lâm-viên dãi-chiếu, buôn bán xã Lãng-uyên tổng Lãng-phong, phủ Nho-quan tỉnh Ninh-bình.
- *12. — Nguyễn Văn-Truân, Commis, des Douanes, 26 rue du Lac Hanoi.

13. — Bạch Thái-Tòng, buôn bán. 110 Quai Clémenceau, Hanoi.
14. — Bạch Thái-Đào, buôn bán Nam-dịnh.
15. — Bạch Thái-Toán, buôn bán, Hải-phòng.
16. — Nguyễn Văn-Ất, Sư-cụ chùa Trung hậu, tổng Đa-lộc tỉnh Phú-Yên (do quan huyện Yên-lạc Từ-Bộ-Thực giới-thiệu).
17. — M. Georges Detric, Administrateur des Services Civils, Gouvernement Général de l'Indochine.
18. — M. Adrien Manau, Administrateur des Services Civils Résidence Supérieure au Tonkin Hanoi.
29. — M. Jaspar Jules, Consul de Belgique, Hanoi.
20. — Đỗ Đức-Hương, Commis interprète à la Cour d'Appel, 37 Rue Sông Tô-lịch Hanoi.
21. — M. Nguyễn Văn-Ngọc, Commis interprète au Greffe du Tribunal de 1er Instance Hanoi, 55 Route Mandarine Hanoi.
22. — M. Ngô Văn-Phú, Rédacteur à la France-Indochine 13 Bd Gia-long Hanoi.
23. — Trần Ngọc-Cảnh ? Négociant, Rue Paul Bert.

**Giấy mời các hội-viên hội Khai-trí
Tiến-đức đến họp đại-hội-đồng**
Hanoi ngày 30 tháng 4 lấy 1922

Kính đạt

Các ngài hội viên chủ-tri tán - chợ
hội « **Khai-trí-tiến-đức** »

Hội-đồng quản-trị Hội ta định đến ngày 14 Mai này tức là ngày 18 tháng tư ta đúng 8 giờ sáng họp đại-hội-đồng thường-niên tại nhà Hội-quán phố hàng Trống, Hà-nội.

Chương-trình các việc kỳ đại-hội-đồng như sau này :

1° Nghe tờ trình của tòa Tri-sự về công việc và tiền bạc của Hội trong năm vừa qua ;

2° Duyệt-y sổ kế-toán năm 1921 ;

3° Quyết sổ dự-toán năm 1922 ;

4° Cử một hay là nhiều viên kiểm-tra sổ-sách ;

5° Duyệt-y mấy điều thay đổi ở điều-lệ Hội ;

6° Cử một tòa kiểm-trị tạp-trí Nam-Phong ;

7° Bầu lại một phần hội-đồng quản-trị theo điều thứ 11 trong điều-lệ ;

8° Bầu lại tòa tri-sự ;

9° Bàn các việc linh-tinh.

Hội ta mỗi năm mới họp đại-hội-đồng một lần, vậy xin các ngài thế nào cũng lại họp cho được đông, trước là có dịp gặp mặt nhau, sau là cho được biết công việc Hội. Hoặc ngài nào mắc bận hay ở tỉnh xa không tiện về thời theo điều-lệ có thể gửi giấy bầu về hay là ủy-quyền cho ông hội-viên nào ở Hà-nội bầu thay cũng được. Ngài nào muốn bàn điều gì công-ích cho Hội cũng xin cứ viết giấy về cho Hội biết.

Nay kính đạt

Khai-Tri-Tiến-Đức hội Hội-Trưởng

HOÀNG TRỌNG-PHÚ KÝ

Tòa thư-ký Hội đã gửi giấy đạt mời các ngài hội-viên hội Khai-trí Tiến-đức đến ngày 14 tháng năm tây tức là ngày 18 tháng tư ta đến họp đại-hội-đồng tại nhà Hội-quán phố hàng Trống Hà-nội.

Thư từ nhiều khi chậm trễ thất-lạc, nếu các ngài không nhận được giấy mời ấy trước ngày đại-hội-đồng thì xin các ngài viết giấy về cho Hội biết. Nếu không còn rộng thì giờ thì xin các ngài coi giấy này như giấy mời vậy.



Chân dung ông Bạch Thái-Bưởi
Mới bầu làm phó Hội-trưởng Hội Khai-Tri-Tiền-Dức